

BÁO CÁO TỔNG HỢP
CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
THỊ TRẤN THẮT KHÊ - HUYỆN TRẢNG ĐỊNH - TỈNH LẠNG
SƠN ĐẾN NĂM 2035

Năm 2024

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ
THỊ TRẤN THẮT KHÊ - HUYỆN TRÀNG ĐỊNH - TỈNH LẠNG
SƠN ĐẾN NĂM 2035**

CHỦ ĐẦU TƯ

**UBND HUYỆN TRÀNG ĐỊNH
PHÒNG KINH TẾ HẠ TẦNG**

ĐƠN VỊ TƯ VẤN

**CÔNG TY CỔ PHẦN TƯ VẤN XÂY
DỰNG VÀ QUY HOẠCH ĐÔ THỊ**

MỤC LỤC

PHẦN 1. PHẦN MỞ ĐẦU	4
1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch:	4
1.1.1. Các căn cứ lập quy hoạch:	4
1.2. Mục tiêu xây dựng chương trình	8
1.2.1. Mục tiêu chung	8
1.2.2. Mục tiêu cụ thể:	9
1.3. Phạm vi nghiên cứu và thời hạn lập Chương trình phát triển đô thị	9
2.1. Khái quát chung về đô thị Thất Khê	10
2.1.1. Lịch sử hình thành đô thị	10
2.1.2. Vị trí, vai trò	11
2.1.3. Đặc điểm tự nhiên	12
2.1.4. Hiện trạng sử dụng đất	13
2.1.5. Hiện trạng dân số, lao động	14
2.1.6. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội	15
2.1.7. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan	18
2.2. Thực trạng cơ sở hạ tầng xã hội	19
2.2.1. Thực trạng cơ sở hành chính	19
2.2.2. Thực trạng cơ sở Giáo dục - Đào tạo:	19
2.2.3. Thực trạng cơ sở Y tế:	20
2.2.4. Thực trạng cơ sở Văn hóa – du lịch:	21
2.2.5. Thực trạng thương mại – dịch vụ	22
2.2.6. Thực trạng nhà ở	22
2.3. Thực trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật	22
2.3.1. Giao thông	22
2.3.2. Chuẩn bị kỹ thuật	24
2.3.3. Thoát nước mưa:	24
2.3.4. Cấp nước	25
2.3.5. Cấp điện	25
2.3.6. Viễn thông:	25
2.3.7. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang	26
2.4. Tình hình phát triển đô thị Thất Khê	26
2.4.1. Về công tác quy hoạch và phát triển đô thị	26
2.4.2. Hiện trạng vốn đầu tư phát triển	29
2.5. Đánh giá chung :	29
2.5.1. Kết quả đạt được	30
2.5.2. Tồn tại, hạn chế:	30
2.6. Đánh giá tổng hợp các tiêu chí của đô thị Thất Khê theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15.	31
2.6.1. Rà soát đánh giá tiêu chí đô thị Thất Khê	31
2.6.2. Nhận xét, đánh giá tổng hợp	38
2.7. Một số chỉ tiêu quy hoạch đô thị được nghiên cứu trong đồ án quy hoạch	40
2.7.1. Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030	40
2.7.2. Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000	42
2.8. Xác định các tiêu chí, tiêu chuẩn để đầu tư xây dựng phát triển đô thị	48
2.8.1. Quan điểm	48
2.8.2. Xác định các tiêu chí, tiêu chuẩn để đầu tư xây dựng phát triển đô thị	49

III. PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THẮT KHÊ, HUYỆN TRẢNG ĐỊNH ĐẾN NĂM 2035.	50
3.1. Danh mục lộ trình triển khai các khu vực phát triển đô thị.....	51
3.1.1. Nguyên tắc chung	51
3.1.2. Các khu vực phát triển đô thị - Thị trấn Thắt Khê	51
3.1.3. Lộ trình thực hiện	52
3.1.4. Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được phù hợp với quy hoạch chung đô thị, Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15.....	54
3.1.5. Xây dựng danh mục dự án hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.	55
3.1.6. Quản lý quy hoạch và phát triển các khu đô thị thị trấn Thắt Khê	57
3.1.7. Chương trình đầu tư hạ tầng đô thị.....	57
3.1.8. Chương trình đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị	61
3.2. Các dự án đã và đang triển khai.....	65
3.3. Các dự án thiết yếu cần đầu tư phục vụ phát triển đô thị	67
3.3.1. Kế hoạch hoàn thiện các tiêu chí phát triển đô thị.....	67
3.3.2. Các dự án chiến lược.....	68
3.3.3. Tổng hợp kinh phí, cơ cấu nguồn vốn triển khai thực hiện.....	72
3.3.4. Tổng hợp nhu cầu vốn	73
3.3.5. Kế hoạch phân bổ vốn - cơ cấu nguồn vốn	83
3.4. Xây dựng các giải pháp về cơ chế, chính sách thực hiện.....	93
3.4.1. Giải pháp về nguồn vốn đầu tư:	93
3.4.2. Giải pháp về cơ chế chính sách:	95
3.4.3. Giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư:	95
3.4.4. Giải pháp về quy hoạch và quản lý đô thị	96
3.4.5. Giải pháp về xây dựng hạ tầng đô thị:	96
IV. PHẦN 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN	98
4.1. Ủy ban nhân dân tỉnh:.....	98
4.2. Sở Xây dựng:	98
4.3. Các sở, ban, ngành liên quan:.....	98
4.4. Ủy ban nhân dân Huyện Trảng Định:	98
4.5. Ủy ban nhân dân thị trấn Thắt Khê:	98
5.1. Kết luận.....	99
5.2. Kiến nghị.....	99
PHẦN PHỤ LỤC	100

PHẦN1. PHẦN MỞ ĐẦU

1.1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch:

Thị trấn Thất Khê là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội, thương mại và dịch vụ của huyện Tràng Định, là một huyện cửa ngõ phía bắc của tỉnh Lạng Sơn, nằm trên tuyến Quốc lộ 4A đi Cao Bằng, cách thành phố Lạng Sơn 65 Km, với điều kiện thực tế của một thị trấn miền núi còn nhiều khó khăn, có xuất phát điểm thấp, thương mại dịch vụ chủ yếu là trao đổi hàng hóa đơn giản, kinh tế nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo. Trong những năm qua với nền kinh tế mở việc hợp tác thông thương kinh tế giữa Việt Nam –Trung Quốc đã có nhiều tác động đáng kể đến đời sống người dân nơi đây, đồng thời cũng đã tạo được sức hút thu hút dân từ nơi khác đến đây cư ngụ, Thị trấn Thất Khê đã thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra. Kinh tế xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, kinh doanh dịch vụ ổn định, công tác thú y, bảo vệ thực vật được thực hiện kịp thời, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục có bước phát triển. Công tác quốc phòng an ninh được đảm bảo. Công tác xây dựng Đảng được chỉ đạo toàn diện trên các mặt chính trị, tư tưởng; công tác kiểm tra giám sát và giữ nghiêm kỷ luật đảng được tăng cường. Tuy nhiên, với tốc độ phát triển nhanh chóng của kinh tế xã hội, tổ chức không gian của thị trấn cần được kiện toàn nhằm phát huy tối đa những kết quả đã đạt được trong những năm tới.

Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung được duyệt cũng đặt ra nhu cầu phát triển ở địa phương, các cơ sở hạ tầng kỹ thuật như giao thông, điện, cấp thoát nước và hạ tầng xã hội đã được đầu tư và chỉnh trang đô thị các tuyến phố, làm thay đổi bộ mặt đô thị, cải thiện môi trường đô thị.

Để tạo tiền đề phát triển cho đô thị Thất Khê phát triển nhanh, bền vững thực hiện được mục tiêu phát triển của tỉnh Lạng Sơn nói chung và Huyện Tràng Định nói riêng cũng như có cơ sở triển khai một số nội dung liên quan, việc xây dựng Chương trình phát triển đô thị Thất Khê giai đoạn 2021 đến năm 2035 là rất cần thiết. Chương trình phát triển đô thị Thất Khê sẽ cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị, xác định các khu vực phát triển đô thị, xây dựng kế hoạch lộ trình phát triển cơ sở hạ tầng và không gian đô thị cụ thể nhằm đảm bảo cho sự phát triển vừa có trọng tâm, trọng điểm vừa phát triển bền vững, đảm bảo tính liên kết và thống nhất giữa quy hoạch các ngành, giữa các khu vực phát triển đô thị trong huyện và với đô thị lân cận.

Xây dựng chương trình phát triển đô thị Thất Khê cũng là bước quan trọng nhằm xác định các chương trình dự án, hạng mục đầu tư và đề xuất các cơ chế chính sách phù hợp theo lộ trình phát triển, đảm bảo công tác xây dựng phát triển đô thị của huyện theo quy hoạch định hướng đã đặt ra. Xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội đô thị từng bước theo xu hướng thông minh, hiện đại đồng bộ; xây dựng các tiêu chí, chỉ tiêu kinh tế kỹ thuật áp dụng cho đô thị loại IV để từng bước phát triển thành thị xã giai đoạn 2031-2035, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân, tạo diện mạo mới về kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh hiện đại.

1.1.1. Các căn cứ lập quy hoạch:

- a. Các văn bản Luật, Nghị quyết, Nghị định, Thông tư.

- Căn cứ Luật Quy hoạch đô thị ngày 17/6/2009;
- Căn cứ Luật Xây dựng ngày 18/6/2014; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật xây dựng ngày 17/6/2020;
- Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;
- Căn cứ Luật Quy hoạch ngày 24/11/2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018
- Luật Đất đai ngày 29/11/2013;
- Luật Đầu tư công ngày 13/6/2019;
- Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/ 6/ 2015;
- Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20/11/2018;
- Luật Kiến trúc ngày 13/6/2019;
- Nghị định số 11/2013/NĐ-CP ngày 14/01/2013 về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
- Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định chi tiết thi hành một số luật đất đai;
- Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;
- Nghị định số 164/2018/NĐ-CP của Chính phủ: Về kết hợp quốc phòng với kinh tế - xã hội và kinh tế - xã hội với quốc phòng
- Nghị định số 37/2017/NĐ-CP ngày 07/5/2019 quy định chi tiết thi hành một số điều của luật quy hoạch;
- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17 tháng 7 năm 2020 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;
- Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 sửa đổi bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai;
- Nghị định 03/VBHN-BXD của Bộ Xây dựng ngày 30/5/2023 về quản lý đầu tư phát triển đô thị;
- Nghị định số 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ Sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;
- Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị.
- Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị;

- Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính;

- Thông tư số 12/2017/TT-BXD ngày 30/11/2017 của Bộ Xây dựng hướng dẫn xác định và quản lý chi phí liên quan đến đầu tư phát triển đô thị;

- Thông tư số 06/2023/TT-BXD ngày 08/09/2023 của Bộ xây dựng hướng dẫn một số nội dung về chương trình phát triển đô thị;

- Công văn 5034/BNV-CQĐP ngày 07/10/2021 của Bộ Nội vụ Về việc thành lập, giải thể, nhập, chia, điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính;

- Quyết định số 445/QĐ-TTg ngày 07/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ “Phê duyệt điều chỉnh định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam đến năm 2025 và tầm nhìn đến năm 2050”;

- Quyết định 748/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt nhiệm vụ lập quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030;

- Quyết định 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phân bổ chỉ tiêu Quy hoạch sử dụng đất quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050;

- Quyết định số 236/QĐ-TTg ngày 19/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 227/QĐ-TTg ngày 12/3/2024 của Thủ tướng Chính phủ về điều chỉnh một số chỉ tiêu sử dụng đất đến năm 2025 đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 326/QĐ-TTg ngày 09/3/2022;

- Quyết định 510/QĐ-BXD ngày 19/5/2023 của Bộ xây dựng phê duyệt Công bố suất vốn đầu tư xây dựng công trình và giá xây dựng tổng hợp bộ phận kết cấu công trình năm 2022.

- Quyết định số 2256/QĐ-BQP ngày 30/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng về phê duyệt bản đồ xác định các khu quân sự và địa hình ưu tiên cho nhiệm vụ quốc phòng để tích hợp vào quy hoạch tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương thời kỳ 2021 – 2030, tầm nhìn đến năm 2050.

b. Các văn bản của tỉnh Lạng Sơn

- Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2035;

- Quyết định 96/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, đến năm 2025 tỷ lệ 1/5000; Quyết định số 1864/QĐ-UBND ngày 17/9/2021 về việc phê

duyet điều chỉnh cục bộ Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, tỷ lệ 1/5.000.

- Quyết định số 1356/QĐ-UBND ngày 10/07/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Quyết định số 2410/QĐ-UBND, ngày 10/12/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn Về việc giao kế hoạch đầu tư công trung hạn vốn ngân sách tỉnh giai đoạn 2021 – 2025;

- Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc Phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất trong quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc công nhận thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn là đô thị loại V.

- Quyết định số 1966/QĐ-UBND ngày 12/12/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc giao chỉ tiêu kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và dự toán ngân sách Nhà nước năm 2023;

- Quyết định số 1702/QĐ-UBND ngày 20/10/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc điều chỉnh chỉ tiêu sử dụng đất trong kế hoạch sử dụng đất 05 năm (2021-2025) tỉnh Lạng Sơn tại Quyết định số 927/QĐ-UBND ngày 01/6/2022 của UBND tỉnh cho cấp huyện;

- Quyết định số 220/QĐ-UBND ngày 16/02/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 và Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Tràng Định.

- Quyết định số 2041/QĐ-UBND ngày 08/12/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt Đề cương lập chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035.

- Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 26/01/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn về việc phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000;

- Phương án số 06/PA-UBND ngày 23/01/2024 của UBND tỉnh Lạng Sơn về tổng thể sắp xếp đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023-2025

- Quyết định số 1038/QĐ-UBND ngày 30 tháng 5 năm 2012 của UBND huyện Tràng Định V/v phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xây dựng nông thôn mới xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.

- Quyết định số 1052/QĐ-UBND ngày 02/05/2019 của UBND huyện Tràng Định về việc phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu đô thị mới Nam Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500.

- Quyết định số 1327/QĐ-UBND ngày 10/6/2021 của UBND huyện Tràng Định về việc Phê duyệt Đồ án quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Hang Đông, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500; Quyết định số 2453/QĐ-UBND ngày 08/9/2022 của UBND huyện Tràng Định phê duyệt đồ án điều chỉnh cục bộ quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư Hang Đông, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn, tỷ lệ 1/500.

- Quyết định số 1680/QĐ-UBND ngày 15/7/2022 của UBND huyện Trảng Định về việc phê duyệt Đồ án Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 khu dân cư Nà Nghiều, xã Đại Đồng, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn.

c. Văn bản liên quan

- Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động số 04-Ctr/TU ngày 06/11/2020 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về đẩy mạnh tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới, giai đoạn 2021 – 2025;

- Kế hoạch số 41/KH-UBND ngày 9 tháng 03 năm 2020 của UBND tỉnh Lạng Sơn về kế hoạch hành động thực hiện chiến lược phát triển dân số tỉnh Lạng Sơn;

- Kế hoạch số 113/KH-UBND ngày 19/5/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn;

- Kế hoạch số 154/KH-UBND ngày 11/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn Kế hoạch Tổ chức thực hiện Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2035 (giai đoạn 1, năm 2021 - 2025);

- Kế hoạch số 122/KH-UBND ngày 27/5/2023 của UBND tỉnh Kế hoạch thực hiện Nghị quyết số 148/NQ-CP ngày 11/11/2022 của Chính phủ và Chương trình hành động số 74-CTr/TU, ngày 22/3/2023 của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW, ngày 24/01/2022 của Bộ Chính trị về quy hoạch, xây dựng, quản lý và phát triển bền vững đô thị Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045;

- Chương trình hành động số 74-CTr/TU của Ban Chấp hành Đảng bộ tỉnh thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/TW của Bộ Chính trị;

- Văn bản số 311/SXD-QHKT&PTĐT ngày 3/3/2022 của Sở Xây dựng về việc Hướng dẫn quy trình lập, thẩm định và phê duyệt Chương trình phát triển đô thị cho các đô thị trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn.

- Các Quyết định phê duyệt đồ án quy hoạch chi tiết tại đô thị.

- Các tài liệu, số liệu có liên quan.

1.2. Mục tiêu xây dựng chương trình

1.2.1. Mục tiêu chung

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình phát triển cơ sở hạ tầng đô thị theo quy hoạch, kế hoạch nhằm phát huy những lợi thế có sẵn phù hợp với quy hoạch chung xây dựng đô thị được duyệt. Khai thác sử dụng hiệu quả, tiết kiệm các nguồn lực đầu tư.

- Làm cơ sở quản lý, phát triển đô thị huyện Trảng Định – tỉnh Lạng Sơn đảm bảo các định hướng phát triển Hệ thống đô thị Việt Nam, Chương trình phát triển đô thị quốc gia; chương trình phát triển đô thị toàn tỉnh Lạng Sơn, đảm bảo các yêu cầu về quản lý đầu tư phát triển đô thị; phù hợp với các định hướng quy hoạch phát triển của Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn Lạng Sơn thời kỳ 2021 -2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Nâng cao chất lượng sống đô thị, thông qua việc tập trung nguồn lực hợp lý để xây dựng cơ sở hạ tầng kỹ thuật đô thị và hạ tầng xã hội đô thị, kiến trúc cảnh quan phù hợp, đồng bộ, từng bước hiện đại và bền vững. Đảm bảo tính kết nối theo quy hoạch tỉnh đã được xác định giữa các đô thị trong hệ thống đô thị tỉnh Lạng Sơn.

- Chương trình phát triển đô thị là cơ sở để đánh giá phân loại đô thị thị trấn Thất Khê (mở rộng) theo quy hoạch đã được phê duyệt, làm cơ sở để xây dựng Đề án điều chỉnh địa giới đơn vị hành chính mở rộng thị trấn Thất Khê trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.

1.2.2. Mục tiêu cụ thể:

- Cụ thể hóa Quyết định 241/QĐ-TTg ngày 24/02/2021 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021 - 2030; Quyết định số 2706/QĐ-UBND ngày 25/12/2020 của UBND tỉnh phê duyệt Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2020 - 2035;

- Căn cứ các tiêu chuẩn, tiêu chí về phân loại đô thị được quy định tại, Nghị quyết số 1210/NQ-QH, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị, Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 27/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1211/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội tiêu chuẩn của đơn vị hành chính và phân loại đơn vị hành chính; đánh giá thị trấn theo phân loại đô thị trong địa bàn huyện, từ đó xác định kế hoạch đầu tư các dự án xây dựng phát triển, từng bước hoàn thiện các tiêu chuẩn, tiêu chí về phân loại đô thị còn yếu, đảm bảo chất lượng cơ sở hạ tầng đô thị theo phân loại.

- Lập danh mục thứ tự các dự án đầu tư xây dựng theo kế hoạch, lộ trình và chiến lược cụ thể cho từng giai đoạn phát triển đảm bảo phù hợp với các chương trình, mục tiêu phát triển đã đề ra theo hướng bền vững.

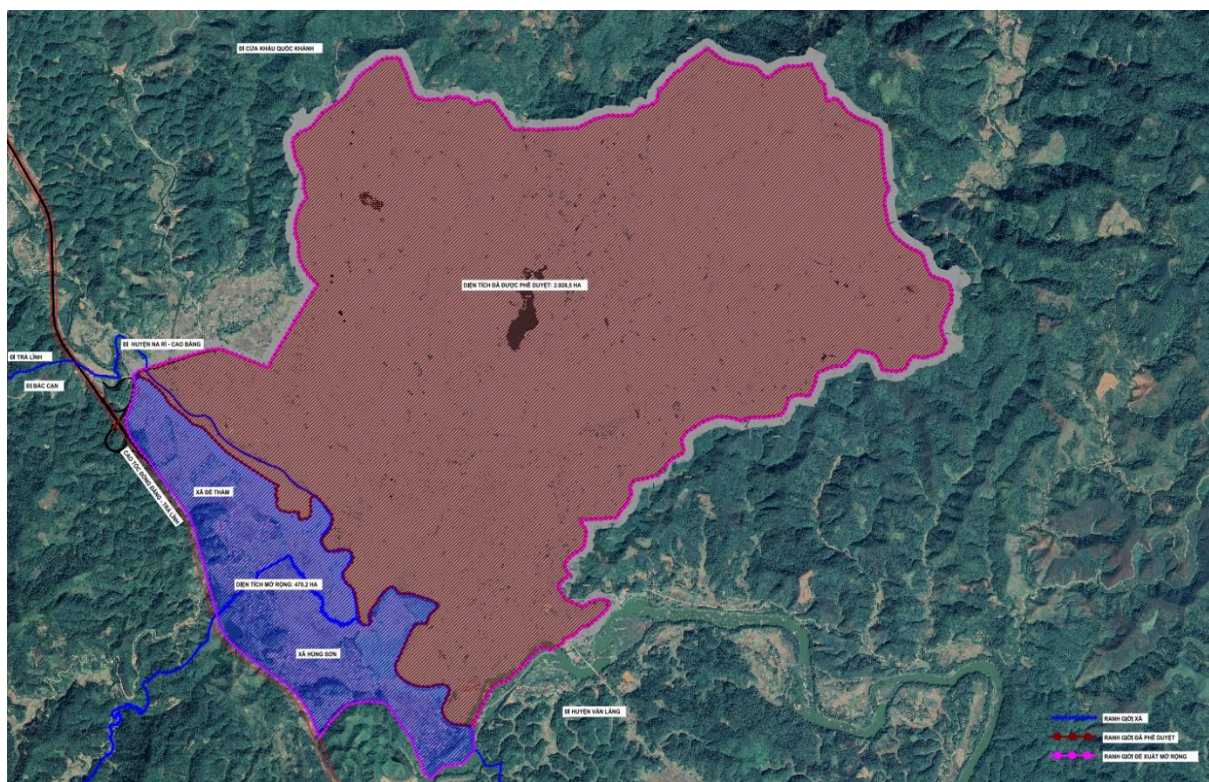
- Phối hợp lồng ghép với các chương trình, kế hoạch, dự án đã và đang triển khai của các ngành trên địa bàn đảm bảo khai thác hiệu quả các nguồn vốn đầu tư để phát triển đô thị trong các giai đoạn 2022-2025, 2025-2030 và 2030-2035.

1.3. Phạm vi nghiên cứu và thời hạn lập Chương trình phát triển đô thị

Vị trí lập nghiên cứu bao gồm toàn bộ địa giới hành chính được dự kiến thành lập thị trấn Thất Khê mới gồm thị trấn Thất Khê hiện nay, xã Đại Đồng và một phần diện tích của các xã Đề Thám, xã Hùng Sơn, xã Chi Lăng.

Ranh giới cụ thể:

- Phía Đông giáp xã Đội Cấn và xã Trung Thành;
- Phía Tây giáp xã Đề Thám và xã Chi Lăng;
- Phía Nam giáp xã Hùng Sơn và xã Kháng Chiến;
- Phía Bắc giáp xã Tri Phương.
- Quy mô nghiên cứu khoảng 3.401,5 ha
- Dự báo quy mô dân số:
 - + Dân số đến năm 2025 khoảng: 19.850 người.
 - + Dân số năm đến 2035 khoảng: 27.550 người.



Vị trí và giới hạn khu vực nghiên cứu

(Nguồn Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 26/01/2023 của UBND tỉnh Lạng Sơn phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thát Khê, huyện Tràng Định đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000)

2.1. Khái quát chung về đô thị Thát Khê

2.1.1. Lịch sử hình thành đô thị

Vùng đất Thát Khê ngày nay, xưa có tên gọi là Cầu Pung. Đây là nơi “đất lành chim đậu”, đất đai màu mỡ lại bằng phẳng, hệ thống sông suối rất thuận lợi cho giao thông trong vùng và giao lưu với các vùng khác. Thuyền bè các địa phương và cả khách buôn Trung Quốc đến buôn bán tại Cầu Pung ngày càng đông đúc. Dần dần nơi đây hình thành nên khu chợ sầm uất với tên gọi dân gian là chợ Cầu Pung.

Thị trấn Thát Khê là trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội, thương mại và dịch vụ của huyện Tràng Định, là một huyện cửa ngõ phía bắc của tỉnh Lạng Sơn, nằm trên tuyến Quốc lộ 4A đi Cao Bằng, cách thành phố Lạng Sơn 70 Km, với điều kiện thực tế của một thị trấn miền núi còn nhiều khó khăn, có xuất phát điểm thấp, thương mại dịch vụ chủ yếu là trao đổi hàng hóa đơn giản, kinh tế nông nghiệp vẫn giữ vai trò chủ đạo. Trong những năm qua với nền kinh tế mở việc hợp tác thông thương kinh tế giữa Việt Nam –Trung Quốc đã có nhiều tác động đáng kể đến đời sống người dân nơi đây, đồng thời cũng đã tạo được sức hút thu hút dân từ nơi khác đến đây cư ngụ, Thị trấn Thát Khê đã thực hiện thắng lợi các nhiệm vụ đề ra. Kinh tế xã hội có nhiều chuyển biến tích cực, kinh doanh dịch vụ ổn định, công tác thú y, bảo vệ thực vật được thực hiện kịp thời, không có dịch bệnh lớn xảy ra. Lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục có bước phát triển. Công tác quốc phòng an ninh được đảm bảo. Công tác xây dựng Đảng

được chỉ đạo toàn diện trên các mặt chính trị, tư tưởng; công tác kiểm tra giám sát và giữ nghiêm kỷ luật đảng được tăng cường. Tuy nhiên, với tốc độ phát triển nhanh chóng của kinh tế xã hội, tổ chức không gian của thị trấn cần được kiện toàn nhằm phát huy tối đa những kết quả đã đạt được trong những năm tới.

Trước những thách thức trong giai đoạn phát triển mới, UBND tỉnh Lạng Sơn cũng đã xây dựng đề án và kế hoạch sắp xếp các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã giai đoạn 2019- 2021 trên địa bàn Tỉnh. Theo đó, thị trấn Thất Khê mới có sự thay đổi mở rộng địa giới hành chính, sáp nhập xã Đại Đồng. Đặc biệt, việc mở rộng địa giới tác động trực tiếp tới tổ chức không gian kiến trúc cảnh quan. Chính vì vậy việc nghiên cứu điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn nhằm phát huy những kết quả kinh tế xã hội đã đạt được là nhiệm vụ cần thiết và cấp bách.

2.1.2. Vị trí, vai trò

Vị trí lập chương trình bao gồm toàn bộ địa giới hành chính được dự kiến thành lập thị trấn Thất Khê mới gồm thị trấn Thất Khê hiện nay, xã Đại Đồng và một phần diện tích của các xã Đề Thám, xã Hùng Sơn, xã Chi Lăng.

Thị trấn Thất Khê là thị trấn huyện lỵ của huyện Tràng Định, cách thành phố Lạng Sơn 65 km; là giao điểm của quốc lộ 3B nối sang tỉnh Bắc Kạn và biên giới với Trung Quốc, quốc lộ 4A nối với tỉnh Cao Bằng và thành phố Lạng Sơn, tỉnh lộ 226 nối với huyện Bình Gia và từ đó có thể theo quốc lộ 1B về tỉnh Thái Nguyên. Thung lũng Thất Khê là nơi gặp gỡ của hầu hết các sông suối như Sông Bắc Khê tạo thành ranh giới tự nhiên phía tây và nam của thị trấn, suối Cốc Phát và suối Pác Trác. Ranh giới cụ thể:

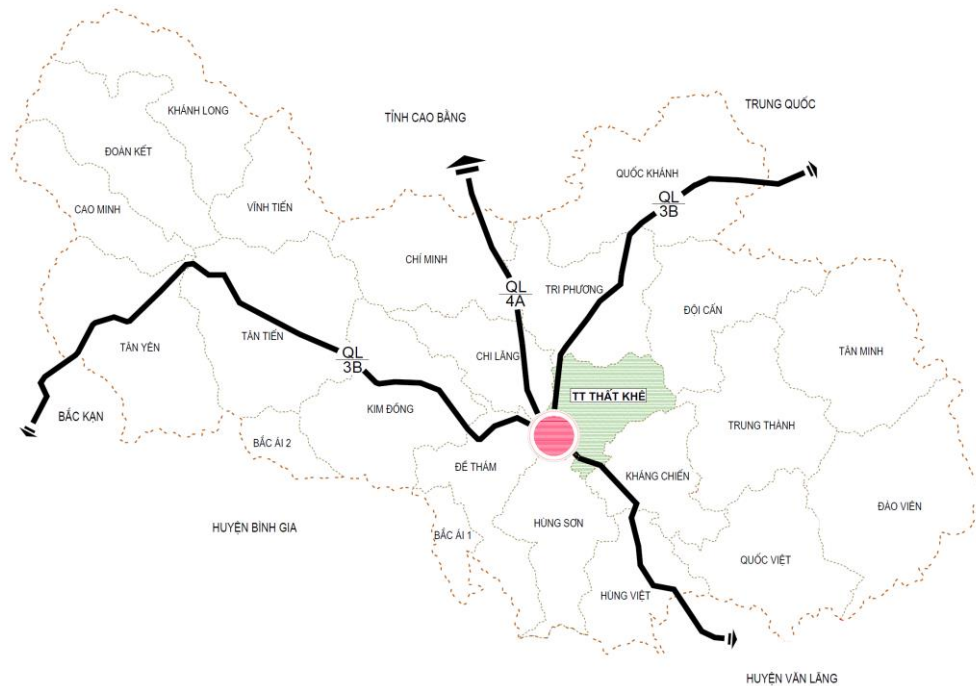
- Phía Đông giáp xã Đội Cấn và xã Trung Thành; huyện Tràng Định;
- Phía Tây giáp xã Đề Thám và xã Chi Lăng; huyện Tràng Định;
- Phía Nam giáp xã Hùng Sơn và xã Kháng Chiến; huyện Tràng Định;
- Phía Bắc giáp xã Tri Phương, huyện Tràng Định.

Thất Khê là thị trấn huyện lỵ của huyện Tràng Định, có vai trò và ý nghĩa quan trọng về chính trị - kinh tế của huyện. Tại thị trấn đang bố trí tập trung nhiều trụ sở cơ quan quan trọng của Huyện và thị trấn. Các không gian hành chính – chính trị bố trí tập trung tại khu vực trung tâm thị trấn. Thị trấn là đô thị cửa ngõ phía Tây Bắc của tỉnh Lạng Sơn, đảm nhận vai trò cầu nối với vùng Đông Nam của tỉnh. Thị trấn Thất Khê tạo ra cơ hội hết sức thuận lợi để khai thác, phát huy tốt tiềm năng, lợi thế về, đất đai, các di tích lịch sử, cảnh quan đặc thù khu vực và sự phát triển của các vùng phụ cận.

Hoạt động thương mại sôi động đặc biệt vào những ngày chợ phiên. Thị trấn có tuyến kết nối giao thông đi cửa khẩu Nà Nưa mang tới lợi thế không nhỏ để thu hút các hoạt động kinh tế logistic

Bên cạnh ý nghĩa về chính trị - kinh tế, thị trấn Thất Khê còn chứa đựng nhiều hình ảnh gắn với lịch sử hình thành và phát triển dân cư hòa quyện với không gian cảnh quan tự nhiên. Những hình ảnh này chứa đựng những giá trị nhận diện cho Thất Khê với các khu đô thị vùng biên khác.

Cùng với sự hình thành tuyến cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh với điểm nút xuống vào thị trấn và đi cửa khẩu Nà Nưa càng làm rõ tính chất dịch vụ thương mại và kho vận trong phát triển thị trấn trong tương lai



2.1.3. Đặc điểm tự nhiên

a. Địa hình

Thị trấn Thát Khê có đa dạng địa hình: Khu vực thị trấn hiện nay có địa hình dạng thung lũng thấp dọc theo sông Bắc Khê có độ cao bình quân 150,0m – 160,0m so với mực nước biển, bao quanh là đồi đất thấp; Bao quanh là đồi đất thấp và nương bãi, ruộng canh tác một vụ của dân; Dạng địa hình núi cao nằm tại phía Bắc khu vực nghiên cứu.

b. Khí hậu

Thị trấn Thát Khê có khí hậu của vùng núi phía Bắc, Có tính chất nhiệt đới gió mùa với đặc điểm mùa đông lạnh và ít mưa, thịnh hành gió mùa Đông Bắc, nhiều năm có sương muối. Tuy nhiên gió Đông Bắc, gió Bắc và sương muối không gây ảnh hưởng trầm trọng đến sự sinh trưởng và phát triển các loại cây trồng và vật nuôi trên địa bàn của thị trấn Thát Khê. Mùa hè có gió Đông Nam và gió Tây Nam thịnh hành.

- Nhiệt độ trung bình năm 21^oC. Trong đó về mùa đông là 16,9^oC
- Độ ẩm không khí trung bình năm 80%
- Lượng mưa trung bình 1434mm. Mưa tập trung vào tháng 6,7,8
- Hướng gió: Mùa hè hướng gió chủ đạo là Đông Nam. Mùa đông chịu ảnh hưởng gió mùa đông bắc.

c. Thủy văn

- Thị trấn có một con sông Bắc Khê và 3 con suối chảy qua. Chủ yếu lưu ý đến là sông Bắc Khê có lưu lượng $Q_{max} = 90m^3/s$ và $Q_{min} = 42m^3/s$. Sông Bắc Khê ngoài khả

năng phục vụ giao thông còn có khả năng khai thác nước ngay cả mùa cạn cho khu vực thị trấn và cấp nước phục vụ cho nông nghiệp.

- Tuy thị trấn có cao độ khá thấp hay bị ngập lụt khu ven bờ sông, suối nhưng thời gian ngập lụt ngắn, mức độ thiệt hại không đáng kể.

d. Địa chất.

Khu vực thị trấn hiện nay, Toàn bộ thị trấn nằm trong vùng đất phù sa bồi trên trên tầng cuội sỏi

Khu vực xã Đại Đồng, nhìn chung địa chất trong vùng có nền địa hình ổn định. Tuy nhiên, khu vực lập quy hoạch có nhiều ao hồ, ruộng lúa nước là những vùng có lớp phủ hữu cơ khá dày vì vậy khi xây dựng cần khoan khảo sát kỹ để có giải pháp hợp lý về nền móng.

Khu vực các xã Hùng Sơn, xã Đề Thám, Nhìn chung địa chất trong vùng có nền địa hình ổn định. Tuy nhiên khu vực lập quy hoạch có nhiều ao hồ, ruộng lúa nước là những vùng có lớp phủ hữu cơ khá dày, vì vậy khi xây dựng cần khoan khảo sát kỹ để có giải pháp hợp lý về nền móng.

e. Đánh giá chung

Lợi thế: Điều kiện tự nhiên thuận lợi cho sản xuất Nông - Lâm nghiệp. Có vị trí thuận lợi cho việc giao lưu kinh tế, buôn bán trao đổi hàng hoá với các khu vực lân cận.

Khó khăn: Do điều kiện thời tiết khắc nghiệt nên khó khăn trong việc thâm canh tăng vụ nâng cao sản xuất.

2.1.4. Hiện trạng sử dụng đất

Thực trạng đất đai khu vực đã lập quy hoạch chung thị trấn Thất Khê, chủ yếu là đất phi nông nghiệp bao gồm đất ở đô thị và các đất chuyên dụng xây dựng hạ tầng xã hội và kỹ thuật đô thị

Thực trạng đất đai xã Đại Đồng chủ yếu là đất rừng sản xuất, rừng phòng hộ (thôn Khau Ngù, thôn Nà Phiêng, thôn Pác Cam) và đất nông nghiệp (thôn Hang Mạ, thôn Nà Khuất, thôn Nà Pục). Các nhóm đất phi nông nghiệp tập trung dọc theo đường QL4A phát triển nhà ở đô thị và đất cơ quan trụ sở và trường học.

Thực trạng đất đai tại xã Đề Thám chủ yếu là đất trồng lúa và dân cư làng xóm, bám dọc theo đường giao thông chính

Thực trạng đất đai tại xã Hùng Sơn chủ yếu là đất ở, đất trồng lúa

Ngoài ra, theo báo cáo tình hình đất đai của Huyện thì tại thị trấn Thất Khê đang tồn tại nhiều khu vực đất xen kẽ. Do đó trong công tác quy hoạch cần khảo sát đánh giá cụ thể để đưa ra các kiến nghị chuyển đổi mục đích sử dụng nhằm mang tới hiệu quả kinh tế cho Huyện và thị trấn.

Để phục vụ nội dung nghiên cứu, bảng tổng hợp đất đai hiện trạng được gộp như sau:

TT	LOẠI ĐẤT	DIỆN TÍCH (ha)	TỶ LỆ (%)
----	----------	-------------------	--------------

I	ĐẤT NÔNG NGHIỆP	2891,17	85,00
1	Đất trồng lúa	874,60	25,71
2	Đất trồng hàng năm	244,47	7,19
3	Đất trồng cây lâu năm	26,90	0,79
4	Đất rừng sản xuất	1402,65	41,24
5	Đất rừng phòng hộ	342,55	10,07
II	ĐẤT PHI NÔNG NGHIỆP	510,34	15,00
1	Đất ở	344,65	10,13
2	Đất các công trình di tích	1,02	0,03
3	Đất cơ quan hành chính	4,02	0,12
4	Đất công trình công cộng	7,06	0,21
5	Đất giáo dục, trường học	7,15	0,21
6	Đất cây xanh thể dục thể thao	1,05	0,03
7	Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật	0,44	0,01
8	Đất quốc phòng	7,14	0,21
9	Đất sản xuất kinh doanh	7,54	0,22
10	Đất nghĩa trang	21,60	0,64
11	Đất sông suối và mặt nước chuyên dùng	95,56	2,81
12	Đất giao thông	13,11	0,39
TỔNG CỘNG		3401,51	100,00

(Nguồn : Đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thất Khê)

2.1.5. Hiện trạng dân số, lao động

Theo báo cáo thống kê năm 2023, sau khi sáp nhập thị trấn Thất Khê với xã Đại Đồng, dân số hiện trạng của khu vực nghiên cứu là khoảng 19.096 người. Trong đó:

- Dân số của thị trấn Thất Khê cũ: 5.209 người
- Dân số của xã Đại Đồng: 8.442 người

- Dân số số phần mở rộng thuộc xã Đề Thám và xã Hùng Sơn khoảng: 5.445 người.

- Tốc độ tăng dân số của thị trấn Thất Khê khá chậm, tốc độ tăng bình quân của thị trấn là 0.46%/năm, thấp hơn so với mức tăng trung bình của tỉnh Lạng Sơn là 1,068%/năm.

- Lực lượng lao động chủ yếu là người dân địa phương.

- Dân số theo dân tộc: phần lớn dân số là người là dân tộc thiểu số;

- Với thực trạng dân số như hiện nay, khả năng đô thị hóa của thị trấn sẽ chịu tác động không nhỏ. Đây cũng chính là thách thức cho công tác quy hoạch và sắp xếp các hoạt động kinh tế nhằm thúc đẩy tập trung dân cư

2.1.6. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội

• Về kinh tế:

- Tổng thu ngân sách nhà nước thị trấn Thất Khê mở rộng năm 2023 là: 14.577.242.894 đồng.

- Tổng chi ngân sách năm 2023 là: 13.518.243.562 đ. Công tác chi ngân sách thực hiện đúng Luật Ngân sách, đơn vị đã thực hiện chi lương cho cán bộ, công chức. Nhìn chung, mọi khoản chi của các tổ chức đều nằm trong dự toán được phê duyệt từ đầu năm và chi đúng, chi đủ theo định mức nguyên tắc tài chính.

STT	Chỉ tiêu	Thị trấn Thất Khê	Xã Đại Đồng (không bao gồm thôn Đông Bắc)	Thị trấn Thất Khê mở rộng
A	Tổng thu ngân sách Nhà nước	6.578.099.349	7.999.143.545	14.577.242.894
I	Tổng thu ngân sách trên địa bàn	2.758.931.283	938.878.282	3.697.809.565
1	Thu thuế khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	1.594.007.662	507.408.132	2.101.415.794
1.1	- Thuế giá trị gia tăng	1.594.007.662	485.395.302	2.079.402.964
1.2	- Thuế thu nhập doanh nghiệp	0	0,000	0
1.3	- Thuế tiêu thụ đặc biệt	0	20.120.830	20.120.830
1.4	- Thuế tài nguyên	0	1.892.000	1.892.000
2	Lệ phí trước bạ	74.969.111	81.763.000	156.732.111
3	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	120.484.601	5.297.000	125.781.601
4	Thuế thu nhập	763.857.727	247.537.851	1.011.395.578
5	Thu phí và lệ phí	63.025.000	92.847.000	155.872.000
6	Thu KHCB, thuê nhà thuộc SHNN	106.980.000	0	106.980.000
7	Thu từ tiền sử dụng đất, tiền GPMB, XDHT....	18.600.000	0	18.600.000
8	Thu tiền thuê đất	44.682	0	44.682
9	Thu quỹ đất công ích,... tại xã, phường	950.000	0	950.000

10	Thu khác ngân sách	6.126.000	4.025.299	10.151.299
11	Thu xổ số kiến thiết		0	0
12	Thuế TNDN từ hoạt động SXKD	9.886.500	0	9.886.500
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	2.574.051.000	5.757.745.000	8.331.796.000
1	Bổ sung cân đối	2.061.170.000	4.513.330.000	6.574.500.000
2	Bổ sung có mục tiêu	512.881.000	1.244.415.000	1.757.296.000
III	Thu chuyển nguồn ngân sách năm trước	1.244.850.066	1.302.519.763	2.547.369.829
IV	Thu kết dư ngân sách năm trước	267.000	500	267.500
V	Thu hoàn trả giữa các cấp ngân sách	0	0	0
B	Tổng chi ngân sách	5.770.637.228	7.747.606.334	13.518.243.562
I	Chi đầu tư phát triển	184.397.000	117.364.000	301.761.000
1	Chi đầu tư xây dựng cơ bản	0	0	0
2	Chi vốn sự nghiệp kinh tế	184.397.000	117.364.000	301.761.000
II	Chi thường xuyên	4.049.439.187	5.134.145.395	9.183.584.582
1	Chi sự nghiệp giáo dục và đào tạo dạy nghề	27.104.000	9.870.000	36.974.000
2	Chi sự nghiệp Y tế, dân số và Kế hoạch hóa gia đình	19.500.000	54.000.000	73.500.000
3	Chi sự nghiệp Văn hoá Thể thao	73.385.000	27.496.000	100.881.000
4	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	0	0	0
5	Chi đảm bảo xã hội	218.163.000	108.149.000	326.312.000
6	Chi quản lý nhà nước, Đảng, các đoàn thể xã hội	3.376.540.187	4.531.842.795	7.908.382.982
7	Chi An ninh Quốc phòng địa phương	327.297.000	364.292.900	691.589.900
8	Chi khác ngân sách	7.450.000	0	7.450.000
9	Chi sự nghiệp giao thông	0	38.494.700	38.494.700
III	Chi dự phòng	0	0	0
IV	Chi bổ sung trợ cấp cho ngân sách xã, phường	0	0	0
1	Chi bổ sung cân đối	0	0	0
2	Chi bổ sung có mục tiêu	0	0	0
V	Chi chuyển nguồn ngân sách	953.267.041	1.136.219.439	2.089.486.480
VI	Chi hoàn trả giữa các cấp ngân sách	583.534.000	401.980.000	985.514.000
VII	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	0	957.897.500	957.897.500
C	Tổng cộng			

I	Tổng thu Ngân sách	6.578.099.349	7.999.143.545	14.577.242.894
II	Tổng chi ngân sách	5.770.637.228	7.747.606.334	13.518.243.562
III	Cân đối thu chi ngân sách (III=I-II)	807.462.121	251.537.211	1.058.999.332

(Nguồn : Báo cáo Phòng tài chính – Kế hoạch biểu 3)

- *Về xã hội*

- Thị trấn Thất Khê là thị trấn thành lập lâu đời, có hoạt động thương mại dịch vụ rất phát triển. Hộ nghèo có 29/1129 hộ, chiếm tỷ lệ 2,56%; Hộ cận nghèo có 16/1129 hộ, chiếm tỷ lệ 1,41%.

- Trong những năm gần đây, cùng với việc khôi phục các lễ hội truyền thống và các hoạt động văn hóa tín ngưỡng; như lễ hội Lồng thồng Bùng Kham diễn ra tại thôn Nà Phái, xã Đại Đồng; hội đền Quan Lân... đã mang tới những cơ hội mới cho phát triển kinh tế dịch vụ du lịch. Trong yêu cầu về công tác lập quy hoạch thì hoạt động kinh tế này cũng cần chú trọng để tạo cơ hội phát triển cho Thị trấn.

- *Tiểu thủ công nghiệp:* Chỉ đạo các Khu phố và bà con nhân dân tiếp tục thực hiện sản xuất, sửa chữa cơ khí nhỏ, dụng cụ cầm tay và xây sát, chế biến lương thực và thực phẩm.

- *Nông lâm thủy sản*

- Trồng trọt: thị trấn đã tập trung chỉ đạo các Khu phố triển khai đến toàn thể nhân dân chủ động gieo trồng hết diện tích, tuyên truyền chăm sóc, phòng trừ dịch bệnh trên cây trồng. Tổng diện tích gieo cả năm (diện tích quay vòng) 26,4ha đạt 106% kế hoạch, so với cùng kỳ đạt 98,5% trong đó:

- Chăn nuôi thú y: Trong năm đàn gia súc, gia cầm phát triển ổn định bà con Nhân dân chủ động tái đàn.

- Về thủy lợi: nạo vét mương Pác Giàng, khu 4 và mương Đuốc Tả, khu 5, phát quang đường xuống bờ sông Bắc Khê, khu 5 với 110 người tham gia, nạo vét mương 2100 met dài, phát quang đường xuống bờ sông 500m dài, thu gom 9m³ cỏ rác.

- *Thương mại dịch vụ*

- Khu vực nghiên cứu thuộc địa bàn miền núi, điều kiện kinh tế xã hội còn gặp nhiều khó khăn, tệ nạn xã hội còn diễn biến phức tạp; tuy nhiên với lợi thế là trung tâm huyện, có chợ giao thương đầu mối trung tâm, hoạt động sản xuất, thương mại - dịch vụ, các hoạt động giao lưu buôn bán hàng hóa trên địa bàn có sự phát triển, thu nhập của người dân ổn định, tạo điều kiện thuận lợi cho đầu tư và phát triển.

Khu vực mở rộng ranh giới:

- Xã Đại Đồng có nhiều thuận lợi cho phát triển nông, lâm nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và dịch vụ. Xã có diện tích đất nông nghiệp khá lớn, gần như là khu vực phát triển nông nghiệp chính của huyện. Với lợi thế là địa bàn xã gần với Thị trấn Thất Khê, trung tâm chính trị, kinh tế, văn hóa - xã hội của huyện; phát huy tiềm năng thế mạnh của địa phương, với mục tiêu thực hiện công nghiệp hóa, hiện đại hóa nông nghiệp, nông thôn, đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng sản xuất hàng hóa và hội nhập kinh tế.

- Xã Hùng Sơn, qua số liệu thống kê những năm gần đây cho thấy quá trình phát triển sản xuất có sự chuyển biến rõ rệt về năng suất, diện tích, sản lượng, sản phẩm hàng hoá.

- Xã Đề Thám, sản xuất nông nghiệp là chủ yếu trong phát triển kinh tế, kết hợp từng bước phát triển kinh tế đồi rừng. Chăn nuôi tăng trưởng còn thấp, tổng số đàn trâu, bò giảm, nguyên nhân là do nhân dân đã đưa cơ giới vào sản xuất và diện tích bãi cỏ chăn thả giảm. Kinh tế đồi rừng có bước phát triển khá, nhiều hộ gia đình đã quan tâm vay vốn trồng rừng, khoanh nuôi, bảo vệ rừng; Sản xuất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp tiếp tục tăng trưởng khá, giá trị sản xuất theo giá trị so với cùng kỳ năm trước, chủ yếu sản xuất gạch ba banh, mộc dân dụng, dụng cụ cầm tay và một số ngành nghề khác.

- Xã Chi Lăng có 6 dân tộc cùng sinh sống gồm: Tày, Nùng, Kinh, Dao, Mông, Hoa. Kinh tế của người dân trong xã chủ yếu phụ thuộc vào sản xuất nông nghiệp. Năm 2022, Chi Lăng được chọn là 1 trong 5 xã điểm của tỉnh phấn đấu đạt chuẩn NTM nâng cao. Từ nguồn lực đầu tư của Nhà nước và sự chung tay, góp sức của Nhân dân, việc triển khai thực hiện các tiêu chí NTM nâng cao trên địa bàn xã Chi Lăng đã đạt được những kết quả tích cực, 100% tuyến đường trục xã, trục thôn và 91,49% tuyến đường ngõ xóm trên địa bàn xã được cứng hóa; các công trình thủy lợi được đầu tư phục vụ nước tưới cho 95,42% diện tích đất nông nghiệp.

2.1.7. Hiện trạng kiến trúc cảnh quan

Với đặc điểm tự nhiên và đặc điểm lịch sử lâu đời, Thị trấn Thất Khê có nhiều giá trị cảnh quan cần được lưu giữ và phát triển bao gồm:

- Giá trị cảnh quan dọc theo sông Bắc Khê nối vào trung tâm thị trấn hiện nay. Với mặt nước ổn định và luôn duy trì vào mùa cạn có khả năng khai thác được cả giao thông thủy.

- Giá trị cảnh quan của khu phố thị của Thất Khê. Đây là khu vực sôi động sầm uất chứa đựng nhiều giá trị hình ảnh tiêu biểu của một thị trấn miền biên viễn.

- Giá trị cảnh quan của cánh đồng nông nghiệp xã Tràng Định, một trong những diện tích nông nghiệp lớn nhất không chỉ của huyện Tràng Định mà còn của cả tỉnh Lạng Sơn.

- Giá trị cảnh quan của các khe suối và làng bản với lối tổ chức không gian truyền thống, cụm điểm với những giới hạn nhận diện rõ rệt có thể mang tới những giá trị cho du lịch cộng đồng, nhân văn và trải nghiệm.

Bên cạnh những đặc điểm tự nhiên, khu vực nghiên cứu còn chứa đựng nhiều công trình, địa điểm gắn với những sự kiện lịch sử. Đây cũng là nguồn lực cho phát triển dịch vụ - du lịch cho địa phương. Các di tích cách mạng, lịch sử văn hóa, lịch sử kháng chiến như: cụm di tích đường số 4, khu lưu niệm Hồ Chí Minh, hang Cốc Mười, Pác Lùng-Ký Làng...

2.2. Thực trạng cơ sở hạ tầng xã hội

2.2.1. Thực trạng cơ sở hành chính



UBND thị trấn Thất Khê



UBND xã Đại Đồng

2.2.2. Thực trạng cơ sở Giáo dục - Đào tạo:

Trong những năm qua, chính quyền thị trấn đã chỉ đạo các nhà trường tổ chức dạy và học, duy trì ổn định sĩ số học sinh, giữ vững chuẩn phổ cập giáo dục 15 THCS mức độ 3 và duy trì trường học đạt chuẩn quốc gia. Huy động trẻ ra lớp trên địa bàn đạt 100%. Hội khuyến học thị trấn tiếp tục triển khai Quyết định 89/QĐ/TTg về tinh thần chỉ đạo của Đề án “Xây dựng xã hội học tập giai đoạn 2012 - 2020”; Quyết định 281/QĐ/TTg của Thủ tướng Chính phủ và Quyết định 5070/QĐ-UBND về Đề án “Đẩy mạnh phong trào học tập suốt đời trong gia đình, dòng họ và cộng đồng đến năm 2020”.



Trường THPT Tràng Định



Trường mầm non 10-10

Trên địa bàn thị trấn có 1 trường trung học phổ thông, 5 trường trung học cơ sở, 3 trường tiểu học và 3 trường mầm non.

Danh mục công trình giáo dục trên địa bàn thị trấn

TT	Cơ sở giáo dục, đào tạo	Địa điểm
----	-------------------------	----------

1	Trường Trung học Phổ thông	
1	<i>Trường Trung học phổ thông huyện Tràng Định</i>	<i>Khu 1 thị trấn Thất Khê</i>
2	Trường trung học cơ sở	
2.1	<i>Trường THCS Thị trấn Thất Khê</i>	<i>Thôn Nà SLảng, Đại Đồng, Huyện Tràng Định, Tỉnh Lạng Sơn</i>
2.2	<i>Trường THCS Đại Đồng 1</i>	<i>Thôn Pò Bó, Đại Đồng, Huyện Tràng Định, Tỉnh Lạng Sơn</i>
2.3	<i>Trường THCS Đại Đồng 2</i>	<i>Thôn Nà Khuất, Đại Đồng, Huyện Tràng Định, Tỉnh Lạng Sơn</i>
2.4	<i>Trường THCS Đề Thám</i>	<i>Thôn Đoỏng Nà, Đề Thám, Huyện Tràng Định</i>
2.5	<i>Trường PTDTBT THCS Bắc Ái 1</i>	<i>Xã Đề Thám, Huyện Tràng Định</i>
3	Trường tiểu học	
3.1	<i>Trường tiểu học Thị trấn Thất Khê</i>	<i>Thôn Nà Nghiều, xã Đại Đồng, Huyện Tràng Định, Tỉnh Lạng Sơn</i>
3.2	<i>Trường tiểu học Đại Đồng 2</i>	<i>Thôn Nà Khuất, Đại Đồng, Huyện Tràng Định, Tỉnh Lạng Sơn</i>
3.3	<i>Trường Tiểu học Đề Thám</i>	<i>Thôn Lính Đeng, Đề Thám, Huyện Tràng Định</i>
4	Trường mầm non	
4.1	<i>Trường mầm non 10-10 Thị trấn Thất Khê</i>	<i>Khu I, Thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định, Lạng Sơn</i>
4.2	<i>Trường mầm non Đại Đồng</i>	<i>Thôn Pò Bó, Đại Đồng, Huyện Tràng Định, Tỉnh Lạng Sơn</i>
4.3	<i>Trường mầm non Đề Thám</i>	<i>Thôn Đoỏng Nà, Đề Thám, Huyện Tràng Định</i>

(Nguồn: Đề án công nhận thị trấn Thất Khê đạt đô thị loại V)

2.2.3. Thực trạng cơ sở Y tế:

Trong những năm qua, chính quyền địa phương đã quan tâm sát sao đến công tác y tế, chăm sóc bảo vệ sức khỏe nhân dân, dân số gia đình và trẻ em, đạt được một số thành tựu nhất định. Thực hiện công tác tiêm chủng mở rộng các loại vắc xin hàng tháng phòng dịch bệnh cho trẻ em, tiến hành kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm các quán ăn, theo dõi biểu đồ tăng trưởng của trẻ em, tổ chức khám sức khỏe cho học sinh trên địa bàn.

Trên địa bàn Thị trấn Thất Khê và khu vực mở rộng hiện có 01 Trung tâm Y tế huyện với 130 giường bệnh và 02 Trạm y tế thực hiện nhiệm vụ khám chữa bệnh, phòng chống dịch bệnh, chăm sóc sức khỏe cho nhân dân; ngoài ra còn có các cơ sở hành nghề

y, được ngoài công lập tham gia thực hiện công tác chăm sóc sức khỏe nhân dân trên địa bàn.



Trung tâm y tế huyện Trảng Định

Danh mục công trình y tế trên địa bàn thị trấn

TT	Cơ sở y tế	Địa điểm
1	Trung tâm y tế huyện Trảng Định	Khu II – thị trấn Thất Khê, Thị trấn Thất Khê, Huyện Trảng Định, Lạng Sơn
2	Trạm y tế Thị trấn Thất Khê	Khu 3, thị trấn Thất Khê, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn
3	Trạm Y tế xã Đại Đồng	Thôn Nà Khuất, Đại Đồng, huyện Trảng Định

2.2.4. Thực trạng cơ sở Văn hóa – du lịch:

Đời sống văn hóa của nhân dân trên địa bàn đang dần được nâng cao. Toàn thị trấn: có 1 Trung tâm văn hóa – thể thao và Truyền thông, 1 bưu điện huyện, 1 sân vận động, 2 nhà tập luyện thi đấu.



Danh mục công trình văn hoá thể thao trên địa bàn thị trấn

TT	Công trình văn hóa – thể thao cấp đô thị	Địa điểm
1	Trung tâm Văn hóa – Thể thao (trung tâm hội nghị)	khu 1, Thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định, Lạng Sơn
2	Sân vận động huyện Tràng Định	khu 1, Thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định, Lạng Sơn
3	02 Nhà tập luyện thi đấu	khu 1, Thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định, Lạng Sơn

2.2.5. Thực trạng thương mại – dịch vụ

Tình hình giá cả mua bán tại Chợ Trung tâm thị trấn bình ổn, các hộ kinh doanh chấp hành đầy đủ các quy định của pháp luật. Các hoạt động kinh doanh khác diễn ra thường xuyên. Các ngành nghề mộc, sửa chữa, kinh doanh dịch vụ giải khát, ăn uống, mua bán quần áo, đồ gia dụng, vật liệu xây dựng phát triển nhanh. Trên địa bàn thị trấn có 02 chợ (Chợ trung tâm Thị trấn Thất Khê tại khu 3 và 17 khu 4) và 01 bưu điện huyện.

Công trình dịch vụ thương mại cấp đô thị trên địa bàn

TT	Công trình dịch vụ thương mại	Địa điểm
1	02 Chợ cấp huyện	Khu 3, khu 4 - TT. Thất Khê, Tràng Định, Lạng Sơn
2	Bưu điện huyện	Khu 2 thị trấn Thất Khê

2.2.6. Thực trạng nhà ở

Đối với khu dân cư làng bản hiện nay, Nhà ở chủ yếu xây dựng theo kiến trúc truyền thống gồm nhà chính với các công trình phụ liền kề, sân phơi, vườn và tường bao. Trong những năm gần đây, do nhu cầu chỗ ở và dân số tăng nên nhiều hộ đã xây dựng nhà ở kiên cố với mái bằng hoặc nhiều tầng. Các khu dân cư tập trung chủ yếu trên quốc lộ 4A, còn lại đa số dân cư sống rải rác trên các sườn đồi tại các thôn bản.

Đối với khu dân cư đô thị hiện nay, nhà ở chủ yếu xây dựng theo kiểu nhà ống nhằm tiện lợi cho kinh doanh, buôn bán. Kiến trúc và hình thái không gian tại khu phố cũ của thị trấn mang tới nhiều tiềm năng về du lịch. Nhà ở kiểu đô thị khá phổ biến dọc theo các trục giao thông chính. Đặc biệt tại khu trung tâm thị trấn nhiều công trình xây dựng kiên cố sát với vỉa hè giao thông gây khó khăn trong công tác tổ chức mở rộng hè, đường giao thông trên địa bàn.

2.3. Thực trạng cơ sở hạ tầng kỹ thuật**2.3.1. Giao thông**

a) Giao thông đường bộ

QL4A: đoạn qua thị trấn là đường Hoàng Văn Thụ dài 3,5km. Toàn tuyến được trải nhựa bê tông, chất lượng tốt. Đoạn tuyến đi qua khu dân cư thị trấn có mặt cắt rộng 23m, đoạn ngoài khu dân cư B = 7,5m, B nền = 10m.

QL3B: Cập nhật và điều chỉnh hướng tuyến đường QL3B theo quyết định số 607/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2022 của Bộ Giao thông vận tải (Trích QĐ607/QĐ-BGTVT Điều chuyển đoạn tuyến từ Km22+700-Km26+00/QL.3B chiều dài 3,3Km đoạn qua ngã ba giao với đường dẫn vào cầu Pắc Luông mới và cầu Pắc Luông cũ (khu vực nội thị thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn) về Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn quản lý, khai thác và bảo trì bằng nguồn vốn của địa phương và tiếp nhận tuyến tránh thị trấn Thất Khê đoạn từ Km22+700/QL.3B đến Km26+00/QL.3B, hướng tuyến từ Km22+700/QL.3B, tuyến đi theo đường Phai Dài với chiều dài 520m tuyến giao với QL.4A tại Km51+580, tuyến rẽ phải đi trùng với tuyến QL.4A đến Km52+380, tuyến đi theo hướng cầu Pắc Luông mới với chiều dài 980m giao với Km26+00/QL.3B, tổng chiều dài tuyến 2,3Km trong đó có 800m trùng với QL.4A (do Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn quản lý) về Bộ Giao thông vận tải quản lý). Nâng cấp cải tạo đoạn đường dẫn đi cửa khẩu Nà Nưa.

ĐT.226 (Bình Gia-Thất Khê): đường nối từ TT Thất Khê với TT Bình Gia, mặt cắt đường nhỏ hẹp chưa đáp ứng được chức năng là trục giao lưu kinh tế, văn hóa của 2 thị trấn.

Giao thông nội bộ khu vực thị trấn là đường nhánh dẫn vào các khu dân cư đều bắt nguồn từ QL4A và bám theo địa hình tự nhiên. Mạng lưới đường được chú trọng đầu tư nâng cấp cải tạo, tuy nhiên vẫn còn thừa thớt và nhỏ hẹp không đáp ứng được nhu cầu đi lại trong tương lai.



Quốc Lộ 4A



(hiện nay là đường nội thị Nà Nghiêu)



Đường tỉnh 226



Đường giao thông nội bộ



Cầu Pác Luồng



Cầu Phai Dài (QL3B)

b) Giao thông đường thủy

Khu vực thị trấn có sông Thất Khê chảy qua tuy nhiên tuyến này hiện chưa khai thác giao thông đường thủy. Người dân chủ yếu dùng bè, mảng làm phương tiện vận tải. Bến sông chưa hình thành và chủ yếu là bến tự phát.

c) Bến xe hiện chưa có bến xe tập trung

2.3.2. Chuẩn bị kỹ thuật

Dựa vào số liệu, điều kiện khí hậu và số liệu thủy văn và điều tra thực địa thị trấn Thất Khê, mức lũ lịch sử $P = 1\%$ là 153,0m. Đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất $P=1\%$.

2.3.3. Thoát nước mưa:

Các tuyến mương thu nước mưa được xây dựng hai bên đường giao thông và một số tuyến chạy theo khe tự thủy. Tỷ lệ kè cứng các tuyến mương còn thấp chủ yếu hệ thống kè đất tự nhiên.



Tuyến thoát nước mưa hai bên đường

2.3.4. Cấp nước

- Nguồn nước sử dụng nước mặt sông Bắc Khê, được bơm từ trạm bơm xã Chi Lăng có công suất 921 m³/ngđ cấp cho thị trấn. Một số khu vực đang sử dụng nước giếng khoan và giếng đào.

- Mạng lưới đường ống có đường kính từ D220-D40 mm.

2.3.5. Cấp điện

- Nguồn điện: Khu vực thị trấn được cấp điện từ TBA 110kV Trảng Định công suất 40MVA được đi vào hoạt động vào cuối năm 2022.

- Lưới trung thế: Tuyến 35kV thuộc lộ 372 tiết diện AC-95, chiều dài tuyến khoảng 60km, lộ 372 này liên kết với lộ 374 tại cầu dao CD 04-3. Hai tuyến lộ 971, 972 cấp điện cho các phụ tải khu vực thị trấn Thất Khê và huyện Trảng Định

- Trạm và lưới hạ thế: Các trạm phân phối hạ thế khu vực chủ yếu là trạm treo 10/0,4kV công suất từ 50-400kVA. Lưới hạ thế đã bàn giao cho điện lực quản lý, đường dây hạ thế hiện tại là dây bọc và 1 phần vẫn còn tồn tại dây trần.

- Lưới chiếu sáng: chạy dọc theo trục QL 4A, QL 3E, ĐT 226 và các tuyến nội bộ thị trấn.



Đèn chiếu sáng giao thông Led



Đèn chiếu sáng và đèn trang trí



Đèn chiếu sáng và bảng led cổng chào

2.3.6. Viễn thông:

- Mạng thông tin viễn thông được phủ sóng trên toàn quốc tạo điều kiện thuận lợi cho sử dụng và trao đổi thông tin của người dân. Có 5.474 thuê di động và 428 thuê bao

cố định. Tỷ lệ phủ sóng thông tin di động đạt 97,02%; số thuê bao internet (băng rộng cố định và băng rộng di động) đạt 104,61 thuê bao/100 dân.



Bưu chính



Tổng đài VNPT

2.3.7. Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang

- Các khu dân trong khu vực nghiên cứu đều chưa có hệ thống thoát nước thải và xử lý nước thải, hệ thống thoát nước, chủ yếu giải quyết cục bộ từng cụm dân cư .

- Hiện nay khu vực thiết kế được thu gom chất thải rắn và đưa về điểm xử lý chất thải rắn của huyện

- Khu vực thiết kế có nhiều điểm nghĩa địa nằm rải rác, mỗi nghĩa địa thường gắn với một cụm dân cư hoặc một dòng họ nhất định. Các khu mộ được chôn cất một cách tùy tiện, lộn xộn vừa tốn diện tích đất, vừa gây ảnh hưởng đến cảnh quan chung. Tổng diện tích nghĩa địa trên địa bàn hiện nay khoảng trên 8ha.

- Thêm vào đó, theo phong tục tôn giáo, một số khu mộ được chôn cất vĩnh viễn, không có cải táng. Những tồn tại về phong tục tập quán nay của khu vực thiết kế sẽ gây khó khăn trong việc di chuyển các khu nghĩa địa cấp làng, cấp xã và công tác quy hoạch, quản lý đô thị.



Thùng rác và công nhân đi thu gom chất thải rắn trong trung tâm thị trấn

2.4. Tình hình phát triển đô thị Thất Khê

2.4.1. Về công tác quy hoạch và phát triển đô thị

a. Quy hoạch tác động đến phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

(1) Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 đang triển khai:

Phạm vi ranh giới: quy hoạch tỉnh Lạng Sơn có tổng diện tích tự nhiên là 8.310,09 km². Quy mô dân số trung bình năm 2020 của tỉnh Lạng Sơn là 788,7 nghìn người,

chiếm 0,81% dân số cả nước, chiếm 6,20% dân số vùng đồng Trung du và miền núi phía Bắc; so với các tỉnh trong vùng Trung du và miền núi phía Bắc, tỉnh Lạng Sơn đứng thứ 9/14 tỉnh, sau các tỉnh Bắc Giang, Phú Thọ, Thái Nguyên, Sơn La, Hà Giang, Hòa Bình, Yên Bái, Tuyên Quang.

Mục tiêu: Xây dựng Lạng Sơn trở thành tỉnh biên giới có kinh tế phát triển khá, xã hội ổn định, quốc phòng, an ninh vững mạnh, môi trường sinh thái được bảo đảm, là một trong 05 cực tăng trưởng kinh tế của vùng Trung du và miền núi phía Bắc²³, “cầu nối” ngày càng quan trọng trong kết nối kinh tế, thương mại giữa Việt Nam, các nước ASEAN và Trung Quốc. Tỉnh có có hệ thống kết cấu hạ tầng phát triển đồng bộ, hệ thống đô thị hiện đại; có nguồn nhân lực chất lượng ngày càng cao và thực hiện chuyển đổi số hiệu quả trên cả ba trụ cột chính quyền số, xã hội số, kinh tế số; cơ cấu kinh tế của tỉnh chuyển dịch mạnh theo hướng ngành các ngành công nghiệp, dịch vụ trở thành động lực tăng trưởng chính; ngành nông nghiệp phát triển theo hướng sản xuất nông – lâm sản hàng hóa, ứng dụng công nghệ cao, hiệu quả cao. Phấn đấu đến năm 2030, tỉnh Lạng Sơn có quy mô kinh tế và GRDP bình quân đầu người trong nhóm 5 tỉnh dẫn đầu của vùng Trung du miền núi phía Bắc. Các lĩnh vực giáo dục, y tế, văn hóa, xã hội phát triển toàn diện; đời sống vật chất, tinh thần và môi trường sống của nhân dân không ngừng được cải thiện. Xác định môi trường là điều kiện, nền tảng, yếu tố tiên quyết cho phát triển bền vững kinh tế - xã hội dựa trên định hướng ngăn chặn xu hướng gia tăng ô nhiễm, suy thoái môi trường; giải quyết các vấn đề môi trường cấp bách; từng bước cải thiện, phục hồi chất lượng môi trường; ngăn chặn sự suy giảm đa dạng sinh học; góp phần nâng cao năng lực chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu; bảo đảm an ninh môi trường, xây dựng và phát triển các mô hình kinh tế tuần hoàn, kinh tế xanh, các-bon thấp, phấn đấu đạt được các mục tiêu phát triển bền vững.

Trong quy hoạch tỉnh Lạng Sơn thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 định hướng đô thị thị trấn Thất Khê cụ thể:

- Diện tích: khoảng 98.643 ha
- Quy mô dân số: đến năm 2030 đạt khoảng 85.000 – 90.000 người.
- Tỷ lệ đô thị hóa đến năm 2030 đạt khoảng 25-30%.
- Tính chất đô thị:
 - + Là trung tâm tổng hợp hành chính, chính trị, kinh tế xã hội cấp huyện và định hướng là khu vực nội thị trung tâm thị xã Thất Khê giai đoạn sau 2030.
 - + Là trung tâm chuyên ngành cấp tỉnh và cấp vùng về kinh tế, công nghiệp, năng lượng, du lịch và dịch vụ, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội vùng phía Đông - Nam tỉnh Lạng Sơn.
 - + Là điểm hội tụ của cộng đồng các dân tộc trên địa bàn phía Đông - Nam tỉnh Lạng Sơn, khu vực có kinh tế - xã hội phát triển, môi trường sinh thái được giữ gìn và có an ninh quốc phòng trên tuyến biên giới vững mạnh.

(2) Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5.000 (Quyết định số 94/QĐ-UBND ngày 26/01/2023 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

(3) Công nhận thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn là đô thị loại V (Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 25/03/2022 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn)

(4) Khu đô thị mới Nam thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định

- Vị trí, địa điểm: Thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn
- Phạm vi ranh giới: Phía Bắc: Giáp dân cư hiện trạng và quốc lộ 4A; Phía Nam: Giáp sông Bắc Khê; Phía Đông: Giáp đất canh tác nông nghiệp; Phía Tây: Giáp dân cư hiện trạng và đường Thanh Niên.
- Quy mô diện tích: khoảng 33,757ha.
- Dự báo quy mô dân số khoảng 5.000 người.

(5) Khu đô thị Đông Bắc, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định

- Vị trí, địa điểm: Thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.
- Phạm vi ranh giới: Các Phía Đông, Bắc, Nam và Phía Tây giáp đường giao thông theo quy hoạch;
- Quy mô diện tích: khoảng 15,0ha.
- Dự báo quy mô dân số khoảng 3.000 người.

(6) Khu dân cư phía Bắc thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định

- Vị trí, địa điểm: Thôn Cốc Cườm, xã Chi Lăng, huyện Tràng Định.
- Phạm vi ranh giới: Phía Bắc giáp khu dân cư hiện trạng; Phía Nam giáp đất khu ở theo quy hoạch; Phía Đông giáp khu dân cư hiện trạng, đất khu ở theo quy hoạch; Phía Tây giáp đất khu dân cư hiện trạng, đất hoa màu theo quy hoạch.
- Quy mô diện tích: khoảng 9,06ha.
- Dự báo quy mô dân số khoảng 1.800 người.

(7) Khu đô thị Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn

- Vị trí, địa điểm: Xã Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn.
- Phạm vi ranh giới: Phía Đông Bắc, Đông Nam và Phía Tây Bắc giáp đường giao thông theo quy hoạch; Phía Tây Nam giáp đường quốc lộ 4A;
- Quy mô diện tích: khoảng 20,0ha.
- Dự báo quy mô dân số khoảng 4.000 người.

(8) Dự án cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh

- Đường cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh là tuyến đường cao tốc đang xây dựng thuộc tuyến đường cao tốc Hà Nội - Cao Bằng. Tuyến đường dài 115 km, nối thị trấn Đồng Đăng, Cao Lộc, Lạng Sơn với thị trấn Trà Lĩnh, Trùng Khánh, Cao Bằng. Đường cao tốc Đồng Đăng - Trà Lĩnh dự kiến hoàn thành năm 2024, Dự án cũng sẽ tạo ra một tuyến cao tốc đối ngoại huyết mạch mới kết nối giao thương hàng hóa từ cảng Quốc tế Lạch Huyện (Hải Phòng) đi Trùng Khánh - Urumqi - Khorgos (Trung Quốc) sang các nước Châu Âu, góp phần nâng cao năng lực cạnh tranh của nền kinh tế, tạo

động lực phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Lạng Sơn và tỉnh Cao Bằng; thay đổi tình trạng Quốc lộ 4A là đường độc đạo nối giữa hai tỉnh Lạng Sơn và Cao Bằng.

- Trên tuyến, tại địa phận huyện Tràng Định, có 1 nút giao xuống tại vị trí phía Tây Bắc của thị trấn Tràng Định kết nối với QL4A hiện nay. Việc hình thành kết nối với tuyến cao tốc ảnh hưởng lớn đến phát triển kinh tế xã hội cũng như tổ chức không gian đô thị

(9) Quy hoạch nông thôn mới xã Đại Đồng

(10) Quy hoạch nông thôn mới xã Đề Thám

(11) Quy hoạch nông thôn mới xã Hùng Sơn

b. Công tác Quản lý đô thị

Trong công tác quản lý đô thị hiện nay còn gặp một số khó khăn, vướng mắc cụ thể:

- Tình trạng ùn tắc thường xảy ra vào những ngày chợ phiên do mật độ tập trung cao tại khu vực trung tâm với nhiều hoạt động thương mại, buôn bán, làm việc và giao thông. Hệ quả của việc ùn tắc là ảnh hưởng đến trật tự, mỹ quan đô thị gây nhiều khó khăn cho đội ngũ quản lý đô thị huyện và thị trấn.

- Việc cấp phép xây dựng còn nhiều vướng mắc. Do đề xuất định hướng mở rộng mặt cắt đường lớn tại các khu vực dân cư đã ổn định dẫn tới nhiều bất đồng, xáo trộn dẫn tới khó khăn trong công tác xử phạt, tháo dỡ và cấp phép xây dựng.

2.4.2. Hiện trạng vốn đầu tư phát triển

- Tiếp tục thực hiện các dự án được xác định trong hồ sơ Đề án Quy hoạch chung, Đề án Quy hoạch chi tiết thị trấn sau khi đề án được phê duyệt, Kế hoạch đầu tư công giai đoạn 2021 – 2025 của huyện đã được phê duyệt. Có kế hoạch thực hiện các dự án phát triển du lịch, công nghiệp trên địa bàn thị trấn. Công khai các dự án để kêu gọi đầu tư, tập trung các nguồn lực từ các nhà đầu tư có tiềm năng và huy động nguồn vốn từ người dân.

- Đề xuất các cấp trên sớm cụ thể hóa các cơ chế, chính sách, quy hoạch, đầu tư, kế hoạch sử dụng đất, danh mục dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn. Thực hiện các dự án trong kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 – 2025 đã được phê duyệt, tranh thủ sớm các dự án chuẩn bị đầu tư có nguồn vốn hỗ trợ của Trung ương trong kế hoạch trung hạn đăng ký Trung ương, tỉnh giai đoạn 2021 – 2025, tạo điều kiện thuận lợi để các nhà đầu tư triển khai dự án; giải quyết kịp thời những khó khăn, vướng mắc để các doanh nghiệp hoạt động hiệu quả

2.5. Đánh giá chung :

Điểm mạnh:

- Thị trấn có vị thế quan trọng, thuận lợi cho kết nối giao thông với nhiều địa phương

- Quỹ đất phát triển có và nhiều tiềm năng phát huy nội lực kinh tế

- Có nhiều cảnh quan, văn hóa giá trị để thúc đẩy kinh tế dịch vụ du lịch

Điểm yếu:

- Chất lượng phát triển đô thị chưa đồng đều, mật độ dân cư phân tán
- Động lực kinh tế tạo đà phát triển cho thị trấn chưa có
- Chất lượng hạ tầng và khả năng mở rộng là cản trở tới tốc độ phát triển

Cơ hội:

- Có định hướng về phát triển kinh tế Vùng
- Dự án giao thông cao tốc Đồng Đăng – Trà Lĩnh đang đầu tư xây dựng
- Nhận được sự quan tâm của nhiều nhà đầu tư.

Thách thức:

- Nguồn lực cho phát triển còn nhiều hạn chế.
- Phát triển cần đi đôi với phát triển bền vững gắn với bảo tồn hệ sinh thái.

2.5.1. Kết quả đạt được

Nhìn chung, UBND thị trấn Thất Khê tập trung chỉ đạo, điều hành quyết liệt, đồng bộ việc tổ chức triển khai thực hiện các Quyết định huyện, Nghị quyết của HĐND thị trấn. Xác định các nhiệm vụ trọng tâm chỉ đạo thực hiện tạo bước chuyển biến, huy động tối đa nguồn lực, tập trung tháo gỡ khó khăn, vướng mắc, đẩy mạnh thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và đạt được những kết quả nhất định. Trong năm 2020, mặc dù còn gặp khó khăn, thách thức nhưng với sự nỗ lực phấn đấu của cấp ủy, chính quyền, các ngành, đoàn thể và nhân dân thị trấn Thất Khê đã vượt qua khó khăn và đạt được nhiều kết quả tích cực trên tất cả các lĩnh vực: Kinh tế tiếp tục phát triển, cơ cấu kinh tế chuyển dịch đúng hướng phát triển ổn định, sản xuất tiểu thủ công nghiệp, hoạt động thương mại, dịch vụ tiếp tục tăng; thị trường, giá cả tương đối ổn định; lĩnh vực văn hóa - xã hội tiếp tục được cải thiện; an sinh xã hội được đảm bảo, đời sống vật chất và tinh thần của Nhân dân từng bước cải thiện; An ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội được giữ vững.

2.5.2. Tồn tại, hạn chế:

Công tác quản lý đô thị chưa đáp ứng được yêu cầu, do nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của một số bộ phận người dân còn hạn chế, thường tái vi phạm hành lang an toàn giao thông khi không có mặt của Tổ công tác. Nên việc xử lý lấn, chiếm vỉa hè để kinh doanh, buôn bán của các hộ dân còn gặp nhiều khó khăn. Công tác quản lý nhà nước trong chấn chỉnh các vi phạm trong hoạt động của một số cơ sở sản xuất, xây dựng, sử dụng đất đai, bảo vệ môi trường chưa được thực 23 hiện thường xuyên. An ninh, trật tự an toàn xã hội, trật tự an toàn giao thông vẫn còn tiềm ẩn nhiều yếu tố phức tạp. Tệ nạn ma túy, đánh bạc, đánh đề chưa được ngăn chặn kịp thời, gây bức xúc trong Nhân dân. Công tác quản lý nhà nước về tín ngưỡng, tôn giáo trên địa bàn chưa được thường xuyên.

2.6. Đánh giá tổng hợp các tiêu chí của đô thị Thất Khê theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15.

Thị trấn Thất Khê hiện nay được công nhận là đô thị loại V theo Quyết định số 518/QĐ-UBND ngày 25/3/2022 của UBND tỉnh Lạng Sơn công nhận thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định tỉnh Lạng Sơn là đô thị loại V, đánh giá phân loại theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị.

Chương trình phát triển đô thị Thất Khê sẽ đánh giá chấm điểm lại đô thị Thất Khê theo Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị để từ đó xác định các tiêu chí cần ưu tiên đầu tư xây dựng hoàn thiện đô thị theo tiêu chuẩn mới. (Đô thị đặc thù là miền núi mức tối thiểu của các tiêu chuẩn của tiêu chí quy mô dân số, tiêu chí mật độ dân số bằng 50% mức quy định của loại đô thị tương ứng, mức tối thiểu của các tiêu chuẩn khác bằng 70% mức quy định của loại đô thị tương ứng).

2.6.1. Rà soát đánh giá tiêu chí đô thị Thất Khê

a. Đánh giá chỉ tiêu đô thị loại V của đô thị thị trấn Thất Khê theo Nghị Quyết 26/2022/UBTVQH15 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng		
		Tiêu chuẩn (loại V - miền núi)	Th.điểm	Tiêu chuẩn đạt	Xét đ.thị loại V	
			T.đã/ T.thiểu		Điểm	Đánh giá
I	Vị trí, vai trò, chức năng, có cầu và trình độ PTKTXH		15-20		15,5	
I.1	Vị trí, vai trò, chức năng		3,75-5		5	
	Vị trí, vai trò, chức năng	Là trung tâm hành chính hoặc trung tâm tổng hợp cấp huyện hoặc trung tâm chuyên ngành cấp huyện về kinh tế, văn hóa, giáo dục, đào tạo, y tế, đầu mối giao thông, có vai trò thúc đẩy sự phát triển kinh tế - xã hội của huyện.	5		5	Đạt

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng		
		Tiêu chuẩn (loại V - miền núi)	Th.điểm	Tiêu chuẩn đạt	Xét đ.thị loại V	
			T.đa/		Điểm	Đánh giá
		Là TT chuyên ngành cấp Huyện về KTVH , GD, y tế, đầu mối GT, có vai trò thúc đẩy sự phát triển KTXH của cụm liên xã.	3,75			
I.2	Cơ cấu và trình độ phát triển KTXH		11,25-15		10,5	
I.2.1	Cân đối thu chi ngân sách	Dư	2	Dư	2	Đạt chuẩn
		Đủ	1,5			
I.2.2	Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (lần)	≥0,49	2	0,52	2	Đạt
		0,35	1,5			
I.2.3	Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ	Tăng vượt so với mục tiêu đề ra từ 4% trở lên	2	Tăng theo mục tiêu đề ra	1,5	Đạt chuẩn
		Tăng theo mục tiêu đề ra	1,5			
I.2.4	Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)	≥ 4,9	2	3,85%	0	Không đạt
		4,2	1,5			
I.2.5	Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước	≥ 1,25	2		0	Không đạt
		1	1,5			
I.2.6	Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (%)	≤ 5	2	3,00%	2	Đạt
		6	1,5			
I.2.7	Tỷ lệ tăng dân số hàng năm (%).	≥ 0,84	1	1,08%	1	Đạt
		0,56	0,75			
II	Quy mô dân số đô thị		6-8		6	
II.1	Dân số toàn đô thị (1000 người)	2000-10000	2	5.642	1,5	Đạt chuẩn
			1,5			
II.2	Dân số nội thị (1000 người)		6		4,5	Đạt chuẩn
			4,5			
III	Mật độ dân số		6-8		8	
III.1	Mật độ dân số đô thị (người/km²)	≥ 600	2	6519	2	Đạt
		500	1,5			
III.2	Mật độ dân số tính	≥ 2000	6	13.121	6	Đạt

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng		
		Tiêu chuẩn (loại V - miền núi)	Th.điểm	Tiêu chuẩn đạt	Xét đ.thị loại V	
			T.đa/		Điểm	Đánh giá
	trên diện tích đất xây dựng đô thị khu vực nội thành, nội thị, thị trấn**	1500	4,5			
IV	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp		4,5-6		6	
IV.1	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn ĐT (%)	39%-46%	1,5	62,76%	1,5	Đạt
			1			
IV.2	Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị (%)		4,5		4,5	Đạt
			3,5			
V	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan ĐT		45-60		47,25	
V.1	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực nội thị		36-50		35,25	
V.1.1	Hạ tầng xã hội		7,5-10		9,5	
V.1.1.1	Nhà ở		1,5-2		2	
1	Diện tích nhà ở bình quân đầu người (m² sàn/ người)	≥ 19,6	1	50,30	1	Đạt
		18,2	0,75			
2	Tỷ lệ nhà ở kiên cố (%)	≥ 63	1	100,00%	1	Đạt
		59,5	0,75			
V.1.1.2	Công trình công cộng		6-8		7,5	
1	Đất dân dụng (m²/người)	≥ 70	1	63,68	0,75	Đạt chuẩn
		49	0,75			
2	Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị (m²/người)	≥ 2,45	1	9,5	1	Đạt
		2,1	0,75			
3	Đất xây dựng CTCC	≥ 1,05	1	3,39	1	Đạt

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng		
		Tiêu chuẩn (loại V - miền núi)	Th.điểm	Tiêu chuẩn đạt	Xét đ.thị loại V	
			T.đạ/		Điểm	Đánh giá
	cấp khu ở (m ² /người)	0,7	0,75			
4	Cơ sở y tế cấp đô thị (giường/10.000 dân)	≥ 21	1	298	1	Đạt
		17,5	0,75			
5	Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở)	≥ 1,4	1	1	0,75	Đạt chuẩn
		0,7	0,75			
6	Công trình văn hóa cấp đô thị (công trình)	≥ 1,4	1	2	1	Đạt
		0,7	0,75			
7	Công trình TDTT cấp đô thị (công trình)	≥ 1,4	1	3	1	Đạt
		0,7	0,75			
8	Công trình TMDV cấp đô thị (Công trình)	≥ 1,4	1	3	1	Đạt
		0,7	0,75			
V.1.2	Hạ tầng kỹ thuật		10,5-14		12	
V.1.2.1	Giao thông		4,5-6		4	
1	Đầu mối giao thông (Cảng hàng không - sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách). (Cấp)	Vùng liên huyện	2	0	0	Không đạt
		Huyện	1,5			
2	Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng (%)	≥ 11,2	1	19,29%	1	Đạt
		7,7	0,75			
3	Mật độ đường giao thông đô thị (km/km ²)	≥ 4,2	1	4,58	1	Đạt
		3,5	0,75			
4	Diện tích đất giao thông bình quân đầu người (m ² /người)	≥ 4,9	1	14,60	1	Đạt
		3,5	0,75			
5	Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng (%)	≥ 1,4	1	19,42%	1	Đạt
		0,7	0,75			
V.1.2.2	Cấp điện và chiếu sáng công cộng		2,25-3		3	
1	Cấp điện sinh hoạt (kwh/ng/năm)	≥ 700	1	3.777	1	Đạt
		280	0,75			
2	Tỷ lệ đường phố	≥ 63	1	95,99%	1	Đạt

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng		
		Tiêu chuẩn (loại V - miền núi)	Th.điểm	Tiêu chuẩn đạt	Xét đ.thị loại V	
			T.đạ/		Điểm	Đánh giá
	chính được chiếu sáng (%)	56	0,75			
3	Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng (%)	≥ 49	1	82,58%	1	Đạt
		35	0,75			
V.1.2.3	Cấp nước		1,5-2		2	
1	Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu người (lít/người/ngày.đêm)	≥ 70	1	163,24	1	Đạt
		56	0,75			
2	Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung và được sử dụng nguồn nước hợp vệ sinh (%)	≥ 66,5	1	100%	1	Đạt
		56	0,75			
V.1.2.4	Hệ thống viễn thông		2,25-3		3	
1	Số thuê bao băng rộng di động (số thuê bao/100 dân)	≥ 56	1	104,61	1	Đạt
		49	0,75			
2	Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang (%)	≥ 70	1	97,0%	1	Đạt
		≥ 42	0,75			
3	Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình (%)	≥ 35	1	98,7%	1	đạt
		14	0,75			
V.1.3	Vệ sinh môi trường		10,5-14		5,75	
V.1.3.1	Hệ thống thoát nước mưa và chống ngập úng		2,25-3		2,75	
1	Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km ²)	≥ 2,1	2	8,16	2	Đạt
		1,75	1,5			
2	Tỷ lệ các khu vực	≥ 14	1	10	0,75	Đạt

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng		
		Tiêu chuẩn (loại V - miền núi)	Th.điểm	Tiêu chuẩn đạt	Xét đ.thị loại V	
			T.đạ/		Điểm	Đánh giá chuẩn
	ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng (%)	10	0,75			
V.1.3.2	Thu gom, xử lý nước thải, chất thải		3,75-5		3	
1	Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	≥ 59,5	1	100%	1	Đạt
		49	0,75			
2	Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật(%)	≥ 10,5	2	0%	0	Không đạt
		7	1,5			
3	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)	≥ 63	1	100%	1	Đạt
		56	0,75			
4	Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)	≥ 45,5	1	100%	1	Đạt
		42	0,75			
V.1.3.3	Nhà tang lễ		1,5-2		0	
1	Nhà tang lễ (cơ sở)	**	1	0	0	Không đạt
			0,75			
2	Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%)	≥ 7	1	0	0	Không đạt
		3,5	0,75			
V.1.3.4	Cây xanh đô thị		3-4		0	
1	Đất cây xanh toàn đô thị (m ² /người)	≥ 5,6	2	0,53	0	Không đạt
		4,2	1,5			
2	Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị (m ² /người)	≥ 2,8	2	0	0	Không đạt
		2,1	1,5			
V.1.4	Kiến trúc, cảnh quan đô thị		9-12		8	
1	Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị	100% các phường thị trấn đã thực hiện tốt quy chế	2	100% các phường thị trấn đã	2	Đạt

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng		
		Tiêu chuẩn (loại V - miền núi)	Th.điểm	Tiêu chuẩn đạt	Xét đ.thị loại V	
			T.đạ/		Điểm	Đánh giá
		75% các phường thị trấn đã thực hiện tốt quy chế	1,5	thực hiện tốt quy chế		
2	Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính (%)	≥ 21	2	0%	0	không đạt
		14	1,5			
3	Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện (dự án)	$\geq 1,4$	2	8	2	Đạt
		0,7	1,5			
4	Số lượng không gian công cộng của đô thị (khu)	$\geq 1,4$	2	2	2	Đạt
		0,7	1,5			
5	Có công trình kiến trúc tiêu biểu (công trình)	Có 1 công trình cấp là di tích cấp quốc gia đặc biệt	2	Có công trình cấp quốc gia	2	Đạt
		Có 1 công trình là di tích cấp quốc gia hoặc cấp tỉnh hoặc công trình kiến trúc loại I hoặc loại II được cơ quan có thẩm quyền công nhận	1,5			
6	Công trình xanh (công trình)	Có 2 công trình xanh trở lên đã được cấp giấy chứng nhận	1	0	0	không đạt
		Có 1 công trình xanh đã được cấp giấy chứng nhận	0,75			
7	Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh	≥ 2	1	0	0	không đạt
		1	0,75	0	0	không đạt

TT	Các chỉ tiêu đánh giá	Mức quy định		Hiện trạng		
		Tiêu chuẩn (loại V - miền núi)	Th.điểm	Tiêu chuẩn đạt	Xét đ.thị loại V	
			T.đa/		Điểm	Đánh giá
V.2	Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thị		7,5-10		10	Đạt
	TỔNG CỘNG		75 - 100		78,75	

2.6.2. Nhận xét, đánh giá tổng hợp

a. Nhận xét, đánh giá một cách tổng quan về các tiêu chí trên.

Với những kết quả đánh giá về tình hình thực trạng phát triển của đô thị Thất Khê; đối chiếu với Nghị quyết về phân loại đô thị tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị ; đô thị Thất Khê đạt 82,25/100 điểm

Tiêu chí	Đánh giá với tiêu chí ĐT loại V	Thang điểm
Tiêu chí 1: Vị trí, vai trò, chức năng, có cầu và trình độ PTKTXH:	13,5	15-20
Tiêu chí 2: Quy mô dân số đô thị đạt:	6	6-8
Tiêu chí 3: Mật độ dân số:	8	4,5-6
Tiêu chí 4: Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp:	6	4,5-6
Tiêu chí 5: Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị:	45,25	45-60
Tổng	78,75	75-100

• Qua việc rà soát, phân tích, đánh giá, tổng hợp thị trấn Thất Khê; đối chiếu với 5 tiêu chí và 50 tiêu chuẩn đô thị loại V được quy định tại Nghị quyết về phân loại đô thị tại Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/05/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về Phân loại đô thị được chia làm 3 nhóm tiêu chuẩn chính như sau:

- Nhóm 01: Tiêu chuẩn đã đạt và vượt mức tối đa của tiêu chuẩn quy định có tổng số 38 tiêu chuẩn sau đây:

- | | |
|--|--|
| 1. Tiêu chí vị trí, chức năng, vai trò | 21. Tỷ lệ phục vụ vận tải hành khách công cộng (%) |
| 2. Cân đối thu chi ngân sách | |

3. Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước (lần)
4. Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều (%)
5. Tỷ lệ tăng dân số hàng năm
6. Mật độ dân số đô thị (người/km²)
7. Mật độ dân số trên diện tích đất xây dựng đô thị
8. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp toàn Đô thị
9. Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp khu vực nội thị
10. Diện tích nhà ở bình quân đầu người.
11. Tỷ lệ nhà ở kiên cố, bán kiên cố
12. Đất xây dựng các công trình dịch vụ công cộng đô thị (m²/người)
13. Đất xây dựng CTCC cấp khu ở (m²/người)
14. Cơ sở y tế cấp đô thị (giường/10.000 dân)
15. Công trình văn hóa cấp đô thị (công trình)
16. Công trình TDTT cấp đô thị (công trình)
17. Công trình TMDV cấp đô thị (Công trình)
18. Tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng (%)
19. Mật độ đường giao thông đô thị (km/km²)
20. Diện tích đất giao thông bình quân đầu người (m²/người)
22. Cấp điện sinh hoạt (kwh/ng/năm)
23. Tỷ lệ đường phố chính được chiếu sáng (%)
24. Tỷ lệ đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng (%)
25. Mức tiêu thụ nước sạch qua hệ thống cấp nước tập trung bình quân đầu
26. Tỷ lệ dân số đô thị được cấp nước sạch qua hệ thống cấp nước
27. Số thuê bao băng rộng di động (số thuê bao/100 dân).
28. Tỷ lệ hộ gia đình có kết nối cáp quang (%)
29. Tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình
30. Mật độ đường cống thoát nước chính (km/km²)
31. Tỷ lệ chất thải nguy hại được thu gom, xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)
32. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được thu gom (%)
33. Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt được xử lý đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường (%)
34. Quy chế quản lý kiến trúc toàn đô thị
35. Số lượng dự án cải tạo, chỉnh trang đô thị, chung cư cũ, cải tạo môi trường đô thị ứng phó biến đổi khí hậu đã có chủ trương đầu tư hoặc đã và đang triển khai thực hiện (dự án)
36. Số lượng không gian công cộng của đô thị (khu)
37. Có công trình kiến trúc tiêu biểu (công trình)
38. Trình độ phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan khu vực ngoại thị

- Nhóm 02: Tiêu chuẩn đạt trên mức tối thiểu nhưng chưa đạt điểm tối đa của tiêu chuẩn quy định có tổng số 06 tiêu chuẩn sau đây:

1. Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ
2. Dân số toàn đô thị (1000 người)
3. Dân số nội thị (1000 người)

4. Đất dân dụng (m²/người)
5. Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở)
6. Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng (%)

- Nhóm 03: Tiêu chuẩn không đạt mức tối thiểu của tiêu chuẩn quy định có 11 tiêu chuẩn sau đây:

1. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất (%)
2. Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước
3. Đầu mối giao thông (Cảng hàng không - sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách).
4. Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật(%)
5. Nhà tang lễ (cơ sở)
6. Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (%)
7. Đất cây xanh toàn đô thị (m²/người)
8. Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị (m²/người)
9. Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính (%)
10. Công trình xanh (công trình)
11. Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh

Tổng hợp Đánh giá các chỉ tiêu đạt, không đạt

Tiêu chí	So với đô thị loại V
Tiêu chí đạt tối đa	38
Tiêu chí chưa đạt tối đa	6
Tiêu chí không đạt	11

2.7. Một số chỉ tiêu quy hoạch đô thị được nghiên cứu trong đồ án quy hoạch

2.7.1. Quy hoạch tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030

a. Các chỉ tiêu về phát triển đô thị toàn tỉnh:

- Năm 2020: dân số toàn tỉnh khoảng 788.806 người; tỷ lệ tăng trung bình giai đoạn 2015-2020 là 1,0%/năm; Trong đó: tăng tự nhiên 0,65%; tăng cơ học: 0,35%.

- Dự báo năm 2030: dân số toàn tỉnh khoảng 948.078 người (tăng 159.372 người so với năm 2020); tỷ lệ tăng trung bình giai đoạn 2020 - 2030 là 1,86%/năm; Trong đó: tỷ lệ tăng tự nhiên 0,7%; tỷ lệ tăng cơ học: 1,16%.

(1) Tỷ lệ đô thị hóa toàn tỉnh

- Đến năm 2025: đạt khoảng 30%.
- Đến năm 2030: đạt khoảng 40%.
- Đến năm 2050: đạt khoảng 57,4%.

(2) Về chất lượng đô thị

- Tỷ lệ đất xây dựng đô thị trên tổng diện tích đất tự nhiên đạt khoảng 1,5-1,9% (năm 2025) và đạt khoảng 1,9-2,3% (năm 2030);

- Tỷ lệ đất giao thông trên đất xây dựng đô thị đạt khoảng 11-16% (năm 2025) và đạt khoảng 16-24% (năm 2030).

Các chỉ tiêu về phát triển hạ tầng xã hội và kỹ thuật đô thị

TT	Hạng mục	Đơn vị tính	Năm 2020	Năm 2030
1	Dân số toàn tỉnh	người	788.706	948.078
	Tăng TB/năm trong giai đoạn trong đó:	%	1	1,86
	- Tăng tự nhiên:	%	0,65	0,7
	- Tăng cơ học	%	0,35	1,16
	Trong đó: - Dân số thành thị	người	181.860	370.100
	- Dân số nông thôn	người	606.846	577.978
2	Tỷ lệ đô thị hoá	%	23,06	41
3	Đất xây dựng đô thị	ha	10.148	25.993
	Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị (trung bình toàn tỉnh)	m2/người	558	662
	Chỉ tiêu đất xây dựng đô thị thị trấn Thất Khê	m2/người	140-150	260-270
4	Số lượng đô thị	đô thị		
	Trong đó:			
-	Đô thị cấp tỉnh		1	1
-	Đô thị cấp huyện (thị trấn)		14	16
5	Chỉ tiêu nhà ở trung bình	m2sàn/người	15-20	20-25
6	Chỉ tiêu cấp điện	KW/người		
-	Đô thị cấp huyện (thị trấn)		400	1000
7	Chỉ tiêu cấp nước	lít/người/ngày		
	Các đô thị loại V		100	120
8	Tỷ lệ thoát nước	%		
-	Các đô thị loại V		90	95
9	Chỉ tiêu điện thoại	máy/100 dân	10-15	20-30
10	Chỉ tiêu cây xanh đô thị	m2/người	12	15
11	Chỉ tiêu đất giao thông Các đô thị loại V	%	15-20	15-20

b. Đối với Huyện Tràng Định:

Quy mô cấp loại đô thị của Huyện Tràng Định

TT	Danh mục	Dân số đô thị		Phân loại đô thị		
		Năm 2020	Năm 2030	Năm 2020	Năm 2030	
	Huyện Trảng Định					
1	Thị trấn Thất Khê	4.609	14.720	V	V	Sáp nhập xã Đại Đồng vào thị trấn Thất Khê

2.7.2. Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Thất Khê, Huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035, tỷ lệ 1/5000

a. Quy mô quy hoạch :

Quy hoạch chung thị trấn Thất Khê được phê duyệt tại Quyết định 96/QĐ-UBND ngày 31/01/2012 của UBND tỉnh Lạng Sơn về phê duyệt đồ án điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thất Khê, huyện Trảng Định, đến năm 2025 tỷ lệ 1/5000.

Diện tích lập quy hoạch là 320 ha, trong đó:

- Diện tích thị trấn: 86 ha
- Diện tích mở rộng: 230 ha
 - + Mở rộng về xã Chi Lăng: 40,60 Ha.
 - + Mở rộng về xã Đề Thám: 29,00 Ha.
 - + Mở rộng về xã Đại Đồng: 160,40 Ha.

Về thực hiện theo quy hoạch đã có. Hiện các hệ thống giao thông và quản lý xây dựng trên địa bàn thị trấn cơ bản tuân thủ theo đồ án quy hoạch đã được phê duyệt. Các công trình cơ quan trụ sở làm việc của Huyện đã được xây dựng khang trang và đồng bộ

Về phát triển đô thị. Trên địa bàn thị trấn đang triển khai 3 dự án đầu tư phát triển khu dân cư mới, cơ bản phù hợp theo quy hoạch chung đã lập

Trong giai đoạn thực hiện theo quy hoạch từ 2012 đến nay, một số bất cập đã dần bộc lộ gây khó khăn không nhỏ cho phát triển của thị trấn:

- Mật độ dân cư tập trung cao tại trung tâm thị trấn với các hoạt động thương mại dịch vụ kiểu phố thị ảnh hưởng tới giao thông nhất là đối với các tuyến đối ngoại 4A và 3B.

- Mặt khác, theo quy hoạch đòi hỏi mở rộng mặt cắt giao thông nội thị tại trung tâm thị trấn. Tuy nhiên, với các đặc trưng phố thị biên viễn sầm uất nhộn nhịp và thực trạng xây dựng nhà ở kiên cố thì tính khả thi để thực hiện là không cao, đòi hỏi chi phí lớn. Do đó, huyện kiến nghị xem xét giữ và xác định mặt cắt phù hợp.

- Khu vực hành chính – chính trị của huyện hiện nay diện tích còn hẹp chưa đáp ứng cho các nhu cầu làm việc. Do đó, kiến nghị xác định vị trí mới, rộng rãi có địa thế

đẹp. Khu vực hiện nay có thể chuyển đổi thành không gian văn hóa kết hợp với sân vận động hiện có.

- Các công trình phục vụ hạ tầng xã hội như chợ, tuyến phố đi bộ cần được nghiên cứu bổ sung trong giai đoạn phát triển sắp tới của thị trấn.

- Khu vực nông nghiệp nông thôn được xác định trong vùng không gian kinh tế 2,3 theo định hướng phát triển không gian. Đối với khu vực này, trong tầm kiểm soát không gian được tập trung vào các giải pháp chính:

- + Dân số duy trì khoảng 2400-2500 người
- + Bảo vệ diện tích rừng phòng hộ: khoảng 342,55 ha
- + Phát triển diện tích rừng sản xuất, khoảng: 1314,82 ha
- + Cải thiện và nâng cao hiệu quả các cây nông sản chủ lực như thạch đen, và các cây lương thực khác
- + Khoanh vùng diện tích trồng lúa khoảng 339,86 ha
- + Phát triển các hoạt động du lịch trải nghiệm, du lịch cộng đồng
- + Nâng cấp chất lượng đường giao thông nông thôn, đảm bảo kết nối liên hoàn và đồng bộ với hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị

b. Quy mô sử dụng đất

Đất xây dựng phát triển đô thị

Tổng diện tích dành cho phát triển đô thị vào khoảng: 1.196,73 ha, chiếm tỷ lệ 35,18%; trong đó:

- Đất dân dụng đô thị khoảng: 649,96 ha
- Đất ngoài dân dụng khoảng: 546,77 ha

Trong đất dân dụng, các chức năng được xác định diện tích như sau:

- Đất công cộng –dịch vụ có diện tích: 14,59 ha là đất đang bố trí công trình dịch vụ cấp đô thị

- Đất y tế có diện tích: 2,77ha là đất bố trí bệnh viện huyện Trảng Định

- Đất giáo dục: 1 Trường cấp 3 có quy mô 2,03 ha. Tổng diện tích trường THCS, Tiểu học, mầm non có quy mô 13,97 ha.

- Đất cây xanh đô thị có diện tích 31,30 ha. Đất được sử dụng bố trí xây dựng các quảng trường đô thị, công viên đô thị.

- Đất đơn vị ở được xây dựng đồng bộ hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội. Tổng quy mô đất nhóm ở khoảng 556,53 ha, Trong đó, diện tích làng xóm có khoảng 186,59 ha; diện tích ở hiện trạng đô thị hóa 173,67 ha; các nhóm ở mới khoảng 196,27 ha.

- Đất đường giao thông và bãi đỗ xe có quy mô khoảng 28,77 ha

Đất ngoài dân dụng, các chức năng được xác định diện tích như sau:

- Đất cơ quan trụ sở có tổng quy mô khoảng 11,99 ha được dành để bố trí xây dựng các trụ sở làm việc của các phòng ban cơ quan cấp Huyện tại thị trấn. Các trụ sở này được phân bố đều trên toàn diện tích đô thị

- Đất dịch vụ du lịch có quy mô 109,07 ha
- Đất dành cho xây dựng cụm kho tàng bến bãi có quy mô khoảng 31,18 ha
- Đất trường dạy nghề, trường nội trú: quy mô khoảng 0,64 ha
- Khu công viên chuyên đề có quy mô khoảng 121,80 ha
- Cây xanh cách lý giữa tuyến cao tốc với khu dân cư, giữa khu sản xuất với khu dân cư được xác định khoảng 46,46 ha
- Khu di tích lịch sử có quy mô khoảng 1,23 ha
- Đất hỗn hợp có quy mô khoảng 22,57 ha
- Đất kinh doanh sản xuất có quy mô 23,52 ha
- Đất sản xuất vật liệu xây dựng có quy mô khoảng 33,29 ha
- Đất an ninh có quy mô khoảng 0,89 ha
- Đất quốc phòng có quy mô 8,53 ha
- Đất đầu mối hạ tầng kỹ thuật có quy mô khoảng 3,05ha
- Đất nghĩa trang nghĩa địa khoảng 11,13 ha
- Đất giao thông và đầu mối giao thông khoảng 120,89 ha. Trong đó có bố trí bên xe liên huyện có quy mô khoảng 2,11 ha.

Đất khác

Đất khác có tổng diện tích khoảng 2.204,78 ha bao gồm các chức năng:

- Đất rừng phòng hộ có diện tích 342,55ha
- Đất rừng sản xuất có diện tích: 1314,82ha
- Đất trồng cây hàng năm có diện tích: 135,93 ha
- Đất trồng lúa có diện tích : 339,86 ha
- Diện tích sông suối khoảng 71,62 ha.

c. Giải pháp quy hoạch hạ tầng kỹ thuật

*** Giao thông**

- Cập nhật tuyến đường cao tốc Đồng Đăng -Trà Lĩnh vào mặt bằng điều chỉnh quy hoạch.

+ Đường QL 4A: Tuyến QL4A là tuyến giao thông huyết mạch quốc gia với lưu lượng xe lớn, vì vậy để đảm bảo an toàn giao thông và sự thông suốt cần xây dựng tuyến đường tránh thị trấn. Tuyến QL4A cũ sẽ cải tạo thành đường liên khu vực, dự kiến xây dựng tuyến đường tránh (đường chính đô thị).

+ Đường tránh QL 4A: Quy hoạch tuyến đường tránh QL 4A với mục giảm lưu lượng giao thông trong khu vực trung tâm và mở rộng phát triển đô thị về phía Đông thị

trần. Tuyến đường tránh dự kiến trong tương lai sẽ là tuyến đường chính của đô thị kết nối các trung tâm, các đô thị trong khu vực với nhau.

+ Đường QL3B: Cập nhật và điều chỉnh hướng tuyến đường QL3B theo quyết định số 607/QĐ-BGTVT ngày 12/5/2022 của Bộ Giao thông vận tải (Trích QĐ607/QĐ-BGTVT Điều chuyển đoạn tuyến từ Km22+700-Km26+00/QL.3B chiều dài 3,3Km đoạn qua ngã ba giao với đường dẫn vào cầu Pắc Luồng mới và cầu Pắc Luồng cũ (khu vực nội thị thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn) về Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn quản lý, khai thác và bảo trì bằng nguồn vốn của địa phương và tiếp nhận tuyến tránh thị trấn Thất Khê đoạn từ Km22+700/QL.3B đến Km26+00/QL.3B, hướng tuyến từ Km22+700/QL.3B, tuyến đi theo đường Phai Dài với chiều dài 520m tuyến giao với QL.4A tại Km51+580, tuyến rẽ phải đi trùng với tuyến QL.4A đến Km52+380, tuyến đi theo hướng cầu Pắc Luồng mới với chiều dài 980m giao với Km26+00/QL.3B, tổng chiều dài tuyến 2,3Km trong đó có 800m trùng với QL.4A (do Ủy ban nhân dân tỉnh Lạng Sơn quản lý) về Bộ Giao thông vận tải quản lý). Nâng cấp cải tạo đoạn đường dẫn đi cửa khẩu Nà Nưa.

+ Đường QL3E: Nâng cấp tuyến đường tỉnh ĐT 226 thành quốc lộ 3E nối trung tâm thị trấn Thất Khê với thị trấn Bình Gia theo quyết định 1454/QĐ-TTg của Thủ tướng chính phủ phê duyệt quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050. Quy mô mặt cắt ngang từ 13,5m - 25m.

* Giao thông đối nội:

+ Xây dựng cầu mới qua sông Bắc Khê để kết nối giao thông giữa hai bên bờ sông.xây

+ Giữ nguyên bề rộng mặt cắt và chỉ nâng cấp cải tạo một số tuyến giao thông hiện trạng qua khu dân cư phố cổ.

+ Mở rộng mặt cắt ngang đường giao thông hiện trạng để đáp ứng nhu cầu giao thông trong tương lai

- Bến Xe: Quy hoạch mới bến xe khách thị trấn đặt tại khu phía Nam quy mô khoảng 2,07 ha

*** Chuẩn bị kỹ thuật**

- Tuân thủ đồ án Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thất Khê đến năm 2025. Đảm bảo không bị ngập lụt với tần suất P=1%.

- Địa hình tự nhiên có hướng dốc dần về sông Bắc Khê chảy giữa dự án.

- Cao độ san nền thiết kế bám sát theo địa hình tự nhiên, các khu vực đồi núi được giữ nguyên địa hình để khai thác cảnh quan

- Các khu vực có cao độ thiết kế nền xây dựng chênh cao với cao độ tự nhiên sẽ được thiết kế taluy đảm bảo kỹ thuật và môi trường

*** Thoát nước mưa**

- Trong phạm vi nghiên cứu có 02 lưu vực thoát nước chính hướng thoát về sông Bắc Khê:

+ Lưu vực 1: Diện tích khoảng 479,69 ha. Hướng thoát chính thoát về sông Bắc Khê.

+ Lưu vực 2: Diện tích khoảng 2.921,81 ha. Hướng thoát chính thoát về suối Nà Chà, suối Pác Chác, suối Nậm Ăn... rồi thoát về sông Bắc Khê.

*** Cấp nước**

- Xây dựng nhà máy nước Thất Khê khai thác nguồn nước mặt sông Bắc Khê cấp nước cho khu vực.

+ Giai đoạn đến năm 2025 nâng cấp công suất nhà máy nước Thất Khê lên 4.000m³/ngđ.

+ Giai đoạn đến năm 2035 nâng cấp công suất nhà máy nước Thất Khê lên 7.500m³/ngđ.

- Tận dụng nguồn nước hồ Nà Chà ngoài cung cấp nước cho hoạt động nông nghiệp tại địa phương thì còn cấp nước sinh hoạt cho khu dân cư lân cận.

- Nguồn nước hồ Nà Chà, Khau Sliêm, khe suối nâng cấp theo giai đoạn để cấp nước cho khu dân cư hiện trạng và khu dân cư mở rộng xung quanh.

*** Cấp điện**

- Nguồn cấp: lấy điện từ trạm biến áp 110kV Trảng Định 40MVA hiện có. Đến năm 2030 nâng công suất lên 2x40MVA.

- Lưới 35KV:

+ Đề xuất dỡ bỏ, thay thế hạ ngầm đường dây 35KV hiện trạng qua các khu quy hoạch mới để tăng quỹ đất xây dựng đô thị và đảm bảo cảnh quan đô thị.

+ Hệ thống lưới điện trung thế hiện trạng thị trấn sử dụng lưới điện 35Kv đi nổi. Để phù hợp với quy hoạch mới những đoạn cắt qua khu vực quy hoạch mới sẽ được dỡ bỏ thay thế bằng đường 35kv mới hạ ngầm theo đường giao thông.

+ Định hướng về lâu dài lưới điện phân phối trung áp thị trấn Thất Khê sẽ vận hành thống nhất ở điện áp 35kV.

Lưới 22KV:

+ Đề xuất dỡ bỏ đường dây 22KV cắt ngang qua dự án, thay thế lưới điện trung áp là 35kV cho phù hợp với các Quy hoạch chuyên ngành đã phê duyệt.

Lưới 10KV thế:

+ Đề xuất dỡ bỏ, thay thế lưới điện 10KV hiện trạng thành đường dây 35KV hạ ngầm đảm bảo phát triển nhu cầu trong tương lai, tăng quỹ đất xây dựng đô thị và cảnh quan đô thị.

Trạm biến áp 35/0.4kv Quy hoạch mới sử dụng trạm xây và trạm treo, gam máy tối thiểu 100KV, các trạm xây mới phải đảm bảo an toàn và mỹ quan. Bán kính cấp điện của trạm không quá 500m.

Dự kiến thiết kế 31 trạm biến áp mới đặt tại các khu vực quy hoạch mới để đảm bảo nhu cầu cấp điện cho thị trấn trong tương lai. (số lượng trạm biến áp có thể thay đổi theo để phù hợp với yêu cầu trong quá trình thực hiện đồ án quy hoạch chi tiết).

**** Hạ tầng viễn thông thụ động***

Sử dụng tuyến cáp quang chạy dọc thị trấn với dung lượng 48FO. Tuyến cáp quang dự kiến hạ ngầm trên vỉa hè, độ sâu trong hào cáp, khoảng cách đến chân các công trình phải đảm bảo tiêu chuẩn kỹ thuật của ngành TC30-05-2002.

Đầu tư hệ thống trạm phát sóng BTS để đáp ứng nhu cầu thông tin liên lạc cho thị trấn, các trạm biến áp này đặt ở trung tâm phụ tải để đạt hiệu quả phát sóng cao nhất.

Trên cơ sở xu hướng phát triển của công nghệ viễn thông, xu hướng tiêu dùng dịch vụ viễn thông của xã hội và hạ tầng hệ thống viễn thông hiện có tại Thị trấn Thất Khê.

**** Thoát nước thải, chất thải rắn và nghĩa trang***

- Thoát nước thải

Thị trấn Thất Khê là đô thị loại V sử dụng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn, nước thải được tách riêng tại các giếng tách nước và đưa về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý theo QCVN 14 -2008 “Nước thải đô thị – Tiêu chuẩn thải”.

Các khu vực phát thải nước thải sinh hoạt và sản xuất được thu gom về trạm xử lý, nước thải được xử lý đảm bảo theo quy định trước khi xả vào hệ thống nguồn tiếp nhận.

Nước thải được chia làm 5 lưu vực chính.

Trạm xử lý nước thải dành cho mỗi khu có công suất:

+ Trạm xử lý nước thải số 01: 1.100m³/ngđ.

+ Trạm xử lý nước thải số 02: 800m³/ngđ.

+ Trạm xử lý nước thải số 03: 2.200m³/ngđ.

+ Trạm xử lý nước thải số 04: 800 m³/ngđ.

+ Trạm xử lý nước thải số 05: 450m³/ngđ.

Và một trạm bơm nước thải công suất 1.300 m³/ngđ.

- Chất thải rắn

+ Phân loại CTR tại nguồn sau đó chuyển đến các trạm trung chuyển, xử lý phân loại sơ bộ sau đó vận chuyển về khu xử lý CTR tập trung. Các trạm trung chuyển đặt tại các khu dân cư.

+ CTR được đưa đến trạm trung chuyển được phân loại rồi được vận chuyển đến khu xử lý CTR

- Nghĩa trang

+ Đóng cửa và cải tạo thành công viên nghĩa trang: đối với các khu vực nghĩa trang có quy mô lớn và ảnh hưởng trực tiếp đến môi trường.

+ Đóng cửa và di dời 1 phần về nghĩa trang quy hoạch mới, phần còn lại được quy hoạch thành công viên nghĩa trang: đối với các khu vực nghĩa trang có quy mô lớn và có ảnh hưởng đến môi trường, cần giải toả...

+ Đóng cửa và dần di dời hoàn toàn về nghĩa trang được quy hoạch mới: đối với các nghĩa trang quy mô nhỏ, hoặc các khu vực nghĩa trang có ảnh hưởng lớn đến môi trường tự nhiên, đến cảnh quan đô thị...

2.8. Xác định các tiêu chí, tiêu chuẩn để đầu tư xây dựng phát triển đô thị

2.8.1. Quan điểm

Chương trình phát triển đô thị phải phù hợp và cụ thể hóa Định hướng kế hoạch phân loại đô thị toàn quốc giai đoạn 2021-2030; Chương trình phát triển đô thị tỉnh Lạng Sơn đến năm 2030; Điều chỉnh Quy hoạch chung thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035;

Các chỉ tiêu phát triển đô thị được xác định trên cơ sở các chỉ tiêu chính về chất lượng đô thị được quy định tại về phân loại đô thị được quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 đối chiếu

với các tiêu chuẩn đạt được hiện trạng để xác định các chỉ tiêu cần đạt được cho đô thị trong các giai đoạn đến năm 2035.

Phát triển đô thị thị trấn Thất Khê đáp ứng yêu cầu chuyển dịch kinh tế, cơ cấu cầu lao động, phân bố dân cư hợp lý giữa các khu vực trong đô thị; khai thác tốt tiềm năng, lợi thế sẵn có liên kết phát triển với các đô thị, địa phương trong và ngoài huyện; đồng thời đảm bảo sử dụng hiệu quả quỹ đất xây dựng, từng bước đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng xã hội và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ; Xây dựng đô thị có điều kiện đảm bảo, nâng cao chất lượng sống của người dân.

Nguyên tắc xác định chỉ tiêu phát triển đô thị:

- Các chỉ tiêu đặt ra phải có tính khả thi, phù hợp đặc điểm và điều kiện phát triển của đô thị, đảm bảo đạt mục tiêu phát triển đô thị theo định hướng quy hoạch đã đặt ra.

- Một số chỉ tiêu theo Quyết định 1659 cao hơn hoặc thấp hơn so với tiêu chuẩn phân loại đô thị được quy định tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 thì tùy theo đặc điểm hiện trạng đô thị và mục tiêu phát triển đô thị để xác định cho phù hợp.

- Đối với các chỉ tiêu mà theo Quyết định 1659 cao hơn so với tiêu chuẩn quy định phân loại đô thị tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13, Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15 ngày 21/9/2022 thì tùy theo đặc điểm hiện trạng: Nếu hiện trạng đô thị đã đạt bằng hoặc cao hơn tiêu chuẩn phân loại đô thị nhưng chưa đạt theo chỉ tiêu tại Quyết định 1659 thì chỉ tiêu đặt ra là duy trì tiêu chuẩn đạt như hiện trạng để tập trung ưu tiên phân đầu cho các chỉ tiêu còn chưa đạt điểm theo tiêu chuẩn phân loại đô thị. Nếu hiện trạng đô thị chưa đạt theo tiêu chuẩn phân loại đô thị thì các chỉ tiêu sẽ được xác định theo tiêu chuẩn quy định phân loại đô thị tại Nghị quyết 1210/2016/UBTVQH13.

2.8.2. Xác định các tiêu chí, tiêu chuẩn để đầu tư xây dựng phát triển đô thị

Hoàn thiện các tiêu chí của một đô thị V, so sánh với thực trạng phát triển kinh tế xã hội và tình hình phát triển đô thị tại thời điểm hiện nay, đô thị thị trấn Thất Khê còn một số các tiêu chí chưa đạt theo quy định.

- **Các tiêu chí và tiêu chuẩn cần được tập trung đầu tư trong giai đoạn 2021-2025 như sau:**

- (1) Cân đối thu chi ngân sách (≥ 1.5).
- (2) Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ ($\geq 4\%$).
- (3) Dân số toàn đô thị (1000 người) (≥ 10.000 người).
- (4) Dân số nội thị (1000 người) (≥ 10.000 người).
- (5) Đất dân dụng ($m^2/người$) ($\geq 70 m^2/người$).
- (6) Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở) (≥ 1.4).
- (7) Xây dựng Đầu mối giao thông (Cảng hàng không - sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách).
- (8) Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất ($\geq 4,2\%$).
- (9) Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước (≥ 1).
- (10) Đất cây xanh toàn đô thị ($\geq 4,2 m^2/người$).

- (11) Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị ($\geq 2,1 \text{ m}^2/\text{người}$).
- (12) Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính ($\geq 14\%$).

- **- Các tiêu chí và tiêu chuẩn cần được tập trung đầu tư trong giai đoạn 2026-2030 như sau:**

- (1) Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước ($\geq 1,25$)
- (2) Xây dựng Đầu mối giao thông (Cảng hàng không - sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách).
- (3) Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật ($\geq 7\%$)
- (4) Xây dựng nhà tang lễ (cơ sở)
- (5) Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng ($\geq 3,5\%$)
- (6) Xây dựng Công trình xanh (công trình)
- (7) Phát triển Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh

- **Các tiêu chí và tiêu chuẩn cần được tập trung đầu tư trong giai đoạn 2031-2035 như sau:**

- (1) Thu nhập bình quân đầu người năm so với cả nước ($\geq 0,9$ lần).
- (2) Cân đối thu chi ngân sách ($\geq 1,5$).
- (3) Tăng tỷ trọng công nghiệp - xây dựng và dịch vụ ($\geq 5\%$).
- (4) Dân số toàn đô thị (1000 người) (≥ 15.000 người).
- (5) Dân số nội thị (1000 người) (≥ 15.000 người).
- (6) Đất dân dụng ($\text{m}^2/\text{người}$) ($\geq 70 \text{ m}^2/\text{người}$).
- (7) Cơ sở giáo dục, đào tạo cấp đô thị (cơ sở) (≥ 3).
- (8) Tỷ lệ các khu vực ngập úng có giải pháp phòng chống, giảm ngập úng ($\geq 21\%$).
- (9) Mức tăng trưởng kinh tế trung bình 3 năm gần nhất ($\geq 5\%$).
- (10) Tăng trưởng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn so với cả nước ($\geq 1,5$).
- (11) Xây dựng Đầu mối giao thông (Cảng hàng không - sân bay, ga đường sắt, cảng, đường thủy, bến xe khách).
- (12) Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật ($\geq 15\%$).
- (13) Xây dựng nhà tang lễ (1 cơ sở).
- (14) Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng (7%).
- (15) Đất cây xanh toàn đô thị ($\geq 6,2 \text{ m}^2/\text{người}$).
- (16) Đất cây xanh công cộng khu vực nội thị ($\geq 4,1 \text{ m}^2/\text{người}$).
- (17) Tỷ lệ tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính ($\geq 30\%$).
- (18) Xây dựng Công trình xanh (công trình).
- (19) Xây dựng Khu chức năng đô thị, khu đô thị mới được quy hoạch, thiết kế theo mô hình xanh, ứng dụng công nghệ cao, thông minh.

III. PHẦN 3. CHƯƠNG TRÌNH PHÁT TRIỂN ĐÔ THỊ THẮT KHÊ, HUYỆN TRẢNG ĐỊNH ĐẾN NĂM 2035.

3.1. Danh mục lộ trình triển khai các khu vực phát triển đô thị

3.1.1. Nguyên tắc chung

- Định hướng lộ trình phát triển đô thị dựa trên các kế hoạch, dự án đầu tư hạ tầng kinh tế của quốc gia, của tỉnh và của huyện trên địa bàn theo tiêu chí cơ sở hạ tầng đi trước.

- Xây dựng hệ thống cơ sở hạ tầng khung đồng bộ, hình thành mạng lưới kết nối các khu vực phát triển đô thị theo hướng tạo thành các hành lang hạ tầng kỹ thuật, đảm bảo giao thông đi trước một bước.

- Ưu tiên phát triển các khu vực đô thị có vị thế, vai trò hạt nhân thúc đẩy phát triển vùng huyện, khu vực đô thị gắn với các trọng điểm kinh tế.

- Ưu tiên đầu tư các hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật (trong đó ưu tiên ứng dụng công nghệ thông tin trong phát triển hạ tầng đô thị, giao thông, điện ..), các công trình đầu mối đảm bảo vệ sinh môi trường.

- Tập trung hoàn thiện các phân khu chức năng đô thị theo quy hoạch đô thị; nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng đô thị còn yếu theo các chỉ tiêu về phân loại đô thị để nâng cao chất lượng đô thị.

3.1.2. Các khu vực phát triển đô thị - Thị trấn Thất Khê

Cấu trúc đô thị của thị trấn Thất Khê sẽ được hình thành theo cấu trúc phân vùng kinh tế và cấu trúc mạng giao thông đối ngoại khung.

- Khai thác dựa trên lợi thế của hành lang kinh tế Lạng Sơn – Thất Khê. Phát triển các chức năng chuyên biệt để tạo thành chuỗi phát triển, hướng tới việc hình thành các dải, tuyến đô thị.

- Tăng cường các đường nhánh từ tuyến xuyên tâm đô thị để kết nối tới các dân cư lân cận, mang tới khả năng đô thị hóa đồng đều trên toàn bộ không gian phát triển của thị trấn.

- Vùng phát triển gồm:

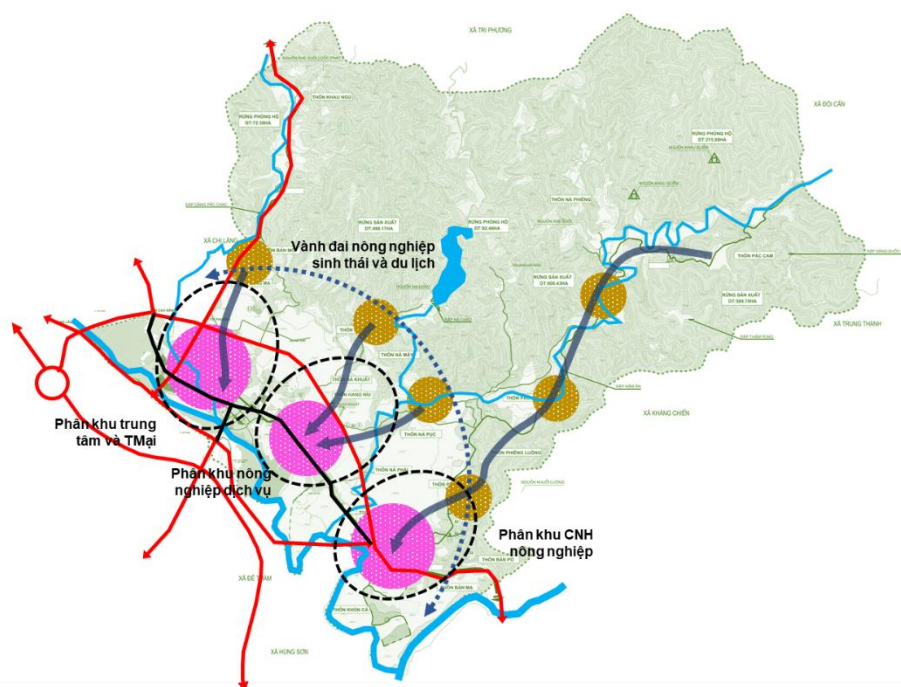
- + Phân khu đô thị trung tâm và thương mại: Phát triển mở rộng thị trấn.
- + Phân khu nông nghiệp dịch vụ: Phát triển mới dọc QL4A.
- + Phân khu CNH nông nghiệp: Phát triển tại xã Đại Đồng (cũ).

- Vùng nông nghiệp sinh thái:

- + Vành đai nông nghiệp sinh thái và du lịch.
- + Khu vực đồi núi canh tác lâm nghiệp.
- + Các làng bản sinh thái hiện hữu.

- Hệ thống trung tâm

- + Trung tâm thương mại cửa khẩu: Đặt tại phân khu trung tâm.
- + Trung tâm văn hóa, đào tạo, giới thiệu sản phẩm nông sản: Đặt tại phân khu nông nghiệp dịch vụ.
- + Trung tâm dịch vụ, cơ sở sản xuất: Đặt tại phân khu CNH nông nghiệp.
- + Trung tâm dịch vụ du lịch: Đặt tại vành đai nông nghiệp sinh thái và du lịch.



3.1.3. Lộ trình thực hiện

a. Nguyên tắc xây dựng lộ trình:

- Tuân thủ chủ trương, định hướng của các quy hoạch tỉnh, chương trình, kế hoạch phát triển, nâng cấp đô thị của tỉnh;
- Ưu tiên các khu vực phát triển đô thị có vị trí chiến lược, có vai trò thúc đẩy tới sự phát triển của đô thị;
- Ưu tiên các khu vực phát triển đô thị còn thiếu cơ sở hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, đặc biệt các khu vực tồn tại những vấn đề nóng, bức xúc của dân cư.
- Đánh giá phân tích các khu vực có năng lực tiếp nhận và thực hiện dự án, các khu vực có môi trường đầu tư tốt, hiệu quả.

b. Xây dựng lộ trình triển khai phát triển khu vực đô thị

- **Giai đoạn đến năm 2025:** Tập trung xây dựng phát triển, chỉnh trang nâng cấp đô thị hoàn thiện tiêu chí chưa đạt đô thị loại V.
- **Giai đoạn năm 2026-2030:** Cải tạo nâng cấp các công trình hiện có. Tiếp tục triển khai lập các quy hoạch phân khu và quy hoạch chi tiết, quy hoạch tổng mặt bằng theo định hướng điều chỉnh quy hoạch chung và kế hoạch, ưu tiên đầu tư xây dựng các khu dân cư đầu giá đất để thị trấn có kinh phí đầu tư hạ tầng đô thị. Đầu tư khu đô thị mới đã theo định hướng Điều chỉnh quy hoạch chung xây dựng thị trấn Thát Khê đã được UBND tỉnh phê duyệt. Tập trung xây dựng phát triển các công trình mới, chỉnh trang đô thị để nâng cao chất lượng hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng kinh tế xã hội đạt đủ các tiêu chí đô thị loại V.
- **Giai đoạn năm 2031– 2035:** Tiếp tục đẩy mạnh triển khai thực hiện hoàn thành các dự án đầu tư xây dựng, góp phần nâng cao chất lượng sống của người dân, tạo diện

mạo mới về kiến trúc cảnh quan đô thị theo hướng văn minh hiện đại. Phần đầu hoàn thiện đạt tối đa tiêu chí đô thị loại V.

- Về quy hoạch đô thị: Tập trung lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết để chỉnh trang đô thị tại các khu vực thị trấn, xác định các danh mục cần được cải tạo và nâng cấp chỉnh trang hệ thống hạ tầng xã hội và hệ thống kỹ thuật

- Về hệ thống hạ tầng xã hội đô thị:

- + Dự án xây dựng cải tạo nâng cấp hệ thống công trình giáo dục
- + Dự án xây dựng cải tạo nâng cấp các công trình y tế.
- + Dự án xây dựng cải tạo nâng cấp công trình chợ.
- + Dự án xây dựng cải tạo hệ thống dịch vụ thương mại.
- + Dự án xây dựng cải tạo hệ thống thể dục thể thao.
- + Dự án xây dựng cải tạo hệ thống công cộng.
- + Dự án xây mới công trình hạ tầng xã hội đảm bảo nhu cầu theo Điều chỉnh Quy hoạch chung đô thị thị trấn Thất Khê.

- Về hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị:

- + Tiếp tục nâng cấp các tuyến giao thông khung như: Quốc lộ 4A, QL3E, QL3, ĐT 226, Đh 09, tuyến tránh QL4A các tuyến đường chính của đô thị song song và vuông góc với 2 đường trên tạo thành mạng lưới ô bàn cờ.
- + Xây dựng bến xe Tràng Định đặt ở phía Nam thị trấn
- + Dự án kè sông Bắc Khê, sông Kỳ Cùng, suối Nậm Ăn, Nà Chảo,...Kè chống sạt lở đoạn nhà văn hóa khu 5 đến UBND huyện Tràng Định
- + Cải tạo hệ thống mương và công hộp đảm bảo thoát nước mặt thị trấn. Nâng cấp Hồ Nà Chảo, Thâm Luông bao gồm cả đập, Sửa chữa mương khu 4, thị trấn Thất Khê
- + Nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp trung thế theo các khu dân cư và khu đô thị mới
- + Xây dựng các trạm biến áp 22kV mới để đáp ứng nhu cầu sử dụng và phát triển của đô thị.
- + Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đường giao thông chính và chiếu sáng ngõ hẻm. Sửa chữa thường xuyên hệ thống chiếu sáng công cộng thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định năm 2021
- + Nâng cấp hệ thống cấp nước (trạm cấp nước, đường ống cấp nước) giai đoạn đầu
- + Xây dựng nhà máy nước Thất Khê. Cải tạo, mở rộng mạng lưới đường cấp nước chính cho các đô thị mới
- + Xây dựng các trụ cứu hỏa, điểm tiếp cận ao hồ lấy nước theo mạng lưới cấp nước
- + Xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn

- + Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung. Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu vực trung tâm thị trấn Thất Khê và phía Nam của thị trấn
- + Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu vực mở rộng phía Tây thị trấn Thất Khê.
- + Nâng cấp và xây dựng mới trạm viễn thông và trạm thu phát sóng, Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng, số hoá cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện
- + Dự án xây dựng hạ tầng Công trình công cộng cấp đô thị
- + Dự án xây dựng Cải tạo chỉnh trang kiến trúc cảnh quan đô thị
- + Dự án xây dựng Cải tạo chỉnh trang đô thị các khu di tích lịch sử
- + Tiếp tục đầu tư cơ sở hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch chung đô thị thị trấn Thất Khê đến năm 2035.
- + Tiếp tục huy động vốn để đầu tư các dự án phát triển đô thị khu đô thị mới.

- Các nguồn vốn chủ yếu sử dụng vốn xã hội hóa, kêu gọi các khu dân cư đóng góp để đầu tư hạ tầng. Vốn ngân sách nhà nước chủ yếu hỗ trợ các địa phương lập các chương trình, đề án về vốn xã hội hóa.

3.1.4. Cụ thể hóa các chỉ tiêu phát triển đô thị cần đạt được phù hợp với quy hoạch chung đô thị, Nghị quyết số 1210/2016/UBTVQH13 ngày 25/5/2016 và Nghị quyết số 26/2022/UBTVQH15.

Đề cụ thể hóa các mục tiêu đề ra Chương trình phát triển đô thị thị Thất Khê đến năm 2025 đạt chuẩn đô thị loại V, đến năm 2035 vượt chuẩn đô thị loại IV cần phải đảm bảo tuân thủ các chỉ tiêu sau:

- Phát triển KTXH, dân số và Lao động : Chuyển dịch cơ cấu lao động theo hướng tăng nhanh lao động kỹ thuật, lao động trong ngành sản xuất công nghiệp - xây dựng và dịch vụ, chuyển lao động nông nghiệp sang khu vực công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp các ngành nghề truyền thống và các lĩnh vực dịch vụ. Giải quyết việc làm cho người lao động, kết hợp hài hòa giữa giải quyết việc làm tại chỗ và đưa lao động đi làm việc bên ngoài thị trấn, kể cả xuất khẩu lao động, chú trọng phát triển lao động công nghiệp và dịch vụ. Thu hút lao động, dân cư để đạt tiêu chí ≥ 15.000 dân số toàn đô thị , ≥ 15.000 dân số nội thị, mật độ dân số đô thị ≥ 1.000 .

- Phát triển cơ sở hạ tầng và kiến trúc cảnh quan đô thị: Tỷ lệ sàn nhà ở bình quân: Tăng cường huy động vốn, đầu tư xây dựng các dự án khu dân cư, khu đô thị và chỉnh trang các đô thị hiện hữu, tạo điều kiện cho việc hình thành đô thị, nâng cao đời sống kinh tế, văn hoá, xã hội của địa phương. Đáp ứng yêu cầu phát triển đô thị trong tương lai. Phần đầu tỷ lệ sàn nhà ở bình quân đạt $\geq 28 \text{ m}^2/\text{người}$, tỷ lệ nhà kiên cố đạt $\geq 100\%$. Tập trung cải tạo và nâng cấp đường trong khu vực đô thị thị trấn, Xây dựng mới các tuyến đường mới theo quy hoạch xây dựng đô thị được duyệt. Phần đầu đến năm 2030 tỷ lệ đất giao thông đạt $\geq 16 \%$ trở lên.

- Công trình đầu mối giao thông. (Các công trình đầu mối đạt cấp vùng liên huyện, cấp huyện)

- Tỷ lệ vận tải hành khách công cộng: Tăng cường đề xuất các tuyến xe buýt đi cố định từ thị trấn đi các huyện lân cận trong tỉnh.

- Tỷ lệ dân cư đô thị được cấp nước sạch: Cải tạo và nâng cấp hệ thống các công trình đầu mối cấp nước thị trấn, tập trung huy động cải tạo và nâng cấp hệ thống mạng lưới cấp nước chính, mạng lưới phân phối cung cấp đến hộ các gia đình.

- Tỷ lệ bao phủ của hệ thống thoát nước: Tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật đạt $\geq 15\%$;

- Tỷ lệ CTR sinh hoạt của đô thị, khu CN được thu gom và xử lý: Tỷ lệ chất thải rắn sinh hoạt của đô thị, khu công nghiệp được thu gom và xử lý đạt 90%; 100% chất thải rắn y tế nguy hại được thu gom và xử lý đảm bảo tiêu chuẩn môi trường.

- Tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính: Tỷ lệ chiếu sáng đường phố chính đô thị đạt 90% chiều dài các tuyến đường chính và 70% đường khu nhà ở, ngõ xóm được chiếu sáng.

- Tỷ lệ đất cây xanh đô thị: Tỷ lệ đất cây xanh đô thị đạt $\geq 8 \text{ m}^2/\text{người}$.

- Cơ sở y tế: Phần đầu giữ vững chuẩn quốc gia về y tế. Đào tạo cán bộ y tế cấp cơ sở và từng bước trang bị thiết bị hiện đại phục vụ việc khám chữa bệnh cho nhân dân ngày một tốt hơn. Trong thời gian tới, thị trấn sẽ tiến hành nâng cấp UBND xã Đại Đồng thành trạm y tế thị trấn. Đảm bảo ≥ 30 giường bệnh/10.000 dân.

- Giáo dục đào tạo: Đảm bảo giáo dục cấp đô thị ≥ 3 cơ sở.

- Văn hóa: Đảm bảo ≥ 2 công trình cấp đô thị.

- Thể dục thể thao: Trung tâm văn hóa thể dục-thể thao và học tập cộng đồng hoạt động có chất lượng tốt và đạt hiệu quả. Đảm bảo ≥ 2 công trình cấp đô thị.

3.1.5. Xây dựng danh mục dự án hạ tầng kỹ thuật khung và công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật.

a. Mục tiêu chung

- Hạ tầng đô thị là một trong bốn lĩnh vực trọng tâm cần tập trung nguồn lực đầu tư, để xây dựng và phát triển đô thị thị trấn Thất Khê hoàn thiện tiêu chí đô thị loại IV.

- Xây dựng kết cấu hạ tầng đồng bộ, góp phần phát triển hệ thống đô thị thị trấn Thất Khê bền vững, phối hợp chia sẻ với phát triển chung của tỉnh Lạng Sơn.

- Tăng cường quản lý và phát triển hạ tầng kỹ thuật đô thị, góp phần thực hiện thành công định hướng phát triển đô thị trong những năm tới, cần thực hiện nhiều giải pháp đồng bộ.

b. Mục tiêu cụ thể

- Về giao thông: Bảo đảm kết nối các trung tâm đô thị đến các vùng đô thị trong tỉnh và kết nối với các đô thị lớn trong vùng bằng hệ thống giao thông quốc gia và với các đầu mối giao thông cửa ngõ bằng hệ thống giao thông đồng bộ, năng lực vận tải được nâng cao, giao thông được thông suốt, an toàn.

- Về cung cấp điện: Bảo đảm cung cấp đủ điện cho sản xuất và sinh hoạt, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước; đi đôi với tiết kiệm, giảm tiêu hao điện năng.

- Về cung cấp nước: Bảo đảm cung cấp đủ nước sạch cho đô thị và tiến tới đến năm 2030 đạt 100% dân cư đô thị sử dụng nước sạch.

- Về thoát nước mưa: Bảo đảm 100% tuyến đường đô thị có hệ thống thoát nước mưa, không ngập úng khi mùa mưa đến.

- Về thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang: phấn đấu đến năm 2030 có trạm xử lý nước thải đô thị và 100% chất thải được thu gom và xử lý.

- Về hạ tầng khác, từng bước phát triển đồng bộ và hiện đại, giải quyết cơ bản tình trạng ách tắc giao thông, úng ngập; cung cấp ổn định điện, nước và xử lý chất thải đạt tiêu chuẩn môi trường.

c. Quan điểm - nguyên tắc

- Tuân thủ định hướng quy hoạch đô thị và các định hướng lớn của Quốc gia, tỉnh và Vùng.

- Ưu tiên xây dựng các công trình trọng điểm có sức tác động đến kinh tế xã hội của đô thị.

- Phối, kết hợp giữa các công trình, dự án có vốn đầu tư công và vốn doanh nghiệp nhằm mang lại hiệu quả tốt nhất cho sự phát triển đô thị.

• *Giao thông:*

- Tập trung đầu tư các dự án chuyển tiếp, các công trình trọng điểm: Các tuyến giao thông kết nối vào các khu vực trung tâm đô thị và khu công nghiệp, các tuyến giao thông kết nối các tuyến đường cao tốc; nâng cao năng lực vận tải hành khách và hàng hóa; đồng thời phát triển hạ tầng đô thị, nông thôn đặc biệt các xã điểm nông thôn mới.

- Ưu tiên đầu tư nâng cấp và mở rộng các tuyến đường chính đô thị; Duy tu và nâng cấp để đảm bảo giao thông các tuyến quốc lộ; Nâng cấp một số tuyến giao thông đô thị khu vực thị trấn.

• *Cấp điện:*

- Phát triển lưới điện truyền tải đồng bộ, phù hợp với tiến độ vận hành các nhà máy điện.

- Nghiên cứu áp dụng lưới điện thông minh, công nghệ hiện đại nhằm nâng cao chất lượng lưới điện phân phối.

- Kết nối, hoà mạng đồng bộ hệ thống điện đô thị với hệ thống điện vùng và lưới Quốc Gia.

• *Cấp nước:*

Trên cơ sở nhu cầu sử dụng nước sạch cho các khu công nghiệp, khu dân cư hiện hữu và theo quy hoạch, tiếp tục triển khai và đẩy nhanh tiến độ các dự án xây dựng nhà máy cấp nước, các tuyến ống cấp nước và kêu gọi xã hội hóa các hệ thống cấp nước cho các khu dân cư và chú trọng đầu tư hệ thống cấp nước cho nông thôn.

- Thoát nước thải, quản lý chất thải rắn và nghĩa trang:

Ưu tiên xây dựng hệ thống thoát nước thải khu vực dân cư hiện hữu, đảm bảo 100% có hệ thống thoát nước, ưu tiên đầu tư trang thiết bị để thu gom và xử lý CTR trên địa bàn thị xã từng bước hoàn thiện.

3.1.6. Quản lý quy hoạch và phát triển các khu đô thị thị trấn Thất Khê

- (1) Điều chỉnh QH chung xây dựng thị trấn (Đã triển khai) Giai đoạn: 2021-2025.
 - (2) Quy hoạch chi tiết khu dân cư hiện hữu (Đã triển khai) Giai đoạn: 2021-2025.
 - (3) Lập quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc (Đang thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025.
 - (4) Lập đề án chương trình phát triển đô thị (Đang thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025.
 - (5) Lập đề án công nhận thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định đạt tiêu chuẩn đô thị loại V (đang thực hiện)
- Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng **9,4 tỷ đồng**

STT	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, LẬP QUY HOẠCH	Quy mô	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Nà Nghiều, xã Đại Đồng (đã thực hiện)	6,96 ha	0,60
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới Hang Đông (đã thực hiện)	14,03 ha	0,80
3	Lập Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê, huyện Tràng định (đã thực hiện)		1,10
4	Lập Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định (đang thực hiện)		1,50
5	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định (đã thực hiện)	3401,5 ha	4,90
6	Lập đề án công nhận thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định đạt tiêu chuẩn đô thị loại V (đang thực hiện)		0,50

3.1.7. Chương trình đầu tư hạ tầng đô thị

- (1) Khu đô thị mới Nam thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định Giai đoạn: 2026-2035.
- (2) Khu đô thị Đông Bắc, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định Giai đoạn: 2026-2035.
- (3) Khu dân cư phía Bắc thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định Giai đoạn: 2026-2035.
- (4) Xây dựng Khu đô thị Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn Giai đoạn: 2026-2035.
- (5) Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới Hang Đông, huyện Tràng Định (chưa thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025.
- (6) Đầu tư xây dựng Khu dân cư Nà Nghiều xã Đại Đồng, huyện Tràng Định (chưa thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025.

- (7) Đầu tư xây dựng khu đô thị mới Pác Luông,, huyện Trảng Định (chưa thực hiện)
Giai đoạn: 2021-2025

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng **2.660** tỷ đồng.

STT	Xây dựng hạ tầng khu đô thị	Quy mô	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Khu đô thị mới Nam thị trấn Thất Khê, huyện Trảng Định	33,7 ha	1.100,00
2	Khu đô thị Đông Bắc, thị trấn Thất Khê, huyện Trảng Định	15 ha	700,00
3	Khu dân cư phía Bắc thị trấn Thất Khê, huyện Trảng Định	9 ha	80,00
4	Khu đô thị Đại Đồng, huyện Trảng Định, tỉnh Lạng Sơn	20 ha	240,00
5	Đầu tư xây dựng Khu dân cư mới Hang Đông	14,64 ha	240,00
6	Đầu tư xây dựng Khu dân cư Nà Nghiêu xã Đại Đồng, huyện Trảng Định	7,11 ha	150,00
7	Đầu tư xây dựng khu đô thị mới Pác Luông, huyện Trảng Định	6,8 ha	150,00

• Công trình hành chính công:

- (1) Cải tạo, mở rộng các khối cơ quan ban ngành. Giai đoạn: 2021-2035.
- (2) Xây mới trụ sở các cơ quan Giai đoạn: 2026-2035.
- (3) Bổ sung, xây mới trụ sở công an huyện Giai đoạn: 2026-2030.
- (4) Xây dựng trụ sở UBND thị trấn mới tại xã Đại Đồng Giai đoạn: 2026-2030.
- (5) Xây mới Kho bạc nhà nước (xã Đại Đồng) Giai đoạn: 2026-2030.
- (6) Xây dựng trụ sở Ngân hàng chính sách huyện Trảng Định Giai đoạn: 2026-2030.

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng **122,27** tỷ đồng :

STT	Công trình cơ quan hành chính	Quy mô	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Xây mới trụ sở làm việc của thị trấn Thất Khê tại Nà Liềm	1500 m2	13,22
2	Sửa chữa trụ sở phòng nông nghiệp -PTNT huyện (đã thực hiện)		1,11
3	Sửa chữa nhà khách UBND huyện (đã thực hiện)		0,90
4	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm hội nghị huyện (đã thực hiện)		0,60
5	Cải tạo, sửa chữa phòng tiếp khách và một số phòng làm việc của Huyện ủy (đã thực hiện)		1,80
6	San ủi mặt bằng và xây dựng Trụ sở UBND thị trấn Thất Khê sau sáp nhập (đang thực hiện)		7,00

7	Cải tạo sân Trụ sở UBND huyện (đã thực hiện)		0,50
8	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở MTTQ và các đoàn thể huyện (đã thực hiện)		5,00
9	Xây mới trụ sở công an	1,64 ha	14,10
10	Cửa hàng xăng dầu (khu Đại Nam - Xã Đại Đồng)	0,2 ha	3,00
11	Mở rộng trụ sở UBND huyện Trảng Định	0,8 ha	7,05
12	Mở rộng Toà án nhân dân huyện Trảng Định	0,03 ha	2,64
13	Xây dựng trụ sở UBND thị trấn mới tại xã Đại Đồng	0,6 ha	8,82
14	Xây mới Kho bạc nhà nước (xã Đại Đồng)	0,29 ha	4,41
15	Xây dựng trụ sở Ngân hàng chính sách huyện Trảng Định	0,18 ha	4,41
16	Xây dựng nhà để xe, nhà bảo vệ huyện uỷ (đã thực hiện)		0,60
17	Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc huyện uỷ (đã thực hiện)		0,80
18	Sửa chữa khuôn viên huyện uỷ (đã thực hiện)		1,31
19	Cải tạo sửa chữa các công trình hành chính hiện trạng		45

• Giáo dục:

- (1) Nâng cấp, cải tạo, sửa chữa các trường hiện hữu. Giai đoạn: 2021-2035.
 - (2) Cải tạo mở rộng trung tâm giáo dục thường xuyên. Giai đoạn: 2026-2030.
 - (3) Xây mới trường PTTH ở khu vực Nà Liềm Giai đoạn: 2026-2030.
 - (4) Bổ sung XD điểm trường MN 10/10 tại khu dân cư mới Nà Nghiều Giai đoạn: 2021-2025.
 - (5) Bổ sung, xây mới trường mầm non (theo QHC). Giai đoạn: 2026-2030.
- Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng **41,5 tỷ đồng**.

STT	Công trình giáo dục	Quy mô	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Xây mới trường PTTH ở khu vực Nà Liềm		11,20
2	Trường MN Hoa Hồng- Xây dựng sang vị trí mới, gần UBND xã Đại Đồng		11,00
3	Bổ sung XD điểm trường MN 10/10 tại khu dân cư mới Nà Nghiều, đã quy hoạch, đang cấp bách.		11,00
4	Sửa chữa trường THCS Thất Khê		0,30
5	Xây dựng mới nhà đa năng Trường THCS thị trấn Thất Khê (đã thực hiện)		2,00
6	Mở rộng trường PTDTNT THCS VÀ THPT huyện Trảng Định	0,21 ha	3,00
7	Mở rộng trường THCS Thất Khê	0,2 ha	3,00
8	Cải tạo mở rộng các công trình giáo dục hiện trạng		38,00

• Y tế:

- (1) Xây mới Nhà 02 tầng Khu điều trị bệnh lây nhiễm và cách ly Trung tâm y tế huyện (đã thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025
- (2) Cải tạo sửa chữa phòng học Trường THCS xã Đề Thám cũ thành khu cách ly (CT cấp bách) (đã thực hiện) Giai đoạn: 2021-2025
- (3) Cải tạo UBND xã Đại Đồng thành trạm y tế thị trấn. Giai đoạn: 2026-2035
- (4) Mở rộng trung tâm y tế huyện. Giai đoạn: 2026-2035

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng **27,6** tỷ đồng :

STT	Công trình y tế	Quy mô	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Xây mới Nhà 02 tầng Khu điều trị bệnh lây nhiễm và cách ly Trung tâm y tế huyện (đã thực hiện)		6,00
2	Cải tạo sửa chữa phòng học Trường THCS xã Đề Thám cũ thành khu cách ly (CT cấp bách) (đã thực hiện)		1,20
3	Cải tạo UBND xã Đại Đồng thành Trạm y tế thị trấn		17,40
4	Mở rộng trung tâm y tế huyện	1,3 ha	3,00

• Văn hóa, thể dục thể thao và cây xanh:

- (1) Bổ sung xây mới nhà văn hoá các khu dân cư. Giai đoạn: 2021-2035.
- (2) Bổ sung, xây mới các nhà văn hoá tại các khu đô thị, tái định cư. Giai đoạn: 2021-2035.
- (3) Cải tạo mở rộng nhà văn hoá các khu hiện hữu.
- (4) Xây dựng mới trung tâm văn hoá, tổ hợp văn hoá thể dục thể thao cấp huyện Giai đoạn: 2026-2035.

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021 - 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng **58,91** tỷ đồng .

B1	Công trình văn hóa - thể thao	Quy mô	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Xây mới trung tâm thể thao huyện ở Nà Nghiều		15,40
2	Xây mới, nâng cấp các nhà văn hoá ở các tổ dân phố		23,00
3	Trồng thảm cây xanh cảnh quan trên giải phân cách đường hoàng văn thụ, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định		10,00
4	Nhà văn hoá khu 3	Khu	1,00

5	Nhà văn hoá khu 4	Khu	1,00
6	Nhà văn hoá khu 5	Khu	1,00
7	Nhà sinh hoạt cộng đồng khu II	Khu	1,00
8	Mở rộng khu miếu thờ tâm linh khu III (Bổ sung tôn tạo và mở rộng diện tích đền Gốc sung, là đền thờ Trần Hưng Đạo- di tích lịch sử tâm linh cấp tỉnh. Di tích này kết nối với không gian công viên bờ sông)	0,01 ha	2,00
9	Tu bổ sửa chữa nhà Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh		1,71
10	Tu bổ sửa chữa 1 số hạng mục khuôn viên nhà Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh		1,42
11	Tu bổ di tích lịch sử chiến thắng đường số 4 tỉnh Lạng Sơn		1,38

• Thương mại dịch vụ:

(1) Xây dựng lại chợ Thất Khê . Giai đoạn: 2021-2025.

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2030 và định hướng đến năm 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng **6,54** tỷ đồng).

STT	Công trình thương mại dịch vụ	Quy mô	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Xây dựng lại chợ Thất Khê	0,33 ha	6,54

3.1.8. Chương trình đầu tư hạ tầng kỹ thuật đô thị

a. Dự án đầu tư xây dựng hệ thống giao thông.

- Cải tạo, nâng cấp QL4A qua trung tâm thị trấn đạt cấp III MN (đã triển khai).
 - Cải tạo, nâng cấp QL3E (đường và cầu) qua trung tâm thị trấn đạt cấp IV MN.
 - Xây dựng bến xe Tràng Định đặt ở phía Nam thị trấn.
 - Xây dựng tuyến đường tránh QL4A thị trấn Bắc Khê.
 - Nâng cấp tuyến QL3 đường đi cửa khẩu và đường ĐH09.
 - Xây dựng cầu qua sông Bắc Khê kết nối khu vực hai bên bờ sông. (Cầu 1-Cầu 7).
 - Nâng cấp ĐT.226 (Bình Gia - Thất Khê) [chuyển thành QL.3E] đạt cấp IV MN.
 - Đường GTNT từ ĐT 226 đến thôn Khau Cà-Cốc Lùng, xã Đề Thám (Phần nền đường NS huyện thực hiện 6.496trđ); vốn NS Đề án 109 của tỉnh 6.896trđ gồm xi măng do Sở GTVT bố trí TT vốn (đang thực hiện).
 - Cải tạo, nâng cấp đường nội thị qua thị trấn (các đường 21-8).
- Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021 - 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng **805** tỷ đồng.

STT	Dự án giao thông	Quy mô	Kinh phí (tỷ đồng)
-----	------------------	--------	--------------------

1	Cải tạo, nâng cấp QL4A qua trung tâm thị trấn đạt cấp III (đã triển khai)	Khoảng 5,8 km	50,00
2	Cải tạo, nâng cấp QL3E (đường và cầu) qua trung tâm thị trấn đạt cấp IV MN	Khoảng 2,5 km	40,00
3	Xây dựng bến xe Trảng Định đặt ở phía Nam thị trấn	khoảng 2,07ha	20,00
4	Xây dựng tuyến đường tránh QL4A thị trấn Bắc Khê	Khoảng 4,8km	185,00
5	Nâng cấp tuyến QL3 đường đi cửa khẩu và đường ĐH09	khoảng 8,5km	80,00
6	Xây dựng cầu qua sông Bắc Khê kết nối khu vực hai bên bờ sông. (Cầu 1-Cầu 7)	7 Cầu	70,00
7	Nâng cấp ĐT.226 (Bình Gia - Thất Khê) [chuyển thành QL.3E]	khoảng 16km	200,00
8	Cải tạo, nâng cấp đường nội thị qua thị trấn (các đường 21-8)	khoảng 25,2 km	160,00

b. Xây dựng hệ thống thoát nước mưa

- Dự án kè sông Bắc Khê, sông Kỳ Cùng, suối Nậm Ân, Nà Chà,... Giai đoạn: 2021-2035.

- Kè chống sạt lở đoạn nhà văn hóa khu 5 đến UBND huyện Trảng Định. Giai đoạn: 2021-2025.

- Nâng cấp Hồ Nà Chà, Thâm Luông bao gồm cả đập. Giai đoạn: 2026-2035.

- Cải tạo hệ thống mương và cống hộp đảm bảo thoát nước mặt thị trấn. Giai đoạn: 2021-2035.

- Sửa chữa mương khu 4, thị trấn Thất Khê Giai đoạn: 2021-2035.

- Kè chống sạt lở nhà công vụ khuôn viên Huyện Ủy Giai đoạn: 2021-2035.

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021- 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng **390,53** tỷ đồng

STT	Dự án san nền, thoát nước mưa	Quy mô	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Dự án kè sông Bắc Khê, sông Kỳ Cùng, suối Nậm Ân, Nà Chà,...	khoảng 20km	330,00
2	Kè chống sạt lở đoạn nhà văn hóa khu 5 đến UBND huyện Trảng Định	khoảng 1 km	5,10
3	Cải tạo hệ thống mương và cống hộp đảm bảo thoát nước mặt thị trấn	khoảng 30km	3,00
4	Sửa chữa mương khu 4, thị trấn Thất Khê	khoảng 0,3 km	0,20
5	Kè chống sạt lở nhà công vụ khuôn viên Huyện Ủy	khoảng 1 km	2,23
6	Nâng cấp Hồ Nà Chà, Thâm Luông bao gồm cả đập	2 hồ + đập	50,00

c. Xây dựng hệ thống cấp nước đô thị

- Nâng cấp hệ thống cấp nước (trạm cấp nước, đường ống cấp nước) giai đoạn đầu. Giai đoạn 2021-2035.

- Xây dựng nhà máy nước Thất Khê. Giai đoạn: 2021-2035.

- Mở rộng mạng lưới đường cấp nước chính cho các khu đô thị mới. Giai đoạn: 2021-2035.

- Xây dựng mới các trụ cứu hỏa theo mạng lưới cấp nước mở rộng. Giai đoạn: 2021-2035.

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021 – 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng **110** tỷ đồng.

STT	Dự án cấp nước	Quy mô	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Nâng cấp hệ thống cấp nước (trạm cấp nước, đường ống cấp nước) giai đoạn đầu		15,00
2	Xây dựng nhà máy nước Thất Khê	công suất khoảng 8000 m ³ /ngđ	30,00
3	Cải tạo, mở rộng mạng lưới đường cấp nước chính cho các đô thị mới	khoảng 5.000 m	15,00
4	Xây dựng các trụ cứu hỏa, điểm tiếp cận ao hồ lấy nước theo mạng lưới cấp nước	khoảng 40 trụ	20,00

d. Xây dựng hệ thống cấp điện đô thị

- Cải tạo và xây dựng mới các trạm biến áp trung thế theo các khu dân cư và khu đô thị mới. Giai đoạn: 2021-2035. (NNS)

- Cải tạo hệ thống điện trung thế, hạ thế và chiếu sáng đảm bảo mỹ quan đô thị (khuyến khích hạ ngầm các tuyến điện trên các phố chính của thị trấn). Giai đoạn: 2021-2035. (NNS)

- Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đường giao thông chính và chiếu sáng ngõ hẻm. Giai đoạn: 2021-2035. (NNS)

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021 - 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng **135** tỷ đồng

STT	Dự án cấp điện	Quy mô	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp trung thế theo các khu dân cư và khu đô thị mới	khoảng 10 trạm	18,00
2	Xây dựng các trạm biến áp 22kV mới để đáp ứng nhu cầu sử dụng và phát triển của đô thị.	khoảng 31 trạm	80,00

3	Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đường giao thông chính và chiếu sáng ngõ hẻm		15,00
4	Sửa chữa thường xuyên hệ thống chiếu sáng công cộng thị trấn Thất Khê, huyện Trảng Định năm 2021		22,00

e. Xây dựng hệ thống thoát nước thải, quản lý CTR và nghĩa trang

- Xây dựng mới mạng lưới thoát nước thải riêng. Giai đoạn: 2021-2035.
- Bổ sung, xây dựng mới trạm xử lý nước thải. Giai đoạn: 2021-2035.
- Cải tạo, đổi mới công nghệ xử lý chất thải rắn. Giai đoạn: 2021-2035.
- Xây dựng nghĩa trang thị trấn. Giai đoạn: 2021-2035.
- Xây dựng nhà tang lễ. Giai đoạn: 2026-2035.

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021- 2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng **140** tỷ đồng.

A5	Dự án thoát nước thải, xử lý CTR và nghĩa trang	Quy mô	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Hệ thống thu gom, trung chuyển rác thải	khoảng 2 trạm trung chuyển và 6 điểm thu gom CTR	18,00
2	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn	khoảng 4,6 ha	8,00
3	Đóng và Cải tạo khu vực nghĩa trang hiện hữu		10,00
4	Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung	5 trạm	40,00
5	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu vực trung tâm thị trấn Thất Khê và phía Nam của thị trấn.	khoảng 22km	25,00
6	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu vực mở rộng phía Tây thị trấn Thất Khê.	khoảng 24km	39,00

f. Xây dựng hạ tầng thông tin và truyền thông

- Hệ thống Camera an ninh thị trấn Thất Khê, huyện Trảng Định: 2021-2035. (NNS)
- Nâng cấp và xây dựng mới trạm viễn thông và trạm thu phát sóng Giai đoạn: 2021-2035.(NNS)
- Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng, số hoá cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện . Giai đoạn: 2021-2035. (NNS)
- Cải tạo đài truyền thanh - truyền hình Trảng Định. Giai đoạn: 2021-2035. (NS)

➤ Tổng mức đồng tư dự án giai đoạn 2021-2035 dự tính với tổng kinh phí khoảng 53 tỷ đồng.

STT	Dự án công nghệ thông tin	Quy mô	Kinh phí (tỷ đồng)
1	Hệ thống Camera an ninh thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định		20,00
2	Nâng cấp và xây dựng mới trạm viễn thông và trạm thu phát sóng		10,00
3	Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng, số hoá cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện		13,00
4	Cải tạo đài truyền thanh - truyền hình Tràng Định		10,00

3.2. Các dự án đã và đang triển khai

Danh mục các dự án đã và đang triển khai

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD
A	CÁC DỰ ÁN KỸ THUẬT HẠ TẦNG KHUNG		
A1	Dự án giao thông		
A2	Dự án san nền, thoát nước mưa		
2	Kè chống sạt lở đoạn nhà văn hóa khu 5 đến UBND huyện Tràng Định (đã thực hiện)	khoảng 1 km	2021-2025
4	Sửa chữa mương khu 4, thị trấn Thất Khê (đã thực hiện)	khoảng 0,3 km	2021-2025
5	Kè chống sạt lở nhà công vụ khuôn viên Huyện Ủy (đã thực hiện)	khoảng 1 km	2021-2025
A3	Dự án cấp điện		
A4	Dự án cấp nước		
A5	Dự án thoát nước thải, xử lý CTR và nghĩa trang		
A6	Dự án công nghệ thông tin		
4	Cải tạo đài truyền thanh - truyền hình Tràng Định (đã thực hiện)		2021-2025
B	CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI CẤP ĐÔ THỊ	Quy mô	Giai đoạn XD
B1	Công trình văn hóa - thể thao		
3	Trồng thảm cây xanh cảnh quan trên giải phân cách đường hoàng văn thụ, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định (đã thực hiện)		2021-2025

8	Mở rộng khu miếu thờ tâm linh khu III (Bổ sung tôn tạo và mở rộng diện tích đền Gốc sung, là đền thờ Trần Hưng Đạo- di tích lịch sử tâm linh cấp tỉnh. Di tích này kết nối với không gian công viên bờ sông)	0,01 ha	2021-2025
9	Tu bổ sửa chữa nhà Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh (đã thực hiện)		2021-2025
10	Tu bổ sửa chữa 1 số hạng mục khuôn viên nhà Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh (đã thực hiện)		2021-2025
11	Tu bổ di tích lịch sử chiến thắng đường số 4 tỉnh Lạng Sơn (đã thực hiện)		2021-2025
B2	Công trình thương mại dịch vụ		
B3	Công trình giáo dục		
4	Sửa chữa trường THCS Thất Khê (đã thực hiện)		2021-2025
5	Xây dựng mới nhà đa năng Trường THCS thị trấn Thất Khê (Đã thực hiện)		2021-2025
B4	Công trình cơ quan hành chính		
2	Sửa chữa trụ sở phòng nông nghiệp -PTNT huyện (đã thực hiện)		2021-2025
3	Sửa chữa nhà khách UBND huyện (đã thực hiện)		2021-2025
4	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm hội nghị huyện (đã thực hiện)		2021-2025
5	Cải tạo, sửa chữa phòng tiếp khách và một số phòng làm việc của Huyện ủy (đã thực hiện)		2021-2025
6	San ủi mặt bằng và xây dựng Trụ sở UBND thị trấn Thất Khê sau sáp nhập (đang thực hiện)		2021-2025
7	Cải tạo sân Trụ sở UBND huyện (đã thực hiện)		2021-2025
8	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở MTTQ và các đoàn thể huyện (đã thực hiện)		2021-2025
16	Xây dựng nhà để xe, nhà bảo vệ huyện ủy (đã thực hiện)		2021-2025
17	Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc huyện ủy (đã thực hiện)		2021-

			2025
18	Sửa chữa khuôn viên huyện uỷ (đã thực hiện)		2021-2025
B5	Công trình y tế		
1	Xây mới Nhà 02 tầng Khu điều trị bệnh lây nhiễm và cách ly Trung tâm y tế huyện (đã thực hiện)		2021-2025
2	Cải tạo sửa chữa phòng học Trường THCS xã Đề Thám cũ thành khu cách ly (CT cấp bách) (đã thực hiện)		2021-2025
C	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, LẬP QUY HOẠCH	Quy mô	Giai đoạn XD
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Nà Nghiêu, xã Đại Đồng (đã thực hiện)	6,96 ha	2021-2025
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới Hang Đông (đã thực hiện)	14,03 ha	2021-2025
3	Lập Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định (đã thực hiện)		2021-2025
4	Lập Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định (đang thực hiện)		2021-2025
5	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định (đã thực hiện)	3401,5 ha	2021-2025
6	Lập đề án công nhận thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định đạt tiêu chuẩn đô thị loại V (đang thực hiện)		2021-2025

3.3. Các dự án thiết yếu cần đầu tư phục vụ phát triển đô thị

Các dự án thiết yếu cần đầu tư phục vụ phát triển đô thị bao gồm các chương trình, quy hoạch, các dự án hạ tầng khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nhằm kết nối các khu vực phát triển đô thị với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực.

3.3.1. Kế hoạch hoàn thiện các tiêu chí phát triển đô thị

Tên đề án	Kế hoạch triển khai		
	2021-2025	2026-2030	2031-2035
Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đến năm	Hoàn thiện tiêu chí chưa đạt tối đa, giảm tiêu chí chưa đạt tối	Phấn đấu toàn bộ đạt tất cả tiêu chí đô thị loại V, không còn tiêu chí chưa	Phấn đấu vượt tiêu chí cơ bản của đô thị loại V và

2035.	thiếu	đạt tối thiểu, tăng tiêu chí vượt mức tối đa.	đạt tiêu chí cơ bản của đô thị loại IV
-------	-------	---	--

3.3.2. Các dự án chiến lược

Là các dự án cần ưu tiên đầu tư bao gồm các dự án hạ tầng khung diện rộng, các công trình đầu mối đảm bảo kết nối hệ thống các khu vực phát triển đô thị, các dự án công trình hạ tầng xã hội cốt yếu, các dự án hạ tầng kinh tế tạo động lực phát triển đô thị và thu hút dân cư.

Bảng tổng hợp các dự án hạ tầng khung, công trình đầu mối và các dự án hạ tầng kinh tế phát triển đô thị

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD
A	CÁC DỰ ÁN KỸ THUẬT HẠ TẦNG KHUNG		
A1	Dự án giao thông		
1	Cải tạo, nâng cấp QL4A qua trung tâm thị trấn đạt cấp IV MN	Khoảng 5,8 km	2026-2030
2	Cải tạo, nâng cấp QL3E (đường và cầu) qua trung tâm thị trấn đạt cấp IV MN	Khoảng 2,5 km	2026-2035
3	Xây dựng bến xe Trảng Định đặt ở phía Nam thị trấn	khoảng 2,07ha	2021-2030
4	Xây dựng tuyến đường tránh QL4A thị trấn Bắc Khê	Khoảng 4,8km	2026-2030
5	Nâng cấp tuyến QL3 đường đi cửa khẩu và đường ĐH09	khoảng 8,5km	2026-2035
6	Xây dựng cầu qua sông Bắc Khê kết nối khu vực hai bên bờ sông. (Cầu 1-Cầu 7)	7 Cầu	2026-2035
7	Nâng cấp ĐT.226 (Bình Gia - Thất Khê) [chuyển thành QL.3E]	khoảng 16km	2026-2030
8	Cải tạo, nâng cấp đường nội thị qua thị trấn (các đường 21-8)	khoảng 25,2 km	2021-2035
A2	Dự án san nền, thoát nước mưa		
1	Dự án kè sông Bắc Khê, sông Kỳ Cùng, suối Nậm Ăn, Nà Chảo,...	khoảng 20km	2026-2035
2	Kè chống sạt lở đoạn nhà văn hóa khu 5 đến UBND huyện Trảng Định	khoảng 1 km	2021-2025
3	Cải tạo hệ thống mương và công hợp đảm bảo thoát nước mặt thị trấn	khoảng 30km	2021-2035
4	Sửa chữa mương khu 4, thị trấn Thất Khê	khoảng 0,3 km	2021-2025
5	Kè chống sạt lở nhà công vụ khuôn viên	khoảng 1 km	2021-2025

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD
	Huyện Ủy		
6	Nâng cấp Hồ Nà Chảo, Thâm Luông bao gồm cả đập	2 hồ + đập	2026-2035
A3	Dự án cấp điện		
1	Nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp trung thế theo các khu dân cư và khu đô thị mới	khoảng 10 trạm	2021-2035
2	Xây dựng các trạm biến áp 22kV mới để đáp ứng nhu cầu sử dụng và phát triển của đô thị.	khoảng 31 trạm	2026-2035
3	Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đường giao thông chính và chiếu sáng ngõ hẻm		2026-2035
4	Sửa chữa thường xuyên hệ thống chiếu sáng công cộng thị trấn Thất Khê, huyện Trảng Định năm 2021		2026-2035
A4	Dự án cấp nước		
1	Nâng cấp hệ thống cấp nước (trạm cấp nước, đường ống cấp nước) giai đoạn đầu		2021-2035
2	Xây dựng nhà máy nước Thất Khê	công suất khoảng 8000 m ³ /ngđ	2026-2030
3	Cải tạo, mở rộng mạng lưới đường cấp nước chính cho các đô thị mới	khoảng 5.000 m	2026-2035
4	Xây dựng các trụ cứu hỏa, điểm tiếp cận ao hồ lấy nước theo mạng lưới cấp nước	khoảng 40 trụ	2021-2035
A5	Dự án thoát nước thải, xử lý CTR và nghĩa trang		
1	Hệ thống thu gom, trung chuyển rác thải	khoảng 2 trạm trung chuyển và 6 điểm thu gom CTR	2021-2035
2	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn	khoảng 4,6 ha	2026-2035
3	Đóng và Cải tạo khu vực nghĩa trang hiện hữu		2021-2035
4	Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung	5 trạm	2026-2035
5	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu vực trung tâm thị trấn Thất Khê và phía Nam của thị trấn.	khoảng 22km	2026-2035
6	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu vực mở rộng phía Tây thị trấn Thất Khê.	khoảng 24km	2026-2035
A6	Dự án công nghệ thông tin		
1	Hệ thống Camera an ninh thị trấn Thất Khê, huyện Trảng Định		2021-2035

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD
2	Nâng cấp và xây dựng mới trạm viễn thông và trạm thu phát sóng		2021-2035
3	Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng, số hoá cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện		2021-2035
4	Cải tạo đài truyền thanh - truyền hình Trảng Định		2021-2025
B	CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI CẤP ĐÔ THỊ	Quy mô	Giai đoạn XD
B1	Công trình văn hóa - thể thao		
1	Xây mới trung tâm thể thao huyện ở Nà Nghiều		2026-2035
2	Xây mới, nâng cấp các nhà văn hoá ở các tổ dân phố		2026-2035
3	Trồng thảm cây xanh cảnh quan trên giải phân cách đường hoàng văn thụ, thị trấn Thất Khê, huyện Trảng Định		2021-2025
4	Nhà văn hoá khu 3	Khu	2021-2025
5	Nhà văn hoá khu 4	Khu	2021-2025
6	Nhà văn hoá khu 5	Khu	2026-2035
7	Nhà sinh hoạt cộng đồng khu II	Khu	2021-2035
8	Mở rộng khu miếu thờ tâm linh khu III (Bổ sung tôn tạo và mở rộng diện tích đền Gốc sung, là đền thờ Trần Hưng Đạo- di tích lịch sử tâm linh cấp tỉnh. Di tích này kết nối với không gian công viên bờ sông)	0,01 ha	2021-2035
9	Tu bổ sửa chữa nhà Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh		2021-2025
10	Tu bổ sửa chữa 1 số hạng mục khuôn viên nhà Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh		2021-2025
11	Tu bổ di tích lịch sử chiến thắng đường số 4 tỉnh Lạng Sơn		2021-2025
B2	Công trình thương mại dịch vụ		
1	Xây dựng lại chợ Thất Khê	0,33 ha	2021-2025
B3	Công trình giáo dục		
1	Xây mới trường PTTH ở khu vực Nà Liềm		2021-2030
2	Trường MN Hoa Hồng- Xây dựng sang vị trí mới, gần UBND xã Đại Đồng		2021-2030
3	Bổ sung XD điểm trường MN 10/10 tại khu dân cư mới Nà Nghiều, đã quy hoạch, đang cấp bách.		2021-2025

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD
4	Sửa chữa trường THCS Thất Khê		2021-2025
5	Xây dựng mới nhà đa năng Trường THCS thị trấn Thất Khê		2021-2025
6	Mở rộng trường PTDTNT THCS và THPT huyện Tràng Định	0,21 ha	2021-2030
7	Mở rộng trường THCS Thất Khê	0,2 ha	2021-2030
8	Cải tạo mở rộng các công trình giáo dục hiện trạng		2021-2030
B4	Công trình cơ quan hành chính		
1	Xây mới trụ sở làm việc của thị trấn Thất Khê tại Nà Liềm	1500 m2	2026-2030
2	Sửa chữa trụ sở phòng nông nghiệp -PTNT huyện		2021-2025
3	Sửa chữa nhà khách UBND huyện		2021-2025
4	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm hội nghị huyện		2021-2025
5	Cải tạo, sửa chữa phòng tiếp khách và một số phòng làm việc của Huyện ủy (đã thực hiện)		2021-2025
6	San ủi mặt bằng và xây dựng Trụ sở UBND thị trấn Thất Khê sau sáp nhập (đang thực hiện)		2021-2025
7	Cải tạo sân Trụ sở UBND huyện (đã thực hiện)		2021-2025
8	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở MTTQ và các đoàn thể huyện (đã thực hiện)		2021-2025
9	Xây mới trụ sở công an	1,64 ha	2026-2035
10	Cửa hàng xăng dầu (khu Đại Nam - Xã Đại Đồng)	0,2 ha	2026-2035
11	Mở rộng trụ sở UBND huyện Tràng Định	0,8 ha	2026-2035
12	Mở rộng Toà án nhân dân huyện Tràng Định	0,03 ha	2026-2035
13	Xây dựng trụ sở UBND thị trấn mới tại xã Đại Đồng	0,6 ha	2021-2025
14	Xây mới Kho bạc nhà nước (xã Đại Đồng)	0,29 ha	2021-2025
15	Xây dựng trụ sở Ngân hàng chính sách huyện Tràng Định	0,18 ha	2021-2025
16	Xây dựng nhà để xe, nhà bảo vệ huyện ủy		2021-2025
17	Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc huyện ủy		2021-2025
18	Sửa chữa khuôn viên huyện ủy (đã thực hiện)		2021-2025
19	Cải tạo sửa chữa các công trình hành chính hiện trạng		2021-2025
B5	Công trình y tế		
1	Xây mới Nhà 02 tầng Khu điều trị bệnh lây nhiễm và cách ly Trung tâm y tế huyện (đã thực hiện)		2021-2025

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD
2	Cải tạo sửa chữa phòng học Trường THCS xã Đề Thám cũ thành khu cách ly (CT cấp bách) (đã thực hiện)		2021-2025
3	Cải tạo UBND xã Đại Đồng thành trạm y tế thị trấn		2026-2030
4	Mở rộng trung tâm y tế huyện	1,3 ha	2026-2030
C	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, LẬP QUY HOẠCH	Quy mô	Giai đoạn XD
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Nà Nghiều, xã Đại Đồng	6,96 ha	2021-2025
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới Hang Đông	14,03 ha	2021-2025
3	Lập Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định		2021-2025
4	Lập Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định		2021-2025
5	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	3401,5 ha	2021-2025
6	Lập đề án công nhận thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định đạt tiêu chuẩn đô thị loại V (đang thực hiện)		2021-2025
D	CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KINH TẾ		
D1	Xây dựng hạ tầng khu đô thị		
1	Khu đô thị mới Nam thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	33,7 ha	2026-2030
2	Khu đô thị Đông Bắc, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	15 ha	2026-2030
3	Khu dân cư phía Bắc thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	9 ha	2026-2030
4	Khu đô thị Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	20 ha	2026-2030
5	Đầu tư xây dựng Khu dân cư Hang Đông	14,64 ha	2021-2030
6	Đầu tư xây dựng Khu dân cư Nà Nghiều xã Đại Đồng, huyện Tràng Định	7,11 ha	2021-2030
7	Đầu tư xây dựng khu đô thị Pác Luồng, huyện Tràng Định	6,8 ha	2021-2025

3.3.3. Tổng hợp kinh phí, cơ cấu nguồn vốn triển khai thực hiện

Bảng tổng hợp nhu cầu vốn phát triển đô thị (giai đoạn 2016-2030). Đơn vị: tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Tổng nhu cầu	Tỷ lệ %	Nhu cầu vốn 2021-	Nhu cầu vốn 2025-	Nhu cầu vốn 2031-
-----	----------------	--------------	---------	-------------------	-------------------	-------------------

		vốn		2025	2030	2035
A	Các dự án kỹ thuật hạ tầng khung	1.603,53	35,11	73,53	832,00	698,00
B	Các dự án công trình hạ tầng xã hội cấp đô thị	294,83	6,45	87,80	111,82	95,20
C	Các chương trình đề án lập quy hoạch	9,40	0,21	9,40	0,00	0,00
D	Các dự án kinh tế hạ tầng	2.660,00	58,23	150,00	1.400,00	1.110,00
	TỔNG CỘNG	4.567,76	100,00	320,73	2.343,82	1.903,20

3.3.4. Tổng hợp nhu cầu vốn

Để thực hiện các dự án đề ra cần phải xác định vốn đầu tư cho từng dự án phù hợp với các định hướng quy hoạch theo từng giai đoạn phát triển.

Nhu cầu vốn phát triển các đô thị được xác định trên cơ sở khái toán kinh phí các hạng mục cần đầu tư xây dựng (tham khảo dựa trên suất vốn đầu tư xây dựng công trình năm 2022 do Bộ Xây dựng công bố tại Quyết định số 510/QĐ-BXD ngày 19/05/2023). Khái toán kinh phí không bao gồm chi phí giải phóng mặt bằng, chi phí hỗ trợ, bố trí tái định cư, chi phí đánh giá tác động môi trường cho các dự án và xử lý những tác động của dự án đến môi trường (nếu có); chi phí gia cố đặc biệt về nền móng công trình (nếu có).

Một số dự án xác định nhu cầu vốn đầu tư theo chương trình UBND tỉnh Lạng Sơn về việc ban hành danh mục dự án kêu gọi, thu hút đầu tư của tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2021-2030 và định hướng đến năm 2035, các quyết định phê duyệt dự án đầu tư trên địa bàn.

Nhu cầu vốn phát triển đô thị bao gồm vốn cho các chương trình, quy hoạch, vốn xây dựng hệ thống hạ tầng khung, công trình đầu mối hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội nhằm kết nối các khu vực phát triển đô thị với hệ thống hạ tầng kỹ thuật chung của khu vực, vốn thực hiện các dự án hạ tầng kinh tế phát triển đô thị.

➤ Tổng nhu cầu vốn phục vụ phát triển đô thị Thất Khê đến năm 2035 là khoảng **4.567,76 tỷ đồng**, trong đó:

- Giai đoạn 1: 2021-2025 là: **320,73** tỷ đồng.
- Giai đoạn 2: 2026-2030 là: **2.343,82** tỷ đồng.
- Giai đoạn 3: 2031-2035 là: **1.903,20** tỷ đồng.

Bảng chi tiết nhu cầu vốn các dự án.

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Tổng nhu cầu vốn 2021-2035 (tỷ đồng)	Nhu cầu vốn năm 2021-2025	Nhu cầu vốn năm 2026-2030	Nhu cầu vốn năm 2031-2035
A	CÁC DỰ ÁN KỸ THUẬT HẠ TẦNG KHUNG			1.603,53	73,53	832,00	698,00
A1	Dự án giao thông			805,00	20,00	575,00	210,00
1	Cải tạo, nâng cấp QL4A qua trung tâm thị trấn đạt cấp IV MN	Khoảng 5,8 km	2026-2030	50,00	-	50,00	-
2	Cải tạo, nâng cấp QL3E (đường và cầu) qua trung tâm thị trấn đạt cấp IV MN	Khoảng 2,5 km	2026-2035	40,00	-	20,00	20,00
3	Xây dựng bến xe Trảng Định đặt ở phía Nam thị trấn	khoảng 2,07ha	2021-2030	20,00	10,00	10,00	-
4	Xây dựng tuyến đường tránh QL4A thị trấn Thất Khê	Khoảng 4,8km	2026-2030	185,00	-	185,00	-
5	Nâng cấp tuyến QL3 đường đi cửa khẩu và đường ĐH09	khoảng 8,5km	2026-2035	80,00	-	30,00	50,00
6	Xây dựng cầu qua sông Bắc Khê kết nối khu vực hai bên bờ sông. (Cầu 1-Cầu 7)	7 Cầu	2026-2035	70,00	-	30,00	40,00
7	Nâng cấp ĐT.226 (Bình Gia - Thất Khê) [chuyển thành QL.3E]	khoảng 16km	2026-2030	200,00	-	200,00	-
8	Cải tạo, nâng cấp đường nội thị qua thị trấn (các đường 21-8)	khoảng 25,2 km	2021-2035	160,00	10,00	50,00	100,00
A2	Dự án san nền, thoát nước mưa			390,53	8,53	101,00	281,00
1	Dự án kè sông Bắc Khê, sông Kỳ Cùng, suối Nậm Ăn, Nà Chà,...	khoảng 20km	2026-2035	330,00	-	80,00	250,00

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Tổng nhu cầu vốn 2021-2035 (tỷ đồng)	Nhu cầu vốn năm 2021-2025	Nhu cầu vốn năm 2026-2030	Nhu cầu vốn năm 2031-2035
2	Kè chống sạt lở đoạn nhà văn hóa khu 5 đến UBND huyện Trảng Định	khoảng 1 km	2021-2025	5,10	5,10	-	-
3	Cải tạo hệ thống mương và cống hợp đảm bảo thoát nước mặt thị trấn	khoảng 30km	2021-2035	3,00	1,00	1,00	1,00
4	Sửa chữa mương khu 4, thị trấn Thất Khê	khoảng 0,3 km	2021-2025	0,20	0,20	-	-
5	Kè chống sạt lở nhà công vụ khuôn viên Huyện Ủy	khoảng 1 km	2021-2025	2,23	2,23	-	-
6	Nâng cấp Hồ Nà Chà, Thâm Luông bao gồm cả đập	2 hồ + đập	2026-2035	50,00	-	20,00	30,00
A3	Dự án cấp điện			135,00	10,00	48,00	77,00
1	Nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp trung thế theo các khu dân cư và khu đô thị mới	khoảng 10 trạm	2021-2035	18,00	2,00	6,00	10,00
2	Xây dựng các trạm biến áp 22kV mới để đáp ứng nhu cầu sử dụng và phát triển của đô thị.	khoảng 40 trạm	2026-2035	80,00	-	30,00	50,00
3	Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đường giao thông chính và chiếu sáng ngõ hẻm		2026-2035	15,00	3,00	5,00	7,00
4	Sửa chữa thường xuyên hệ thống chiếu sáng công cộng thị trấn Thất Khê, huyện Trảng Định năm 2021		2026-2035	22,00	5,00	7,00	10,00
A4	Dự án cấp nước			80,00	8,00	45,00	27,00

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Tổng nhu cầu vốn 2021-2035 (tỷ đồng)	Nhu cầu vốn năm 2021-2025	Nhu cầu vốn năm 2026-2030	Nhu cầu vốn năm 2031-2035
1	Nâng cấp hệ thống cấp nước (trạm cấp nước, đường ống cấp nước) giai đoạn đầu		2021-2035	15,00	3,00	5,00	7,00
2	Xây dựng nhà máy nước Thất Khê	công suất khoảng 8000 m3/ngđ	2026-2030	30,00	-	30,00	-
3	Cải tạo, mở rộng mạng lưới đường cấp nước chính cho các đô thị mới	khoảng 5.000 m	2026-2035	15,00	-	5,00	10,00
4	Xây dựng các trụ cứu hỏa, điểm tiếp cận ao hồ lấy nước theo mạng lưới cấp nước	khoảng 40 trụ	2021-2035	20,00	5,00	5,00	10,00
A5	Dự án thoát nước thải, xử lý CTR và nghĩa trang			140,00	5,00	47,00	88,00
1	Hệ thống thu gom, trung chuyển rác thải	khoảng 2 trạm trung chuyển và 6 điểm thu gom CTR	2021-2035	18,00	3,00	5,00	10,00
2	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn	khoảng 4,6 ha	2026-2035	8,00	-	3,00	5,00
3	Đóng và Cải tạo khu vực nghĩa trang hiện hữu		2021-2035	10,00	2,00	3,00	5,00

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Tổng nhu cầu vốn 2021-2035 (tỷ đồng)	Nhu cầu vốn năm 2021-2025	Nhu cầu vốn năm 2026-2030	Nhu cầu vốn năm 2031-2035
4	Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung	5 trạm	2026-2035	40,00	-	15,00	25,00
5	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu vực trung tâm thị trấn Thất Khê và phía Nam của thị trấn.	khoảng 22km	2026-2035	25,00	-	10,00	15,00
6	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu vực mở rộng phía Tây thị trấn Thất Khê.	khoảng 24km	2026-2035	39,00	-	11,00	28,00
A6	Dự án công nghệ thông tin			53,00	22,00	16,00	15,00
1	Hệ thống Camera an ninh thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định		2021-2035	20,00	5,00	10,00	5,00
2	Nâng cấp và xây dựng mới trạm viễn thông và trạm thu phát sóng		2021-2035	10,00	2,00	3,00	5,00
3	Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng, số hoá cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện		2021-2035	13,00	5,00	3,00	5,00
4	Cải tạo đài truyền thanh - truyền hình Tràng Định		2021-2025	10,00	10,00	-	-
B	CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI CẤP ĐÔ THỊ	Quy mô	Giai đoạn XD	294,83	87,80	111,82	95,20
B1	Công trình văn hóa - thể thao			58,91	13,51	22,00	23,40
1	Xây mới trung tâm thể thao huyện ở Nà Nghieu		2026-2035	15,40	-	7,00	8,40
2	Xây mới, nâng cấp các nhà văn hoá ở các tổ dân phố		2026-2035	23,00	3,00	10,00	10,00

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Tổng nhu cầu vốn 2021-2035 (tỷ đồng)	Nhu cầu vốn năm 2021-2025	Nhu cầu vốn năm 2026-2030	Nhu cầu vốn năm 2031-2035
3	Trồng thảm cây xanh cảnh quan trên giải phân cách đường hoàng văn thụ, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định		2021-2025	10,00	-	5,00	5,00
4	Nhà văn hoá khu 3	Khu	2021-2025	1,00	1,00	-	-
5	Nhà văn hoá khu 4	Khu	2021-2025	1,00	1,00	-	-
6	Nhà văn hoá khu 5	Khu	2026-2035	1,00	1,00	-	-
7	Nhà sinh hoạt cộng đồng khu II	Khu	2021-2035	1,00	1,00	-	-
8	Mở rộng khu miếu thờ tâm linh khu III (Bổ sung tôn tạo và mở rộng diện tích đền Gốc sung, là đền thờ Trần Hưng Đạo- di tích lịch sử tâm linh cấp tỉnh. Di tích này kết nối với không gian công viên bờ sông)	0,01 ha	2021-2035	2,00	2,00	-	-
9	Tu bổ sửa chữa nhà Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh		2021-2025	1,71	1,71	-	-
10	Tu bổ sửa chữa 1 số hạng mục khuôn viên nhà Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh		2021-2025	1,42	1,42	-	-
11	Tu bổ di tích lịch sử chiến thắng đường số 4 tỉnh Lạng Sơn		2021-2025	1,38	1,38	-	-
B2	Công trình thương mại dịch vụ			6,54	6,54	-	-
1	Xây dựng lại chợ Thất Khê	0,33 ha	2021-2025	6,54	6,54	-	-
B3	Công trình giáo dục			79,50	21,30	38,20	20,00
1	Xây mới trường PTTH ở khu vực Nà Liềm		2021-2030	11,20	-	11,20	-

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Tổng nhu cầu vốn 2021-2035 (tỷ đồng)	Nhu cầu vốn năm 2021-2025	Nhu cầu vốn năm 2026-2030	Nhu cầu vốn năm 2031-2035
2	Trường MN Hoa Hồng- Xây dựng sang vị trí mới, gần UBND xã Đại Đồng		2021-2030	11,00	5,00	6,00	-
3	Bổ sung XD điểm trường MN 10/10 tại khu dân cư mới Nà Nghiều, đã quy hoạch, đang cấp bách.		2021-2025	11,00	11,00	-	-
4	Sửa chữa trường THCS Thất Khê		2021-2025	0,30	0,30	-	-
5	Xây dựng mới nhà đa năng Trường THCS thị trấn Thất Khê		2021-2025	2,00	2,00	-	-
6	Mở rộng trường PTDTNT THCS VÀ THPT huyện Trảng Định	0,21 ha	2021-2030	3,00	-	3,00	-
7	Mở rộng trường THCS Thất Khê	0,2 ha	2021-2030	3,00	-	3,00	-
8	Cải tạo mở rộng các công trình giáo dục hiện trạng		2021-2030	38,00	3,00	15,00	20,00
B4	Công trình cơ quan hành chính			122,27	39,25	31,22	51,80
1	Xây mới trụ sở làm việc của thị trấn Thất Khê tại Nà Liềm	1500 m2	2026-2030	13,22	-	13,22	-
2	Sửa chữa trụ sở phòng nông nghiệp -PTNT huyện		2021-2025	1,11	1,11	-	-
3	Sửa chữa nhà khách UBND huyện		2021-2025	0,90	0,90	-	-
4	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm hội nghị huyện		2021-2025	0,60	0,60	-	-
5	Cải tạo, sửa chữa phòng tiếp khách và một số phòng làm việc của Huyện ủy (đã thực hiện)		2021-2025	1,80	1,80	-	-
6	San ủi mặt bằng và xây dựng Trụ sở UBND thị trấn Thất Khê sau sáp nhập (đang thực hiện)		2021-2025	7,00	7,00	-	-

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Tổng nhu cầu vốn 2021-2035 (tỷ đồng)	Nhu cầu vốn năm 2021-2025	Nhu cầu vốn năm 2026-2030	Nhu cầu vốn năm 2031-2035
7	Cải tạo sân Trụ sở UBND huyện (đã thực hiện)		2021-2025	0,50	0,50	-	-
8	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở MTTQ và các đoàn thể huyện (đã thực hiện)		2021-2025	5,00	5,00	-	-
9	Xây mới trụ sở công an	1,64 ha	2026-2035	14,10	-	-	14,10
10	Cửa hàng xăng dầu (khu Đại Nam - Xã Đại Đồng)	0,2 ha	2026-2035	3,00	-	-	3,00
11	Mở rộng trụ sở UBND huyện Trảng Định	0,8 ha	2026-2035	7,05	-	-	7,05
12	Mở rộng Toà án nhân dân huyện Trảng Định	0,03 ha	2026-2035	2,64	-	-	2,64
13	Xây dựng trụ sở UBND thị trấn mới tại xã Đại Đồng	0,6 ha	2021-2025	8,82	8,82	-	-
14	Xây mới Kho bạc nhà nước (xã Đại Đồng)	0,29 ha	2021-2025	4,41	4,41	-	-
15	Xây dựng trụ sở Ngân hàng chính sách huyện Trảng Định	0,18 ha	2021-2025	4,41	4,41	-	-
16	Xây dựng nhà để xe, nhà bảo vệ huyện uỷ		2021-2025	0,60	0,60	-	-
17	Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc huyện uỷ		2021-2025	0,80	0,80	-	-
18	Sửa chữa khuôn viên huyện uỷ (đã thực hiện)		2021-2025	1,31	1,31	-	-
19	Cải tạo sửa chữa các công trình hành chính hiện trạng		2021-2025	45,00	2,00	18,00	25,00
B5	Công trình y tế			27,60	7,20	20,40	-
1	Xây mới Nhà 02 tầng Khu điều trị bệnh lây nhiễm và cách ly Trung tâm y tế huyện (đã thực hiện)		2021-2025	6,00	6,00	-	-
2	Cải tạo sửa chữa phòng học Trường THCS xã Đề Thám cũ thành khu cách ly (CT cấp		2021-2025	1,20	1,20	-	-

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Tổng nhu cầu vốn 2021-2035 (tỷ đồng)	Nhu cầu vốn năm 2021-2025	Nhu cầu vốn năm 2026-2030	Nhu cầu vốn năm 2031-2035
	bách) (đã thực hiện)						
3	Cải tạo UBND xã Đại Đồng thành trạm y tế thị trấn		2026-2030	17,40	-	17,40	-
4	Mở rộng trung tâm y tế huyện	1,3 ha	2026-2030	3,00	-	3,00	-
C	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, LẬP QUY HOẠCH	Quy mô	Giai đoạn XD	9,40	9,40	-	-
1	Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Nà Nghiều, xã Đại Đồng	6,96 ha	2021-2025	0,60	0,60	-	-
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới Hang Đông	14,03 ha	2021-2025	0,80	0,80	-	-
3	Lập Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định		2021-2025	1,10	1,10	-	-
4	Lập Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định		2021-2025	1,50	1,50	-	-
5	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	3401,5 ha	2021-2025	4,90	4,90	-	-
6	Lập đề án công nhận thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định đạt tiêu chuẩn đô thị loại V (đang thực hiện)		2021-2025	0,50	0,50	-	-
D	CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KINH TẾ			2.660,00	150,00	1.400,00	1.110,00
D1	Xây dựng hạ tầng khu đô thị			2.660,00	150,00	1.400,00	1.110,00

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Tổng nhu cầu vốn 2021-2035 (tỷ đồng)	Nhu cầu vốn năm 2021-2025	Nhu cầu vốn năm 2026-2030	Nhu cầu vốn năm 2031-2035
1	Khu đô thị mới Nam thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	33,7 ha	2026-2030	1.100,00	-	650,00	450,00
2	Khu đô thị Đông Bắc, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	15 ha	2026-2030	700,00	-	400,00	300,00
3	Khu dân cư phía Bắc thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	9 ha	2026-2030	80,00	-	30,00	50,00
4	Khu đô thị Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	20 ha	2026-2030	240,00	-	120,00	120,00
5	Đầu tư xây dựng Khu dân cư Hang Đông	14,64 ha	2021-2030	240,00	-	120,00	120,00
6	Đầu tư xây dựng Khu dân cư Nà Nghiều xã Đại Đồng, huyện Tràng Định	7,11 ha	2021-2030	150,00	-	80,00	70,00
7	Đầu tư xây dựng khu đô thị Pác Luông, huyện Tràng Định	6,8 ha	2021-2025	150,00	150,00	-	-
					-	-	-
	TỔNG CỘNG			4.567,76	320,73	2.343,82	1.903,20

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

3.3.5. Kế hoạch phân bổ vốn - cơ cấu nguồn vốn

Dự kiến tổng nhu cầu phân bổ nguồn vốn thực hiện chương trình phát triển đô thị Thất Khê giai đoạn 2021-2035 là **4.567,76** tỷ đồng

- Vốn ngân sách: **1.491,82** tỷ đồng
- Vốn ngoài ngân sách: **3.075,94** tỷ đồng.

Dự kiến cơ cấu nguồn vốn giai đoạn 2021-2030

Đơn vị: tỷ đồng

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Nhu cầu vốn 2021-2025			Nhu cầu vốn 2026-2030			Nhu cầu vốn 2031-2035		
				Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS
A	CÁC DỰ ÁN KỸ THUẬT HẠ TẦNG KHUNG			100,27	53,40	46,87	852,00	689,00	163,00	718,00	516,00	202,00
A1	Dự án giao thông			46,74	29,87	16,87	595,00	585,00	10,00	230,00	230,00	-
1	Cải tạo, nâng cấp QL4A qua trung tâm thị trấn đạt cấp IV MN	Khoảng 5,8 km	2026-2030	-			50,00	50,00		-		
2	Cải tạo, nâng cấp QL3E (đường và cầu) qua trung tâm thị trấn đạt cấp IV MN	Khoảng 2,5 km	2026-2035	-			20,00	20,00		20,00	20,00	
3	Xây dựng bến xe Tràng Định đặt ở phía Nam thị trấn	khoảng 2,07ha	2021-2030	10,00		10,00	10,00		10,00	-		
4	Xây dựng tuyến đường tránh QL4A thị trấn Bắc Khê	Khoảng 4,8km	2026-2030	-			185,00	185,00		-		
5	Quốc lộ 3B đoạn từ Cửa khẩu Nà Nưa (Km0) đến thị trấn Thất Khê (Km25) cải tạo, nâng cấp IV MN	khoảng 3,3 km	2026-2035	-			20,00	20,00		20,00	20,00	
6	Nâng cấp tuyến QL3 đường đi cửa khẩu và đường ĐH09	khoảng 8,5km	2026-2035	-			30,00	30,00		50,00	50,00	

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Nhu cầu vốn 2021-2025			Nhu cầu vốn 2026-2030			Nhu cầu vốn 2031-2035		
				Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS
7	Xây dựng cầu qua sông Bắc Khê kết nối khu vực hai bên bờ sông. (Cầu 1-Cầu 7)	7 Cầu	2026-2035	-			30,00	30,00		40,00	40,00	
8	Nâng cấp ĐT.226 (Bình Gia - Thất Khê) [chuyển thành QL.3E]	khoảng 16km	2026-2030	-			200,00	200,00		-		
9	Đường GTNT từ ĐT 226 đến thôn Khau Cà-Cốc Lũng, xã Đề Thám (Phần nền đường NS huyện thực hiện 6.496trđ); vốn NS Đề án 109 của tỉnh 6.896trđ gồm xi măng do Sở GTVT bố trí TT vốn (đang thực hiện)		2021-2025	13,37	6,50	6,87	-			-		
10	Đường GTNT từ đường tỉnh 226 đến thôn Khau Cà, Cốc Lũng, xã Đề Thám		2021-2025	13,37	13,37		-			-		
11	Cải tạo, nâng cấp đường nội thị qua thị trấn (các đường 21-8)	khoảng 25,2 km	2021-2035	10,00	10,00		50,00	50,00		100,00	100,00	
A2	Dự án san nền, thoát nước mưa			8,53	8,53	-	101,00	101,00	-	281,00	281,00	-
1	Dự án kè sông Bắc Khê, sông Kỳ Cùng, suối Nậm Ân, Nà Chà,...	khoảng 20km	2026-2035	-			80,00	80,00		250,00	250,00	
2	Kè chống sạt lở đoạn nhà văn hóa khu 5 đến UBND huyện Tràng Định	khoảng 1 km	2021-2025	5,10	5,10		-			-		
3	Cải tạo hệ thống mương và cống hộp đảm bảo thoát nước mặt thị trấn	khoảng 30km	2021-2035	1,00	1,00		1,00	1,00		1,00	1,00	
4	Sửa chữa mương khu 4, thị trấn Thất Khê	khoảng 0,3 km	2021-2025	0,20	0,20		-			-		
5	Kè chống sạt lở nhà công vụ khuôn viên Huyện Ủy	khoảng 1 km	2021-2025	2,23	2,23		-			-		
6	Nâng cấp Hồ Nà Chà, Thâm Luông bao gồm cả đập	2 hồ + đập	2026-2035	-			20,00	20,00		30,00	30,00	

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Nhu cầu vốn 2021-2025			Nhu cầu vốn 2026-2030			Nhu cầu vốn 2031-2035		
				Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS
A3	Dự án cấp điện			10,00	-	10,00	48,00	-	48,00	77,00	-	77,00
1	Nâng cấp, cải tạo các trạm biến áp trung thế theo các khu dân cư và khu đô thị mới	khoảng 10 trạm	2021-2035	2,00		2,00	6,00		6,00	10,00		10,00
2	Xây dựng các trạm biến áp 22kV mới để đáp ứng nhu cầu sử dụng và phát triển của đô thị.	khoảng 40 trạm	2026-2035	-			30,00		30,00	50,00		50,00
3	Xây dựng mới hệ thống chiếu sáng đường giao thông chính và chiếu sáng ngõ hẻm		2026-2035	3,00		3,00	5,00		5,00	7,00		7,00
4	Sửa chữa thường xuyên hệ thống chiếu sáng công cộng thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định năm 2021		2026-2035	5,00		5,00	7,00		7,00	10,00		10,00
A4	Dự án cấp nước			8,00	-	8,00	45,00	-	45,00	27,00	-	27,00
1	Nâng cấp hệ thống cấp nước (trạm cấp nước, đường ống cấp nước) giai đoạn đầu		2021-2035	3,00		3,00	5,00		5,00	7,00		7,00
2	Xây dựng nhà máy nước Thất Khê	công suất khoảng 8000 m3/ngđ	2026-2030	-			30,00		30,00	-		
3	Cải tạo, mở rộng mạng lưới đường cấp nước chính cho các đô thị mới	khoảng 5.000 m	2026-2035	-			5,00		5,00	10,00		10,00
4	Xây dựng các trụ cứu hỏa, điểm tiếp cận ao hồ lấy nước theo mạng lưới cấp nước	khoảng 40 trụ	2021-2035	5,00		5,00	5,00		5,00	10,00		10,00
A5	Dự án thoát nước thải, xử lý CTR và nghĩa trang			5,00	-	5,00	47,00	-	47,00	88,00	-	88,00

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Nhu cầu vốn 2021-2025			Nhu cầu vốn 2026-2030			Nhu cầu vốn 2031-2035		
				Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS
1	Hệ thống thu gom, trung chuyển rác thải	khoảng 2 trạm trung chuyển và 6 điểm thu gom CTR	2021-2035	3,00		3,00	5,00		5,00	10,00		10,00
2	Xây dựng nghĩa trang nhân dân thị trấn	khoảng 4,6 ha	2026-2035	-			3,00		3,00	5,00		5,00
3	Đóng và Cải tạo khu vực nghĩa trang hiện hữu		2021-2035	2,00		2,00	3,00		3,00	5,00		5,00
4	Xây dựng trạm xử lý nước thải tập trung	5 trạm	2026-2035	-			15,00		15,00	25,00		25,00
5	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu vực trung tâm thị trấn Thất Khê và phía Nam của thị trấn.	khoảng 22km	2026-2035	-			10,00		10,00	15,00		15,00
6	Xây dựng hệ thống thu gom, xử lý nước thải khu vực mở rộng phía Tây thị trấn Thất Khê.	khoảng 24km	2026-2035	-			11,00		11,00	28,00		28,00
A6	Dự án công nghệ thông tin			22,00	15,00	7,00	16,00	3,00	13,00	15,00	5,00	10,00
1	Hệ thống Camera an ninh thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định		2021-2035	5,00		5,00	10,00		10,00	5,00		5,00
2	Nâng cấp và xây dựng mới trạm viễn thông và trạm thu phát sóng		2021-2035	2,00		2,00	3,00		3,00	5,00		5,00
3	Đầu tư hạ tầng trang thiết bị công nghệ thông tin, các phần mềm nền tảng, số hoá cơ sở dữ liệu phục vụ chương trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện		2021-2035	5,00	5,00		3,00	3,00		5,00	5,00	
4	Cải tạo đài truyền thanh - truyền hình Tràng Định		2021-2025	10,00	10,00		-			-		

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Nhu cầu vốn 2021-2025			Nhu cầu vốn 2026-2030			Nhu cầu vốn 2031-2035		
				Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS
B	CÁC DỰ ÁN CÔNG TRÌNH HẠ TẦNG XÃ HỘI CẤP ĐÔ THỊ	Quy mô	Giai đoạn XD	87,80	81,26	6,54	111,82	111,82	-	95,20	92,20	3,00
B1	Công trình văn hóa - thể thao			13,51	13,51	-	22,00	22,00	-	23,40	23,40	-
1	Xây mới trung tâm thể thao huyện ở Nà Nghiều		2026-2035	-			7,00	7,00		8,40	8,40	
2	Xây mới, nâng cấp các nhà văn hoá ở các tổ dân phố		2026-2035	3,00	3,00		10,00	10,00		10,00	10,00	
3	Trồng thảm cây xanh cảnh quan trên giải phân cách đường hoàng văn thụ, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định		2021-2025	-			5,00	5,00		5,00	5,00	
4	Nhà văn hoá khu 3	Khu	2021-2025	1,00	1,00		-			-		
5	Nhà văn hoá khu 4	Khu	2021-2025	1,00	1,00		-			-		
6	Nhà văn hoá khu 5	Khu	2026-2035	1,00	1,00		-			-		
7	Nhà sinh hoạt cộng đồng khu II	Khu	2021-2035	1,00	1,00		-			-		
8	Mở rộng khu miếu thờ tâm linh khu III (Bổ sung tôn tạo và mở rộng diện tích đền Gốc sung, là đền thờ Trần Hưng Đạo- di tích lịch sử tâm linh cấp tỉnh. Di tích này kết nối với không gian công viên bờ sông)	0,01 ha	2021-2035	2,00	2,00		-			-		
9	Tu bổ sửa chữa nhà Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh		2021-2025	1,71	1,71		-			-		

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Nhu cầu vốn 2021-2025			Nhu cầu vốn 2026-2030			Nhu cầu vốn 2031-2035		
				Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS
10	Tu bổ sửa chữa 1 số hạng mục khuôn viên nhà Lưu niệm Chủ tịch Hồ Chí Minh		2021-2025	1,42	1,42		-			-		
11	Tu bổ di tích lịch sử chiến thắng đường số 4 tỉnh Lạng Sơn		2021-2025	1,38	1,38		-			-		
B2	Công trình thương mại dịch vụ			6,54	-	6,54	-	-	-	-	-	-
1	Xây dựng lại chợ Thất Khê	0,33 ha	2021-2025	6,54		6,54	-			-		
B3	Công trình giáo dục			21,30	21,30	-	38,20	38,20	-	20,00	20,00	-
1	Xây mới trường PTTH ở khu vực Nà Liềm		2021-2030	-			11,20	11,20		-		
2	Trường MN Hoa Hồng- Xây dựng sang vị trí mới, gần UBND xã Đại Đồng		2021-2030	5,00	5,00		6,00	6,00		-		
3	Bổ sung XD điểm trường MN 10/10 tại khu dân cư mới Nà Nghiều, đã quy hoạch, đang cấp bách.		2021-2025	11,00	11,00		-			-		
4	Sửa chữa trường THCS Thất Khê		2021-2025	0,30	0,30		-			-		
5	Xây dựng mới nhà đa năng Trường THCS thị trấn Thất Khê (đã thực hiện)		2021-2025	2,00	2,00		-			-		
6	Mở rộng trường PTDTNT THCS và THPT huyện Trảng Định	0,21 ha	2021-2030	-			3,00	3,00		-		
7	Mở rộng trường THCS Thất Khê	0,2 ha	2021-2030	-			3,00	3,00		-		
8	Cải tạo mở rộng các công trình giáo dục hiện trạng		2021-2030	3,00	3,00		15,00	15,00		20,00	20,00	
B4	Công trình cơ quan hành chính			39,25	39,25	-	31,22	31,22	-	51,80	48,80	3,00

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Nhu cầu vốn 2021-2025			Nhu cầu vốn 2026-2030			Nhu cầu vốn 2031-2035		
				Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS
1	Xây mới trụ sở làm việc của thị trấn Thất Khê tại Nà Liềm	1500 m2	2026-2030	-			13,22	13,22		-		
2	Sửa chữa trụ sở phòng nông nghiệp -PTNT huyện		2021-2025	1,11	1,11		-			-		
3	Sửa chữa nhà khách UBND huyện		2021-2025	0,90	0,90		-			-		
4	Cải tạo, sửa chữa Trung tâm hội nghị huyện		2021-2025	0,60	0,60		-			-		
5	Cải tạo, sửa chữa phòng tiếp khách và một số phòng làm việc của Huyện ủy (đã thực hiện)		2021-2025	1,80	1,80		-			-		
6	San ủi mặt bằng và xây dựng Trụ sở UBND thị trấn Thất Khê sau sáp nhập (đang thực hiện)		2021-2025	7,00	7,00		-			-		
7	Cải tạo sân Trụ sở UBND huyện (đã thực hiện)		2021-2025	0,50	0,50		-			-		
8	Cải tạo, sửa chữa Trụ sở MTTQ và các đoàn thể huyện (đã thực hiện)		2021-2025	5,00	5,00		-			-		
9	Xây mới trụ sở công an	1,64 ha	2026-2035	-			-			14,10	14,10	
10	Cửa hàng xăng dầu (khu Đại Nam - Xã Đại Đồng)	0,2 ha	2026-2035	-			-			3,00		3,00
11	Mở rộng trụ sở UBND huyện Tràng Định	0,8 ha	2026-2035	-			-			7,05	7,05	
12	Mở rộng Toà án nhân dân huyện Tràng Định	0,03 ha	2026-2035	-			-			2,64	2,64	
13	Xây dựng trụ sở UBND thị trấn mới tại xã Đại Đồng	0,6 ha	2021-2025	8,82	8,82		-			-		

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Nhu cầu vốn 2021-2025			Nhu cầu vốn 2026-2030			Nhu cầu vốn 2031-2035		
				Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS
14	Xây mới Kho bạc nhà nước (xã Đại Đồng)	0,29 ha	2021-2025	4,41	4,41		-			-		
15	Xây dựng trụ sở Ngân hàng chính sách huyện Trảng Định	0,18 ha	2021-2025	4,41	4,41		-			-		
16	Xây dựng nhà để xe, nhà bảo vệ huyện uỷ		2021-2025	0,60	0,60		-			-		
17	Cải tạo sửa chữa văn phòng làm việc huyện uỷ		2021-2025	0,80	0,80		-			-		
18	Sửa chữa khuôn viên huyện uỷ (đã thực hiện)		2021-2025	1,31	1,31		-			-		
19	Cải tạo sửa chữa các công trình hành chính hiện trạng		2021-2025	2,00	2,00		18,00	18,00		25,00	25,00	
B5	Công trình y tế			7,20	7,20	-	20,40	20,40	-	-	-	-
1	Xây mới Nhà 02 tầng Khu điều trị bệnh lây nhiễm và cách ly Trung tâm y tế huyện (đã thực hiện)		2021-2025	6,00	6,00		-			-		
2	Cải tạo sửa chữa phòng học Trường THCS xã Đề Thám cũ thành khu cách ly (CT cấp bách) (đã thực hiện)		2021-2025	1,20	1,20		-			-		
3	Cải tạo UBND xã Đại Đồng thành trạm y tế thị trấn		2026-2030	-			17,40	17,40		-		
4	Mở rộng trung tâm y tế huyện	1,3 ha	2026-2030	-			3,00	3,00		-		
C	CÁC CHƯƠNG TRÌNH, ĐỀ ÁN, LẬP QUY HOẠCH	Quy mô	Giai đoạn XD	8,90	8,00	0,90	-	-	-	-	-	-

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Nhu cầu vốn 2021-2025			Nhu cầu vốn 2026-2030			Nhu cầu vốn 2031-2035		
				Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS
1	Điều chỉnh Quy hoạch chi tiết xây dựng tỷ lệ 1/500 Khu dân cư Nà Nghiều, xã Đại Đồng	6,96 ha	2021-2025	0,10		0,10	-			-		
2	Quy hoạch chi tiết xây dựng Khu dân cư mới Hang Đông	14,03 ha	2021-2025	0,80		0,80	-			-		
3	Lập Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định		2021-2025	1,10	1,10		-			-		
4	Lập Quy chế quản lý kiến trúc thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định		2021-2025	1,50	1,50		-			-		
5	Điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	3401,5 ha	2021-2025	4,90	4,90		-			-		
6	Lập đề án công nhận thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định đạt tiêu chuẩn đô thị loại V (đang thực hiện)		2021-2025	0,50	0,50		-			-		
D	CÁC DỰ ÁN HẠ TẦNG KINH TẾ			150,00	-	150,00	1.400,00	-	1.400,00	1.110,00	-	1.110,00
D1	Xây dựng hạ tầng khu đô thị			150,00	-	150,00	1.400,00	-	1.400,00	1.110,00	-	1.110,00
1	Khu đô thị mới Nam thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	33,7 ha	2026-2030	-			650,00		650,00	450,00		450,00
2	Khu đô thị Đông Bắc, thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	15 ha	2026-2030	-			400,00		400,00	300,00		300,00
3	Khu dân cư phía Bắc thị trấn Thất Khê, huyện Tràng Định	9 ha	2026-2030	-			30,00		30,00	50,00		50,00
4	Khu đô thị Đại Đồng, huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn	20 ha	2026-2030	-			120,00		120,00	120,00		120,00
5	Đầu tư xây dựng Khu dân cư Hang Đông	14,64 ha	2021-2030	-			120,00		120,00	120,00		120,00
6	Đầu tư xây dựng Khu dân cư Nà Nghiều xã Đại	7,11 ha	2021-	-			80,00		80,00	70,00		70,00

-----Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê

STT	Danh mục dự án	Quy mô	Giai đoạn XD	Nhu cầu vốn 2021-2025			Nhu cầu vốn 2026-2030			Nhu cầu vốn 2031-2035		
				Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS	Tổng	Vốn NS	Vốn NNS
	Đồng, huyện Trảng Định		2030									
7	Đầu tư xây dựng khu đô thị Pác Luông, huyện Trảng Định	6,8 ha	2021-2025	150,00		150,00	-			-		
				-			-			-		
	TỔNG CỘNG			346,97	142,66	204,31	2.363,82	800,82	1.563,00	1.923,20	608,20	1.315,00

(Đối với các dự án hạ tầng kỹ thuật vốn Ngân sách tùy vào mức độ tính chất, quy mô trong quá trình thực hiện sẽ sử dụng một phần kinh phí ngoài Ngân sách)

3.4. Xây dựng các giải pháp về cơ chế, chính sách thực hiện

3.4.1. Giải pháp về nguồn vốn đầu tư:

a. Về huy động vốn ngân sách Nhà nước

- Ưu tiên nguồn vốn ngân sách tỉnh, đồng thời tích cực với các Bộ, ngành Trung ương để tranh thủ tối đa các nguồn vốn Trung ương hỗ trợ có mục tiêu, trái phiếu Chính phủ, chương trình mục tiêu quốc gia, vốn tín dụng ưu đãi đầu tư.

- Có biện pháp phù hợp để huy động tối đa nguồn vốn từ khai thác quỹ đất cho phát triển đô thị, đặc biệt là xây dựng kết cấu hạ tầng đô thị.

b. Về huy động vốn ngoài ngân sách nhà nước

- Xác định việc sử dụng ngân sách đầu tư phát triển đô thị đúng chỗ, hiệu quả, có tác dụng làm hạt nhân kích thích thu hút đầu tư từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

- Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư kết cấu hạ tầng đô thị theo hình thức BOT, PPP.

- Đẩy nhanh thủ tục hành chính trong đầu tư phát triển đô thị, đặc biệt đối với các dự án từ nguồn vốn ngoài ngân sách.

- Tiếp tục đẩy mạnh xã hội hóa các lĩnh vực giáo dục và đào tạo, y tế, văn hóa, thông tin, thể dục thể thao, nhà ở... nhằm huy động mọi nguồn lực xã hội cho đầu tư phát triển các lĩnh vực này.

Để huy động được nguồn vốn đầu tư nói trên cần đẩy mạnh việc huy động tối đa nội lực từ nền kinh tế, đa dạng hoá các hình thức huy động, các hình thức tạo vốn, chú trọng thu hút vốn từ các thành phần kinh tế ngoài nhà nước, tăng cường xã hội hoá y tế, giáo dục, văn hoá, thể thao, đầu tư cơ sở hạ tầng...; Tích cực thu hút vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài, tranh thủ vốn đầu tư của các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước, vốn Ngân sách Trung ương và của tỉnh; Tranh thủ và sử dụng có hiệu quả các nguồn vốn hỗ trợ phát triển chính thức ODA và các nguồn vốn viện trợ của nước ngoài và các tổ chức phi chính phủ... cần thực hiện tốt các giải pháp sau:

1. Đẩy mạnh công tác quy hoạch và quản lý quy hoạch để định hướng và tạo điều kiện thuận lợi trong việc đầu tư xây dựng các dự án

Đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác quy hoạch. Thường xuyên rà soát, bổ sung, điều chỉnh quy hoạch chung, quy hoạch ngành, vùng theo hướng mở rộng quy mô và phát triển thị trấn, vừa đáp ứng yêu cầu phát triển trước mắt, vừa phù hợp với chiến lược phát triển lâu dài, bền vững.

Chú trọng đẩy mạnh công tác lập Phân khu 1/2.000 và quy hoạch 1/500 để tạo điều kiện thuận lợi cho việc đầu tư các dự án. Đẩy mạnh lập quy hoạch chi tiết đô thị theo hướng đảm bảo kiến trúc đô thị của một thị trấn, đồng bộ, văn minh, hiện đại; quy hoạch các khu dân cư, hành chính, công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, du lịch, các trung tâm thương mại, dịch vụ, công viên, các vùng có dự án đầu tư....

Tăng cường quản lý quy hoạch và xây dựng đô thị đúng quy hoạch, đảm bảo kiến trúc đô thị. Thực hiện tốt việc phân cấp quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng đô thị. Tăng cường công tác tuyên truyền các chủ trương, quản lý xây dựng cho mọi tổ chức, cá nhân trên địa bàn. Tổ chức tốt việc công khai quy hoạch để nhân dân tự giác thực hiện và giám sát thực hiện quy hoạch.

2. Cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh

Tiếp tục cải thiện mạnh mẽ môi trường đầu tư kinh doanh. Nhất quán trong cơ chế, chính sách thu hút đầu tư để tạo niềm tin cho nhà đầu tư. Phổ biến rộng rãi các quy định về chính sách khuyến khích, hỗ trợ đầu tư của tỉnh và huyện, thị trấn; tiếp tục ban hành các chính sách khuyến khích hỗ trợ đối với một số ngành nghề thực hiện các chương trình phát triển kinh tế của huyện, các chính sách khuyến công, khuyến nông... Tạo môi trường thông thoáng, đơn giản hoá các thủ tục trong đầu tư để tạo điều kiện thuận lợi cho nhà đầu tư.

Tăng cường công tác xúc tiến đầu tư; đẩy mạnh liên doanh liên kết, hợp tác với các tỉnh, thị trấn trong nước và nước ngoài, để kêu gọi các dự án đầu tư vào huyện. Tạo bước chuyển biến mang tính đột phá trong việc thu hút vốn FDI; tranh thủ và sử dụng có hiệu quả vốn ODA và NGO. Chú trọng cung cấp thông tin, quảng bá những tiềm năng thế mạnh, những cơ hội làm ăn và định hướng phát triển của Tỉnh, của Thị trấn cho những nhà đầu tư.

Tập trung đầu tư hoàn chỉnh cơ sở hạ tầng các công trình, dự án phục vụ thu hút đầu tư, phát triển sản xuất kinh doanh, như: các cụm điểm CN - TTCN, hạ tầng du lịch, nâng cấp các bãi tắm, hệ thống giao thông, điện nước, công trình công cộng, vệ sinh môi trường.... Thực hiện tốt chính sách xây dựng cơ bản, tạo điều kiện thuận lợi khi thuê đất, giải phóng mặt bằng các công trình, đảm bảo an ninh trật tự an toàn xã hội, quan tâm giải quyết kịp thời các vướng mắc cho nhà đầu tư.

3. Đẩy mạnh xã hội hoá trong đầu tư

Đẩy mạnh thực hiện xã hội hoá theo Nghị quyết 05/NQ-CP ngày 13/01/2014 của Chính phủ đối với các lĩnh vực giáo dục, đào tạo, văn hoá, thể dục thể thao, y tế và các hoạt động dịch vụ khác, đảm bảo nguyên tắc tăng tỷ lệ xã hội hoá trong cơ cấu nguồn kinh phí và mô hình quản lý.

Huy động các nguồn vốn trong dân và các doanh nghiệp để đầu tư cơ sở hạ tầng, thực hiện các chương trình xã hội hoá đường giao thông quy mô nhỏ, kiên cố hoá kênh mương, lát vỉa hè, cây xanh... và thực hiện các chương trình phát triển kinh tế - xã hội của đô thị.

Thực hiện các biện pháp khuyến khích đầu tư, kích cầu sản xuất tiêu dùng, chuyển dịch cơ cấu kinh tế ở nông thôn... để huy động các nguồn lực trong các tầng lớp dân cư, các thành phần kinh tế.

4. Giải pháp về lập quỹ đầu tư để chỉnh trang đô thị:

Huy động từ quỹ đầu tư các đô thị mới khi đầu tư xây dựng trên địa bàn thành phố và vùng phụ cận phải trích khoảng 8-10% quỹ đất cho phép đầu giá lấy tiền để lập quỹ để cải tạo chỉnh trang đô thị.

3.4.2. Giải pháp về cơ chế chính sách:

a. Thực hiện tốt cơ chế, chính sách đầu tư

- Thực hiện tốt các chính sách kích cầu để khuyến khích nhân dân đầu tư công sức và tiền của vào phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng.
- Tập trung phát triển kết cấu hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội trên nguyên tắc phải đầu tư đồng bộ tránh chắp vá dàn trải, kết hợp vừa đầu tư mới và vừa chỉnh trang, duy tu để sử dụng có hiệu quả hạ tầng kỹ thuật hiện có.
- Đẩy mạnh công tác xã hội hóa đầu tư phát triển kết cấu hạ tầng, lập các danh mục dự án và cơ chế ưu tiên cụ thể để công khai, mời gọi đầu tư; ưu tiên các dự án nhằm cải thiện chất lượng cuộc sống đô thị như đầu tư các khu vui chơi giải trí, xử lý nước thải, rác thải.
- Mở rộng quan hệ hợp tác đầu tư, tăng cường liên doanh liên kết với các huyện trong tỉnh, tỉnh bạn, với các công ty trong nước, ngoài nước trên một số lĩnh vực mà thị trấn có lợi thế, có điều kiện phát triển.
- Mở rộng các hình thức tín dụng, tăng dần vốn vay trung hạn và dài hạn, thực hiện chính sách ưu đãi về lãi suất cho các chương trình, dự án trọng điểm của huyện.

b. Giải pháp về tăng cường và nâng cao chất lượng công tác xúc tiến đầu tư:

Tham gia các hoạt động xúc tiến, vận động đầu tư trong và ngoài nước. Chủ động phối hợp hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh, Thị trấn với các hoạt động ngoại giao, xúc tiến thương mại và du lịch. Chủ động phối hợp và lồng ghép các hoạt động xúc tiến đầu tư của tỉnh, Thị trấn với chương trình xúc tiến đầu tư quốc gia.

3.4.3. Giải pháp tăng cường công tác quản lý nhà nước về đầu tư:

- Giám sát, theo dõi chặt chẽ việc triển khai thực hiện Dự án của Nhà đầu tư theo thỏa thuận thực hiện Dự án: tiến độ, vốn thực hiện,... kiểm tra giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định về tiêu chuẩn kỹ thuật, bảo hộ lao động, bảo vệ môi trường,...tăng cường các biện pháp giám sát kiểm tra về công nghệ, máy móc thiết bị của các dự án ĐTNN. Kiên quyết xử lý những Dự án có vi phạm, đặc biệt là những vi phạm pháp luật về bảo vệ môi trường. Rà soát, thu hồi giấy chứng nhận đầu tư đối với các dự án có vi phạm nghiêm trọng hoặc không triển khai thực hiện dự án theo quy định.

- Giám sát chặt chẽ việc tuân thủ các quy định tại Giấy CNĐT về huy động vốn và giải ngân. Giám sát chặt chẽ mức vay vốn trong và ngoài nước của nhà đầu tư.

- Thường xuyên theo dõi, giám sát để ngăn ngừa các nguy cơ xảy ra tranh chấp tại khu vực đầu tư nước ngoài (tranh chấp giữa các cổ đông, thành viên, tranh chấp giữa nhà đầu tư với cơ quan quản lý nhà nước...). Xử lý tốt các tranh chấp đã xảy ra, ưu tiên biện pháp hòa giải, thương lượng.

3.4.4. Giải pháp về quy hoạch và quản lý đô thị

- Thực hiện tốt cải cách thủ tục hành chính, nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản lý nhà nước về quy hoạch và phát triển đô thị; tiếp tục xây dựng và hoàn thiện các quy hoạch xây dựng, đô thị và các quy ngành; lập quy chế quản lý quy hoạch kiến trúc khu vực theo đồ án quy hoạch; tổ chức cấm mốc theo quy hoạch; ban hành quy định về công nhận các tuyến phố văn minh đô thị...

- Công bố rộng rãi các quy hoạch đã được phê duyệt; phát huy vai trò của cộng đồng dân cư trong thực hiện quy hoạch.

- Quản lý quy hoạch đất đai và đầu tư xây dựng đảm bảo chặt chẽ, bảo vệ nghiêm ngặt cảnh quan môi trường.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền về trật tự đô thị và vệ sinh môi trường, tạo ý thức văn minh đô thị cho nhân dân địa phương.

3.4.5. Giải pháp về xây dựng hạ tầng đô thị:

- Tăng tỷ lệ đất giao thông so với đất xây dựng ($\geq 17\%$); Tăng mật độ đường giao thông đô thị ($\geq 6 \text{ km/km}^2$). Giải pháp: Tập trung đầu tư xây dựng những dự án công trình giao thông trọng điểm như: đường Quốc lộ, đường tránh, đường nội thị... Cải tạo, nâng cấp, mở rộng các tuyến đường trục chính, đường liên khu, đường khu vực. Xây dựng các bãi đỗ xe, điểm dừng xe, điểm đón trả khách,... Đẩy mạnh thực hiện các dự án để tăng tỷ lệ đất giao thông trong đô thị, đầu tư xây dựng hệ thống giao thông via hè đồng bộ.

- Đẩy nhanh tỷ lệ hồ sơ thủ tục hành chính được xử lý qua dịch vụ công trực tuyến toàn trình ($\geq 50\%$). Giải pháp: Rà soát, đơn giản hoá quy trình, cắt giảm giấy tờ, thủ tục. Xây dựng, hoàn thiện hạ tầng công nghệ thông tin, phần mềm nghiệp vụ bảo đảm việc triển khai dịch vụ công trực tuyến đơn giản, thuận lợi. Tiếp tục đẩy mạnh số hóa hồ sơ, tài liệu, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Nâng cao chỉ số chỉ đạo, điều hành và chất lượng giải quyết thủ tục hành chính thông qua đánh giá mức độ hài lòng của người dân.

- Tăng tỷ lệ nước thải đô thị được xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật ($\geq 15\%$). Giải pháp: Xây dựng hệ thống thu gom nước thải riêng cho thị trấn Thất Khê. Trước mắt là đối với các khu đô thị mới cần xây dựng đồng bộ hệ thống thu gom nước thải và trạm xử lý nước thải riêng. Đối với khu vực dân cư hiện hữu sẽ tiến hành cải tạo dần hệ thống thoát nước riêng và tiến tới xây dựng 02 trạm xử lý nước thải theo quy hoạch chung.

- Xây dựng mới nhà tang lễ (1 cơ sở); Tỷ lệ sử dụng hình thức hỏa táng ($\geq 10\%$). Giải pháp: Khuyến khích xây dựng mới nhà tang lễ của thị trấn, tuy nhiên do tập quán của người dân giai đoạn trước mắt có thể tiến hành cải tạo và xây dựng nhà tang lễ kết hợp với nhà xác của bệnh viện đa khoa huyện Thất Khê. Khuyến khích, vận động và tuyên truyền người dân thấy được lợi ích của việc sử dụng hình thức hỏa táng.

táng. Bên cạnh đó có các chính sách hỗ trợ chi phí cần thiết phục vụ hỏa táng cho các đối tượng chính sách, dân tộc thiểu số, vùng sâu, vùng xa sử dụng hình thức hỏa táng đảm bảo vệ sinh môi trường, tiết kiệm đất. Nghiên cứu, ban hành các quy định bắt buộc về trường hợp người chết mắc bệnh truyền nhiễm có nguy cơ lây nhiễm cao cho cộng đồng hoặc các bệnh khác phải được hỏa táng.

- Nâng cấp cải tạo tuyến phố văn minh đô thị/ tổng số đường chính (%). Xây mới bổ sung công trình xanh (công trình). Giải pháp: Tiến hành xây dựng các tuyến phố văn minh kết nối các khu vực công viên, di tích. (Như trục chính đô thị kết nối qua UBND huyện đến Đình Háng Sông Lấp. Tăng cường trồng thêm cây xanh tại các tuyến phố và các khu cây xanh tập trung để làm thay đổi về cảnh quan kiến trúc đô thị. Phát triển không gian công cộng tạo kiến trúc cảnh quan cho thị trấn, nâng cao chất lượng sống cho người dân.

- Hệ thống chiếu sáng: tiếp tục phát huy và thực hiện công tác xã hội hóa chiếu sáng ngõ hẻm theo mô hình đang thực hiện. Kết hợp với chiếu sáng cảnh quan đô thị tại các tuyến phố Văn Minh.

- Nâng cao hiệu quả cấp nước và tiêu chuẩn cấp nước. Xây dựng mở rộng mạng lưới cấp nước, nâng công suất của nhà máy nước.

IV. PHẦN 4. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

4.1. Ủy ban nhân dân tỉnh:

- UBND cấp tỉnh quyết định việc giữ nguyên hoặc tổ chức lại, giải thể Ban Quản lý khu vực phát triển đô thị hoặc giao đơn vị sự nghiệp công lập thuộc thẩm quyền quản lý để chủ trì thực hiện các nhiệm vụ quản lý khu vực phát triển đô thị Khoản 6 Điều 4 Nghị định 35/2023/NĐ-CP ngày 20/6/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.

- Sở Xây dựng là cơ quan hướng dẫn Ban Quản lý Khu vực phát triển đô thị về mặt chuyên môn để thực hiện chương trình.

4.2. Sở Xây dựng:

- Là cơ quan đầu mối tổ chức thực hiện chương trình này trong thời gian chưa thành lập Ban quản lý Khu vực phát triển đô thị.

- Tổ chức lập các đồ án quy hoạch phân khu.

- Tổ chức rà soát đồ án quy hoạch chung thị trấn Thất Khê theo định kỳ 05 năm báo cáo, đề xuất UBND tỉnh điều chỉnh bổ sung (nếu có).

- Kêu gọi đầu tư chương trình phát triển hạ tầng khung, hạ tầng đầu mối.

- Tổ chức sơ kết tình hình thực hiện cho từng giai đoạn (3 năm một lần) thực hiện Chương trình để rút kinh nghiệm cho giai đoạn tiếp theo.

4.3. Các sở, ban, ngành liên quan:

Tổ chức chủ trì triển khai các nội dung liên quan còn lại thuộc chương trình này.

4.4. Ủy ban nhân dân Huyện Tràng Định:

- Tổ chức thực hiện đầu tư xây dựng theo thẩm quyền đối với các nội dung liên quan của chương trình này.

- Trước khi triển khai xây dựng các dự án xây dựng hoặc cho các hộ cá thể thuê đất để đầu tư xây dựng phải lấy ý kiến thống nhất của Sở Xây dựng để đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch.

- Tổ chức rà soát điều chỉnh lại quy hoạch quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết; quy hoạch chung xây dựng xã nông thôn mới, quy hoạch chi tiết tại các xã để đảm bảo phù hợp với điều chỉnh quy hoạch chung thị trấn Thất Khê

- Tăng cường công tác quản lý trật tự xây dựng trên địa bàn mình quản lý.

4.5. Ủy ban nhân dân thị trấn Thất Khê:

- Các khu phố thực hiện tốt công tác quản lý trật tự trên địa bàn mình quản lý

- Tham mưu các cơ quan cấp trên phát hiện các bất cập trong quá trình triển khai thực hiện chương trình.

V. PHẦN 5. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ

5.1. Kết luận

Xây dựng Chương trình phát triển đô thị thị trấn Thất Khê, Huyện Tràng Định, tỉnh Lạng Sơn đến năm 2035 đã đề xuất các hạng mục ưu tiên đầu tư và dự báo nhu cầu vốn, phân loại các nguồn vốn đầu tư theo các giai đoạn cho các dự án phát triển hạ tầng khung cũng như các dự án phát triển của từng ngành đáp ứng yêu cầu định hướng kế hoạch đầu tư phát triển đô thị, hoạch định các chính sách phát triển, quản lý phát triển đô thị và các hạ tầng phục vụ đô thị. Hướng tới mục tiêu phát triển đô thị hiện đại, hiệu quả và bền vững, thực hiện các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội của huyện, của tỉnh.

5.2. Kiến nghị

Để chương trình được thực thi và phát huy hiệu quả trong thực tế phát triển đô thị phù hợp điều kiện thực tế của huyện, và từng ngành, từng lĩnh vực; hàng năm và trong mỗi giai đoạn 5 năm. Đề nghị chính quyền Tỉnh, Huyện Tràng Định sẽ xem xét phê duyệt nhằm đầu tư sử dụng vốn ngân sách cân đối phù hợp. Kết nối với các chương trình, dự án vùng và giải pháp cụ thể để tận dụng các thế mạnh từ các dự án đó; giải quyết cụ thể các tồn tại hạn chế và bất cập trong phát triển đô thị Huyện Tràng Định. Chỉ đạo các ban ngành, chính quyền cấp huyện, thị trấn, các cơ quan chức năng của thị trấn tiếp tục nghiên cứu và đề xuất cơ chế, chính sách để tạo nguồn vốn thực hiện chương trình phát triển đô thị trong các giai đoạn sau này.

Ủy ban nhân dân Huyện Tràng Định kính trình HĐND huyện xem xét, thông qua./.

PHẦN PHỤ LỤC

PHỤ LỤC 1: VĂN BẢN PHÁP LÝ

